

陳太宗

TRẦN THÁI TÔNG

KHÓA HƯ LỤC
課虛錄

NGUYỄN ĐĂNG THỰC
dịch và chú thích

KHUÔNG VIỆT

課 虛 錄

KHÓA HƯ-LỤC

課虛錄

Khóa Hư Lục .

匡越第一印板—九七二年

Khuông Việt in lần thứ nhất 1972

越南

SAIGON — VIETNAM

陳太宗

TRẦN THÁI TÔNG

課虛錄

KHÓA HƯ LỤC

匡越

KHUÔNG VIỆT

See 33670

MỤC LỤC

Tựa	9
Tựa sách thiên tông chi-nam	13

VĂN KHÓA HƯ CỦA VUA TRẦN THÁI TÔNG

Quyển I

Kệ bốn núi	23
Núi thứ nhất : tướng sinh	25
Núi thứ hai : tướng lão	27
Núi thứ ba : tướng bệnh	29
Núi thứ tư : tướng chết	31
Thuyết Phò thông về sắc tướng của thân	33
Văn khuyến phát tâm	39
Văn giới sát sinh	49
Văn giới sắc	51
Văn giới trộm cướp	53
Văn giới vọng ngữ	55
Văn giới rượu	57
Luận thuyết về giới, định, tuệ	59
Luận về thụ giới	61
Luận về niệm Phật	63
Luận về ngồi thiền	67
Luận về tắm gương Tuệ	71
Luận kinh Kim Cương phép Tam muội	73
Thuyết Phò thông về một đường đi lên	79
Vấn đáp giữa thầy trò	85

KHÓA HỮU QUYỀN DƯỚI II

Tựa khóa nghi cho sáu buổi sám hối	115
Tựa văn lễ sám hối bình đẳng	119
Dâng hương buổi sáng	123
Sám hối nghiệp căn mắt	125
Chúc hương buổi trưa	133
Sám hối nghiệp căn tai	137
Dâng hương lúc trời lặn	143
Sám hối nghiệp căn mũi	147
Kệ khuyên người đời buổi hoàng hôn	153
Kệ tám mối khổ	153
Dâng hương buổi sẩm tối	155
Sám hối nghiệp căn lưỡi	159
Dâng hương nửa đêm	167
Sám hối nghiệp căn của thân	171
Dâng hương buổi hết đêm	177
Sám hối nghiệp căn của ý	187
Kệ khuyên quần chúng	181
Lời bạt cuối cùng	189

虛 課 製 御

序 引

庚子季秋望公暇，因往仙遊蒲山大覺寺觀禮集僧布薩求益，辰武江由茅與僧清香，捧出課虛錄一集三卷請序於余，余辭以粗聞鶴道未悟龜遊孰中三乘經典，五派疏論，罕能豹窺蟲見，安敢妄自僭筆，取笑於善知識乎？僧再三固請，余不獲已，持而歸，披而閱之，是錄也乃。

陳朝太尊皇帝御製也，誠以人生從無始無量劫來，失却本心，罔知正道，墮三塗苦，由六根非，苟不悔於前愆，難望成夫後果，此錄之所以作也，先列人之四山，配天之四時，以生老病死，勢所必然，猶之生長收藏互相輪換，無有窮已，無論世出世間人皆當勤行修懺，心當虛也，辰不可虛也，而功課尤不可辰刻虛也，故定以晝夜六辰，首之以祝香啟白

次之以懺悔勸請，終之以回向發願，從暮至朝，由日入夜，每每六念懃懃，哀望慈尊，懇求憐佑，與夏禹競惜寸陰之心，無間然矣。

TỰA

Dịch-nghĩa bài Tựa dẫn vào sách Khóa-Hư, tác-phẩm của nhà Vua Trần-Thái-Tông.

Ngày rằm mùa thu Canh-tý (1840), nhân nghỉ việc, mới đi vãn-cảnh chùa Đại-Giác ở núi Bò (Bồ-Sơn) thuộc huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh để xem lễ các nhà sư hội họp cầu ích Bồ-tát. Bấy giờ sư cụ Thanh-Hương ở chùa Do-Nha, huyện Võ-giàng có đem một tập Khóa-Hư-Lục gồm ba quyển đề xin tôi bài tựa. Tôi từ-chối rằng hiểu biết thô thiển về đạo-giáo, chưa đạt được ý nghĩa đạo Phật, tự-trung đối với kinh sách của Ba Thừa và luận thuyết của Năm Phái được xem sơ-lược, hiểu-biết nông-cạn, đâu dám cầm bút viết bậy để mua cười của các bậc thiện tri-thức hay sao? Sư Cụ cố nài xin hai ba lần, tôi bất-đắc-dĩ không làm sao được mới cầm sách về mở ra xem kỹ mới hay sách Khóa-Hư-Lục này là chính Hoàng-Đế Thái-tôn triều Trần sáng-tác vậy.

Tác giả thực cho rằng người ta từ bao nhiêu kiếp đến nay, đã quên mất bản tâm, chẳng biết chính-đạo, sa đọa vào ba đường đau khổ bởi vì sáu căn sai lầm. Nếu không sám-hối lỗi kiếp trước thì khó mà trông mong vào hậu quả kiếp sau. Đây là lý-do làm ra sách Khóa-Hư-Lục này vậy. Trước hết tác-giả xếp-đặt bốn ngọn núi vì như bốn giai-đoạn của đời người, phối với bốn mùa của thời-tiết một năm, cho sinh, già, bệnh, chết là thể tất-nhiên cũng như lẽ sinh ra, lớn lên, thu về, tàng chứa thay đổi lẫn nhau không bao giờ hết. Không cứ chỉ người cư-si tại-gia ở thế gian, hay hạng đi tu ra khỏi thế-gian đều nên lo tu-sửa sám-hối. Tâm ý thức nên hư-không nhưng thì giờ không thể bỏ hư-không được mà công-phu học-tập lại không thể một phút bỏ hư-không được vậy. Cho nên cứ nhất định đêm ngày sáu budi, đầu tiên thì dâng hương, tấu bạch, thứ

其文約而理頗明，其事簡而功易集，亦可因此而過心猿防意馬，超苦海，度迷津，雖了悟圓融，未盡比之前芬古德所作，而登十地之階梯，出四山之捷徑者未可於此法也，夫

帝以陳冢令辟也，乃能親端萬乘，念屬三尋，捨袞冕而服田衣，離雕榻而安草座，不但一辰修寺建塔，供佛度僧，利益蒼生，出離苦趣而已也，亦且克自家勤修之念，集為懺悔文偈一集，名曰課虛，示之來許，以謂，天賢一人，以警衆人之愚；天富一人，以警衆人之貧。

帝其在世之活佛歟？亦再造之菩薩歟？余勤誦其文而密其心豁然如有所得是不揣淺陋，拜手擒詞以頌之，若序則烏乎敢

昔

皇朝明命萬萬年，歲在庚子秋季下泮慶喜日，晚生受以開齋戒。

巡撫護理寧太總督法名大方 阮慎軒薰沐謹序
安寧法場遵採刊刻。 一集共四十二板。

đến sám-hối, khuyên mời, sau cùng thì hồi-hương, phát-nguyên. Từ tối đến sáng-từ ngày đến đêm, mỗi lần sáu niệm ân-cần, kêu thương với Từ-tôn, khàn cầu thương giúp, ví như tấm lòng tiếc từ tác quang-âm của vua Vũ nhà Hạ bên Tàu xưa không khác chút gì.

Lời văn gọn gàng mà lý-lẽ-rõ rệt, việc làm giản-dị mà công-phu dễ tới có thể nhân đây mà ngăn tâm vượn, phòng ý mã, vượt qua bề-khờ bến-mê. Tuy rằng thấu-suốt hoàn-toàn chưa hẳn đã so sánh bằng các sách của bậc hiền-đức đời xưa đã trước-tác, nhưng đề bước lên bậc thang của mười cõi, ra khỏi đường tắt bốn Núi thì không thể thiếu bộ sách trọng-yếu này được.

Oi! Vua là bậc hiền nhà Trần mà có thể tự thân ở ngôi vạn-thặng của một nước lớn, lại ý-niệm tới bậc Tam-tôn, bỏ áo mũ nhà vua mà mặc lấy nâu sòng của nông-dân; rời ngai rồng-mà ngồi đệm cỏ. Không những một thời sửa chùa, xây tháp, cúng Phật, độ tăng, làm lợi-ích cho nhân-dân, thoát-ly khỏi cảnh khổ mà thôi đâu. Ngài lại còn đem cách tự mình chuyên-cần tu niệm, hợp thành một tập kệ-văn sám-hối, đặt tên là tập sách Khóa-Hư để chỉ bảo cho đời sau nữa. Gọi là «Trời sanh một người hiền để thức tỉnh mọi người ngu-mê, Trời sinh ra một người giàu để cứu nỗi nghèo của quần-chúng». Vua thực là một vị Phật sống trên thế-gian, và cũng là một vị Bồ-tát tái thế vậy.

Tôi kính-cần đọc văn của Ngài mà lặng cầu lấy tâm ấy, thốt-nhiên như mở thấy được ít nhiều. Vì vậy không dám tự giấu sự hèn kém, chấp tay kính lễ chép nhật mấy lời đề ghi đề ngoài sách. Còn như bảo đề tựa thì đâu dám.

Triều vua Minh-Mệnh muôn-muôn năm-năm Canh-ti, ngày khánh-hỷ, cuối mùa thu, tôi chịu trai giới, Tuân-phủ hộ lý Đổng-đốc Ninh-Thái. Pháp-danh Đợi-phương Nguyễn-Thận-Hiến tằm gột kính cần đề tựa.

禪宗指南

序

朕竊佛無南北，均可修求，性有智愚同資覺悟，是以誘羣迷之方便，明生死之捷徑者，我佛之大教也，任垂世之權衡，作將來之軌範者，先聖之重責也，故六祖有言云：

先大聖人與大師無別，則知我佛之教，又假先聖以傳於世也，今朕焉可不以先聖之任爲己之任，我佛之教爲己之教哉？

且朕於孩童有識之年，稍聞禪師之訓，則澄思息慮，槩然清淨，有心乎內教，參究乎禪宗，虛己求師，精誠慕道，雖回向之意已萌，而觸感之機未達。

甫十六歲，太后厭世，朕寢苦枕土泣血摧心，憂苦之餘，未遑他務，僅數年間，太祖皇帝繼爾晏駕，杯棬之慕未爽，創鉅之心愈切，悽悽縱縱，難釋厭懷，念父母之於子者，撫摩鞠育，靡所不至，粉骨碎身。

TỰA SÁCH THIÊN-TÔNG-CHI-NAM

Trẫm trộm bảo rằng : Phật tính đại đồng, không chia ra có phương Nam phương Bắc, ở đâu vẫn chỉ là một Phật tính mà người ta đều có thể lấy sự tu hành để tìm đến. Tính người tuy có kẻ khôn người ngu, ai cũng nhờ vào sự giác ngộ mới hiểu biết. Cho nên dẫn dụ đám hôn mê về phương pháp tiện lợi, chỉ rõ đường sống chết, đây là giáo lý chính của Phật, còn như cầm cân này mực cho đời sau, làm khuôn phép cho tương lai, đây là trách nhiệm trọng yếu của các tiên-thánh. Cho nên Lục-Tồ (1) có nói :

« Tiên thánh với đại-sư không khác gì nhau »

Đù thấy giáo-lý của đức Phật còn phải mượn đến sức Tiên - Thánh mới truyền - bá được ở đời. Nay Trẫm sao lại có thể không lấy trách - nhiệm của Tiên - Thánh làm trách - nhiệm của mình, giáo - lý của Phật làm giáo - lý của mình được ?

Và Trẫm từ thuở trẻ thơ có hiểu biết, mỗi khi nghe lời dạy giảng của các thiên sư, tức thời dập tắt mọi sự nghĩ ngợi trong lòng hết sức thanh tịnh. Bấy giờ Trẫm đã có ý ham say Nội-Giáo, tìm hiểu Thiên-Tông, dốc chí tìm thầy, thành tâm mộ đạo. Song le, ý hướng dù đã có manh-nha mà cái động-cơ cảm-xúc thì vẫn còn chưa đạt.

Năm mười sáu(16) tuổi, Thái-Hậu(2) chán cõi đời. Trẫm những năm rơm, gối đất, khóc ra máu mắt, đau như cắt lòng. Trong lúc lo phiền khổ não, không còn bụng nghĩ đến chuyện gì. Chỉ trong vài năm Thái-Tồ Hoàng-Đế (3) lại cũng tạ - thế. Thương mẹ chưa khuây, xót cha càng thấm thía. Bồi hồi ngao-ngán khổ người nổi lòng. Trẫm nghĩ tình cha - mẹ đối với các con, vô vền uối nấng không thiếu bề gì. Đời con dẫu nát xương tan

(1) Lục-Tồ đây là Tô Huệ Năng ở Táo Khê phía Nam nước Tàu, khai sáng ra dòng Thiên phương Nam, đối lập với dòng Thiên phương bắc của Thần-Tù.

(2) Mẹ Thái-Tông, vợ Trần Thừa

(3) Cha Thái-tông, Trần Thừa, danh hiệu của con làm vua phong cho cha mẹ Thái-Hậu và Thái-tồ Hoàng đế

猶未足以報其萬一也。況朕考太祖皇帝，開基創業之艱難，經邦濟世之尤重，以大器授于幼冲，夙夜兢兢不遑啟處，私自謂曰：

上既無父母之可依，下恐不足副黔黎之實望，奈何？

尋而思之，不如退處山林，旁求佛教，以明生死之大事，又以報劬勞之德，不亦美哉？

於是朕志遂決，天應政平五年，實丙申四月三夜因服出宮門，謂左右曰：

朕欲出遊，潛聽民言，以觀民志庶，知事之艱難

時，從朕左右不過七八人，是夜亥刻，以單騎而行，渡江東去，乃以其情告于左右，左右是愕然，舉皆涕泣，翌卯時，到大灘晉賴山渡，恐人知之，以衣蒙面而渡江，徑山而行，及晡，入宿于覺行僧寺，待旦而去，間關跋涉，山險泉深，馬疲而不能進

thịt chưa đủ báo đền được một phần muôn vạn. Huống chi Trẫm xét Thái-Tồ Hoàng-Đế mở cơ dựng-nghiệp đã rất khó-khăn, sửa-nước giúp-đời lại càng hệ trọng. Từ khi ngài đem ngôi báu trao cho ta lúc còn trẻ thơ, ta những sớm khuya canh-cánh lo sợ, không một lúc nào ở rời. Lòng riêng tự nhủ rằng; « Ở trên đã không còn cha mẹ để nương nhờ, thì ở dưới cũng e không đáp nỗi sự mong mỏi cho dân đen. Biết tính làm sao đây? Rồi cố tìm cố nghĩ.

Ấu là lui về núi rừng, tìm sang bên Phật giáo để tỏ rõ được điều bi-quyết của sống chết, và để báo đáp công đức cù-lao, như thế cũng chẳng hay lắm sao! Đây là chí Trẫm đã quyết định.»

Triều Thiên Ưng Chính-Bình thứ năm, năm Bình Thân(1245) đêm mồng ba tháng tư. Trẫm ăn mặc thường phục, đi ra cửa cung báo tả hữu rằng:

« Ta muốn đi chơi nghe ngấm lời dân, để xem chí dân họa may mới biết được sự khó nhọc của họ.»

Lúc đó theo bên cạnh Trẫm chẳng qua độ bảy tám người. Đêm ấy vào giờ Hợi, một mình một ngựa cỡi lên ra đi. Khi sang sông đi về phía Đông. Bấy giờ mới thật tình báo cho tả hữu biết. Họ bèn ngạc nhiên, đều ứa nước mắt khóc lóc. Hôm sau giờ Mão đi đến bến đò Đại-Thân dưới núi Phá-Lại. Trẫm e có kẻ biết phải lấy áo che mặt mà qua sông, rồi theo đường tắt lên núi. Đến tối vào nghỉ trong chùa Giác-Hạnh, đợi đến sáng lại đi. Chặt vật treo lộ, núi hiểm suối sâu, ngựa mệt không

朕乃棄馬攀崖而行，未時方到安子山阿，明旦直上山頂，參見國師竹林大沙門，師一見欣然，從容謂朕曰

老僧久居山野，骨剛貌悴，甘荼茹檮，泉飲林遊，心若浮雲，隨風到此，今陛下棄人主之勢，思林野之賦，果何所適而到斯耶？

朕聞其言，雙淚自下，因告之曰：

朕方幼穉，劇喪雙親，孤立士民之上，無所依附，復思前代帝王事業，興廢不常，故入此山，惟求作佛，不求他物。

師曰：

山本無佛，惟存乎心，心寂而知，是名真佛，今陛下若悟此心，則立地成佛，無苦外求也。

時叔父陳公，乃先君托孤之從弟也。

tiến lên được nữa. Trẫm bèn bỏ ngựa vin vào vách đá mà đi. Đến giờ Mùi mới tới núi Yên-Tử. Sáng hôm sau trèo thang lên đỉnh núi, và vào ra mắt Quốc-Sư Trúc-Lâm là vị đại Sa-Môn ở chùa ấy.

Thấy Trẫm, Quốc-Sư mừng rỡ, thung dung bảo Trẫm rằng :

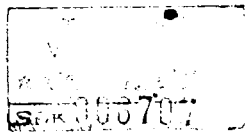
«Lão tăng ở lâu rừng núi, xương rần mất gầy, ăn rau răm, cần hạt dẻ, uống nước suối, chơi cảnh rừng, lòng nhẹ như đám mây nổi (Phù-Vân là hiệu của Quốc-Sư) nên mới theo gió đến đây. Nay nhà Vua bỏ cái thế nhân-chủ, nghĩ đến sự què hèn của rừng núi, chẳng hay muốn đi tìm điều gì mà tới chốn này ?» Trẫm nghe nói, hai hàng nước mắt tự nhiên ứa ra, bèn bảo Quốc-Sư :

«Trẫm còn thơ ấu, vợ mất hai thân, trơ vơ đứng trên sãi-dân, không biết nương-tựa vào đâu. Nghĩ lại sự nghiệp của đế-vương ngày trước hưng phế thành bại bất thường. Cho nên, Trẫm nay vào núi này chỉ cầu làm Phật, không cầu một vật gì khác».

Quốc-Sư đáp :

« Trong núi vốn không có Phật, Phật ở tại trong lòng. Hễ lòng yên lặng mà hiểu biết ấy là Phật thực vậy. Nay nếu nhà Vua giác-ngộ được cái tâm ấy, thì sẽ tức thì thành Phật, không phải khổ công tìm ở bên ngoài vô ích.»

Bấy giờ Trần-công (1) là chủ họ của Trẫm, người đã được



先君棄世羣臣之後，朕命爲太師一聞朕去，分命左右，遍求轍迹，遂與國人尋到此山，與朕相遇，興言痛切曰：

臣受先君顧托，奉陛下爲民神之主，民之所以僕戴於陛下者，亦猶赤子之慕父母也，況今朝廷，故老無非親屬之臣，黎元士庶，盡是悅服之衆。

至於三尺之童，皆知陛下作民父母矣。且太祖捨臣而去，一杯之土未乾，遺身之言猶在，而陛下避跡山林隱居求志，以臣言之

陛下爲自修之計則可 其如國家社稷何？與其垂空言以示後，孰若以身爲天下先也？

陛下若不反思，臣等與天之人，同死此日，決無歸志。

朕見太師及諸故老之臣，無有捨朕之意，遂以其言告于國師，國師捧朕手而言曰：

đức tiên-quân gửi-gắm con cóc. Ông là em họ tiên-quân. Sau khi đức Tiên-quân bỏ thế gian và quần - thần, Trẫm tôn làm chức Thái-Sur, giúp việc chính-sự nhà nước, nghe tin Trẫm đi khỏi, bèn sai tả hữu chia ngả đi khắp mọi nơi để tìm dấu vết đường của Trẫm. Cả bọn đều tìm đến núi này. Gặp Trẫm, Trần-Công hống-thiết nói rằng :

« Tôi chịu lời ủy thác của đức tiên quân, vâng nhà Vua làm chủ dân thần. Nhân dân trông đợi ở Bê-Hạ khác nào con đò mong đợi cha mẹ vậy. Huống chi ngày nay những vị cố lão trong triều, đều là họ hàng thân thích những sĩ-thứ trong nước ai cũng vui vẻ phục theo, cho đến đứa trẻ lên bảy cũng biết nhà Vua là cha mẹ dân. Vả lại Thái-Tồ vừa mới bỏ tôi mà đi, hòn đất trên nắm chưa khô, lời nói bên tai còn đó. Thế mà nhà Vua trốn lánh vào núi rừng, ẩn cư để cầu thỏa mãn chí hướng riêng. Tự tôi xem ra : nhà Vua vì mục-đích tự tu mà làm như thế thì có thể được, nhưng còn nhà nước xã-tắc thì sao ? So ra, để lời khen xuống cho đời sau, sao bằng lấy ngay chính thân mình làm người dẫn đường đi đầu cho thiên-hạ ? Nhà Vua nếu không nghĩ lại, bọn tôi sẽ xin cùng người thiên-hạ cùng chết trong ngày hôm nay, nhất định không trở về nữa.»

Thấy Thái-Sur và các cố-lão quần thần đều không có ý bỏ Trẫm, Trẫm bèn đem lời nói của Thái-Sur bảo với Quốc-Sur Quốc-Sur nắm lấy tay Trẫm mà nói rằng :

(1) Đây là Trần Thủ-Đô, ép Vua lấy vợ của anh là Trần Liễu đang có mang, nên Vua phải uất bỏ đi.

凡爲人君者，以天下之欲爲欲，以天下之心爲心，今天下欲迎陛下歸，則陛下安得不歸哉？然內典之究願陛下無忘斯須耳。

由是朕與國人回京，勉而踐位，十數年間，每遇機暇，輒會耆德，參問禪道，及諸大教等經，無不研究，常讀金剛，至「應無所住而生其心」之句，方爾廢卷吟誦，豁然自悟。以其所悟而作是歌，目曰：禪宗指南。是年國師自安子山赴闕，賜居勝嚴寺，開諸經印板，朕以此作出而示之。

師一覽而三歎曰：

諸佛之心盡在是矣，蓋刊諸經印以示後學？

朕聞是言，乃命工楷寫，勅令開印，非特以爲後世指迷，蓋欲繼先代聖人之功，而廣之也，因自爲序云。

« Phàm làm đấng nhân-quân phải lấy ý muốn của thiên-hạ làm ý muốn của mình và tâm của thiên-hạ làm tâm mình. Nay thiên-hạ muốn đón nhà Vua về cung, như Vua không về sao được ? Tuy nhiên sự tìm hiểu về Nội-điền, xin mong Bệ-Hạ đừng phút nào quên theo đuổi. »

Bởi vậy Trẫm với mọi người trong nước lại cùng về Kinh, cố gắng gượng bước lên ngôi báu. Mười mấy năm trời dòng đã, hễ khi nào có cơ hội nhân rồi việc nước bên ngoài, Trẫm lại tụ họp các vị kỹ đức để hỏi đạo tham thiền, cùng các kinh sách nhà Phật, không bỏ sót chỗ nào không tham cứu tìm tòi. Trẫm thường ngày hay đọc Kinh Kim-Cương. Có lần đọc đến câu : « Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm », « Nên sinh ra cái tâm không bám víu vào một tướng nào. » Đang lúc đặt quyển sách mà thở dài, thì khoát-nhiên lự-ngộ, bèn đem sự giác-ngộ ấy để làm những bài ca này, đặt tên là : « Thiền-Tòng-Chỉ-Nam ».

Năm đó Quốc-Su ở núi Yên-Tử về Kinh, Trẫm mời vào chùa Thăng-Nghiêm để bàn in các kinh và đưa tập này cho coi. Coi rồi Quốc-Su ngậm ngùi và nói :

« Lòng của chư Phật ở cả trong này, sao không khắc in để dạy kẻ hậu học ? »

Trẫm nghe lời đó bèn sai thợ viết ra chữ Khải truyền cho đem in. Không phải chỉ để dẫn bảo đường mê cho đời sau mà thôi, ý Trẫm còn muốn nối theo công nghiệp đấng Tiên-Thánh mà làm cho rộng thêm nữa.

Nhân thế mới tự làm ra bài tựa này.

太宗皇帝

御製課虛集卷上

原夫四大本無。五蘊非有。由空起妄妄成色。色自真空是妄從空。空現妄。妄生衆色。既背無生無化。永爲有化有生。無生化則無化無生。有化生故有生有化。或生聖賢愚智。或化鱗角羽毛。時時沒溺於迷津。往往漂沈於苦海。昏昏憊憊。豈覺豈知。擾擾紛紛。不惺不悟。盡是縱心放去。都無驀鼻牽回。致使六道往來。四山陟降。四山者生。老。病。死也。今叙四山之序以貽厥後。

四山偈

四山峭壁萬青叢

了悟都無萬物空

喜得驢兒三脚在

藝騎打趣上高峰

KINH KHÓA-HƯ¹ CỦA VUA TRẦN-THÁI-TÔNG

QUYỀN I

NGUYÊN lai bốn yếu-tố của vật-thê thì căn-bản không có, mà ngũ-uần cũng không có. — Từ-đại ấy là Thủy, Hỏa, Thổ, Phong. Ngũ-uần là Sắc, Thụ, Tướng, Hành, Thức.

Từ nơi không hình không tướng mà nổi lên cái vọng-tướng rồi vọng-tướng trở nên có sắc-tướng. Sắc-tướng tự ở nơi không mà chân thật. Cái vọng-tướng ấy theo cái không, rồi ở cái không hiện ra có cái vọng, cái mê. Từ cái mê-vọng (avidya) sinh ra nhiều sắc-tướng khác nhau.

Đã đi trái ngược với bản-nguyên không có sinh có hóa, mà trở nên nũi mãi ở trong cái cảnh có hóa có sinh. Nếu không có sinh hóa thì cũng không có hóa sinh, mà đã có hóa sinh cho nên mới có sinh có hóa. Đã sinh hóa thì hoặc sinh ra thánh hiền, hay kẻ nũi người trí, hoặc hóa ra giống có vây, có xùng, có cánh, có lông. Luôn-luôn chìm đắm ở bến-mê, không ngừng chìm nổi trong bể khổ Mơ-mơ mộng-mộng nào có tỉnh, nào có biết. Bối rối với vàng chẳng tỉnh chẳng ngộ. Hết thầy đều thả cho tâm phóng đi, không biết quay về, khiến đến qua lại nơi sáu đường (thiên-đường, nhân-đạo, địa-ngục, quỷ-đạo, súc-sinh đạo a tu la đạo), lên xuống khoảng bốn núi. Bốn núi ấy là Sinh, Già, Bệnh, Chết.

Nay thứ tự kể qua bốn núi để lại cho đời sau.

KỆ BỐN NÚI

Bốn núi vách đá thông xanh ngắt
Tỉnh ra vạn-vật thầy đều không
(1) May thay có lửa ba chân đó
Cưỡi lên leo thẳng đỉnh non bằng

1) Lửa ba chân là Thần-Khù-Ý ba Nghiệp phải giải thoát.

一 山

一山者生相也。有差一念。故現多端。托形骸於父母之精。假孕育於陰陽之氣。冠三才而中立。為萬物之至靈。不論上智下愚。盡屬胚胎之內。豈問一人兆姓。咸歸橐籥之中。或太陽表聖主之挺生。或列宿應賢臣之間出。文筆掃千軍之陣。武畧收百戰之功。芳兒誇儂果之姿。女子逞傾城之艷。一笑傾人國。再笑傾人城。競名誇麗。爭異門奇。看來總是輪迴。到底難逃生化。人之生相。歲乃春時。壯三陽之亨泰。新萬物之萃榮。一天明媚。村村柳綠花紅。萬里風光。處處鶯啼蝶舞。

偈

真宰薰陶萬象成
 祇差有念忘無念
 鼻著諸香舌貪味
 永為浪蕩風塵客

曰

本來非兆又非萌
 却背無生愛有生
 眼盲衆色耳聞聲
 日遠家鄉萬里程

TRÁI NÚI THỨ NHẤT TỨC LÀ TƯỚNG «SINH»

Một niệm đã lắm, nhiều mới hiện ra. Gởi hình hài ở tinh cha mẹ, mượn thai nghén của khí âm-dương. Bao trùm cả tam tài (1) mà đứng ở giữa, trong hàng muôn vật thì ở địa-vị linh hơn hết. Chẳng kể người thượng trí hay kẻ hạ-ngu, ai cũng thuộc vào ở trong bào thai cả. Trăm họ một người há chẳng trở về trong lò bễ (2) của thợ trời. Hoặc là vàng thái-dương biểu-hiện mà sinh làm bậc thánh chủ khác thường, hoặc là bạc văn-chương lồi-lạc, ngọn bút quét nổi ngàn quân (3) hoặc là bạc vũ-lược có công thắng trăm trận. Hoặc là tài trai ra đường quả ném dây xe, (4) hoặc là nữ sắc một nụ cười làm đổ thành (5) đổ nước. Bao kẻ khoe danh hợm sắc, tranh lạ đua sang, nhìn lại cũng trong kiếp luân-hồi, đáo đẽ cũng khó thoát vòng sinh hóa. Tướng sinh của người ta cũng giví như tiết mùa xuân của một năm. Vòng tam-dương (6) đương độ hanh-thông, cảnh muôn vật đương tươi tốt. Một trời sáng đẹp, khắp xóm thôn hoa thắm liễu xanh, muôn dặm phong quang, nơi-nơi oanh kêu bướm lượn.

KỆ

Đúc nên muôn tượng bởi tay trời, (7)

Bản lai mầm triệu há này trời.

Chỉ sai một niệm quên không niệm,

Nên phân không sinh chịu luân hồi.

Mũi sinh hương thơm, lưởi thêm vị,

Mắt lò màu sắc, tai âm thanh.

Trời nổi hoai hoai khách trần thế,

Cổ hương ngày một mãi xa rời.

(1) Tam Tài : danh từ nũ Nho, tượng trưng : Trời, Đất, Người.

(2) Danh từ của Lão-Tử tượng trưng cho Tạc-hóa xí như ống bễ của thợ trời.

(3) Bút thảo ngàn quân : bay «Bút trận một quét toàn quân ngàn người» là thơ Đỗ-Phù nói về văn tài.

(4) Trích quả : Ném quả nói sự tích Phan-Nhạc ngày xưa đến Tầu là người rất đẹp mỗi khi ra đường phụ nữ tán thưởng ném quả dây xe.

(5) Khuynh thành : Nghiêng thành nói sắc đẹp phụ nữ «một cười làm mất nước; hai cười làm mất thành», (Lý Diện Niên)

(6) Tam dương : Ba khí dương nói mùa xuân.

(7) Chân từ : danh-từ Lão Trang nói Chúa chúa thật là Trời.

二 山

二山者老相也。形容漸改。血氣既衰。貌則枯。年則高。體在前。硬在後。綠^毛丹臉。鬢爲鶴髮。鷄皮。竹馬班衣。復有蒲輪鳩杖。縱使離婁之目。視色難明。任教師曠之聰。聞音莫辨。憔悴若秋來之柳。凋零如春復之花。夕陽欲墜於西山。逝水將傾於東海。人之老相。歲乃夏時。吏天燦石。而萬物皆枯。煨日流金。而百川將涸。殘花疎柳。園中溝畔豈能留。狂蝶流鶯。葉下枝頭徒向老。

偈

曰

人生在世若浮漚
景逼桑榆將向晚
青雕昔日潘郎鬢
世事滔滔潭不顧

壽夭因天莫妄求
身如蒲柳暫經秋
白徧當年呂望頭
夕陽西去水東流

TRÁI NÚI THỨ HAI LÀ TƯỚNG «LÃO»

Hình dung đôi đăn, khí huyết đã yếu, tuổi thì cao, vẻ thì khô, trước thì nghẹn, sau thì hóc, tóc xanh má đỏ biến thành tóc bạc da mồi, ngựa trúc (1) áo màu (2) lại thêm gậy cừu (3) xe cói. (4) Dầu có mắt sáng Ly-Lâu (5) nhận màu khó mà rõ rệt, dầu có tai tinh Sư-Khoảng (6) nghe âm cũng chẳng biện-biệt phân-minh. Thân hình tiêu-tụy khác gì cảnh liễu mùa thu, nhan-sắc điêu-tàn giống hệt bông hoa lúc xuân hết. Bóng chiều xế sắp ngã xuống non đồi, dòng nước xa nguồn đang tuôn ra Đông-Hải. Đây là tướng già lão của người ta. ví như tiết hạ của hàng năm, trời nóng nực làm chảy đá mà muôn vật đều khô ánh nắng chày vàng mà trăm sông sắp cạn. Hoa tàn liễu úa, trong vườn bờ suối khó giữ lâu, bướm nhón oanh bay, dưới lá đầu cành, già sắp tới.

KỆ

Lênh dênh bọt nước kiếp người đời
Thọ yều khôn toan tránh mệnh trời
Cảnh đã ngọn dâu (7) còn nắng trái
Thân như bồ liễu (8) trái thu thời
Tóc xanh ngày nọ chàng Phan (9) đẹp
Trắng toát năm nay Lã-Vọng (10) rồi
Cuồn-cuộn việc đời khôn ngoài lại
Trời chiều bóng xế, nước về xuôi.

- (1) Trúc mã ; Ngựa trúc, ngựa bằng tre trong sự tích Hoàn-Ôn.
(2) Áo sắc sỡ của trẻ con, nói sự tích hiếu thảo của Lão - Lai ngày xưa làm vui cha mẹ.
(3) Bò Luàn ; Bánh xe bọc cói có đờ khô thương tổn cho cây cói trên núi, dùng cho người già cho êm.
(4) Gậy cừu ; Gậy có khắc hình chim cừu, là giống không nghẹn Nhà vua tặng lão thần gậy cừu để chúo khỏi nghẹn.
(5) Ly Lâu ; Người mất sáng đời xưa.
(6) Sư Khoảng ; Một Nhạc-sư giỏi đời Xuân-Thu bên tàu, có thể nghe âm thanh mà đoán được việc tương lai.
(7) Phan lang ; tức là Phan Nhục, người đẹp trai thời xưa.
(8) Lã Vọng ; tức là Khương-tử-Nha, đầu bạc còn ngồi câu. Nói người già.

三 山

三山者病相也。年登癯老。疾染膏肓。四肢倦而
 脉絡難通。百節惰而寒溫靡順。喪厥真常之性。失其
 調暢之源。起坐艱辛。屈伸痛苦。命若風前之燭。身
 如水上之漚。心生暗鬼頭頭。眼見空花朵朵。形骸羸
 劣。誰爲扁鵲之醫。體貌衰微。孰是盧人之救。親友
 徒勞省視。弟兄空自扶持。疴沈累月而弗瘳。伏枕臨
 旬而未瘥。人之病相。歲乃秋時。適嚴霜始降之辰。
 屆東舟俱隸之候。密林茂樹。金風一扇幾扶疎。青嶂
 翠峰玉露初垂增冷落。

偶

陰陽愆德本相因
 大抵有身方有病
 靈丹護說長生術
 早願遠離魔境出

曰

變作災屯及世人
 若還無病亦無身
 良藥難令不死春
 回心向道養天真

TRÁI NÚI THỨ BA TƯỢNG TRUNG

«TƯỢNG BỆNH»

Tuổi cao già cõi, bệnh đến cao-hoang, (1) chân tay mỏi, mạch-lạc khó thông, đốt xương lỏng-lẻo mà ấm lạnh dễ cảm. Nhưng tính chân thường đã mất, các nguồn điều-xương cũng sai, ngồi đứng khó khăn duỗi co đau đớn, tính-mệnh như ngọn đèn trước gió, thân-hình như bọt nước tụ tan. Bóng ma vía quỷ chen chúc trong tim, đom-đóm chuồn-chuồn lập loè trước mắt, hình hài yếu-ớt ai là Biền - Thước (2) cao tay, mặt mũi gầy mòn lương y mấy kẻ cứu chữa. Thân thích bạn bè thăm hỏi, anh em uổng sức nâng-niu. Chứng liệt giường hàng tháng không lành, gục xuống gối hàng tuần chẳng khỏi. Tượng bệnh của người ta cũng ví như mùa thu trong một năm, sương lạnh đã rời, cỏ tươi phai úa. Cây cao rừng rậm gió thu một trận bỗng lơ-thơ. Núi biếc non xanh giọt móc mới sa thêm phần trơ trụi.

KỆ

Âm-dương ngang trái vốn theo nhau
Đề khách trần gian chịu đón đau
Đã chịu có thân thời mang bệnh
Ví bằng không bệnh biết thân đâu
Linh-đan chớ cậy trường-sinh phép
Thuốc thánh khó mong giữ được lâu
Cảnh giới ma vương mau xa lánh
Thiên-chân (3) cảnh ấy sớm hồi đầu.

(1) Cao Hoang : Bệnh nặng, không thể chữa.

(2) Biền Thước : Một vị danh y đời Chiến quốc Tần Việt Nhân.

Thiên Chân ; Danh từ Lão gia nói về cái Thật tự nhiên.

三 山

三山耆病相也。年登癯老。疾染膏肓。四肢倦而
 脉絡難通。百節惰而寒溫靡順。喪厥真常之性。失其
 調暢之源。起坐艱辛。屈伸痛苦。命若風前之燭。身
 如水上之漚。心生暗鬼頭頭。眼見空花朵朵。形骸羸
 劣。誰爲扁鵲之醫。體貌衰微。孰是盧人之救。親友
 徒勞省視。弟兄空自扶持。疴沈累月而弗瘳。伏枕臨
 旬而未瘥。人之病相。歲乃秋時。適嚴霜始降之辰。
 屆東卉俱腓之候。密林茂樹。金風一扇幾扶疎。青嶂
 翠峰玉露初垂增冷落。

偈

陰陽愆德本相因
 大抵有身方有病
 靈丹護陀長生術
 早願遠離魔境出

曰

變作災屯及世人
 若還無病亦無身
 良藥難今不死春
 回心向道養天真

TRÁI NÚI THỨ BA TƯỢNG TRUNG

«TƯỢNG BỆNH»

Tuổi cao già cõi, bệnh đến cao-hoang, (1) chân tay mỏi, mạch-lạc khó thông, đốt xương lỏng-lẻo mà ẩm lạnh dễ cảm. Nhưng tính chân thường đã mất, các nguồn điều-xương cũng sai, ngồi đứng khó khăn duỗi co đau đớn, tính-mệnh như ngọn đèn trước gió, thân-hình như bọt nước tụ tan. Bóng ma vía quỷ chen chúc trong tim, đom-đóm chuồn-chuồn lập loè trước mắt, hình hài yếu-ớt ai là Biền - Thước (2) cao tay, mặt mũi gầy mòn lương y mấy kẻ cứu chữa. Thân thích bạn bè thăm hỏi, anh em ưỡng sức nâng-niu. Chứng liệt giường hàng tháng không lành, gục xuống gối hàng tuần chẳng khỏi. Tượng bệnh của người ta cũng ví như mùa thu trong một năm, sương lạnh đã rời, cỏ tươi phai úa. Cây cao rừng rậm gió thu một trận bỗng lơ-thơ. Núi biếc non xanh giọt móc mới sa thêm phần tro bụi.

KỆ

Âm-dương ngang trái vốn theo nhau
Đề khách trần gian chịu đớn đau
Đã chịu có thân thời mang bệnh
Ví bằng không bệnh biết thân đâu
Linh-đan chớ cậy trường-sinh phép
Thuốc thánh khó mong giữ được lâu
Cảnh giới ma vương mau xa lánh
Thiên-chân (3) cảnh ấy sớm hồi đầu.

(1) Cao Hoang : Bệnh nặng, không thể chữa.

(2) Biền Thước : Một vị danh y đời Chiến quốc Tần Việt Nhân.

Thiên Chân ; Danh từ Lão gia nói về cái Thật tự nhiên.

四 山

四山者死相也。病之彌篤。命乃告終。壽齡期享
 於百年。身世醜成於一夢。聰明睿智。難逃去限日來
 。勇力威雄。豈拒無常時到。貞妻順妾。醜成持地之
 悲。恭弟友兄。遽作終天之別。粉身撲地。碎首號天
 。雕牆寶宇以奚爲。積玉堆金而何用。夜壺幽掩。空
 聞朔吹。泉戶長扃。但見愁雲慘慘。人之死相。
 歲乃冬時。乾坤應太歲而周。日月向玄枵而會。陰精
 極盛。一天雨雪更霏。陽氣潛消。八水凝波增凜冽。

偈

曰

擺蕩狂風括地生
 四垂雲合陰霾色
 兩脚陣催飄瀝瀝
 暫時塵斂天邊淨

漁翁醉裏釣舟橫
 一派波醜鼓動聲
 雷聲輪轉怒轟轟
 日落長江夜幾更

TRÁI NÚI THỨ TƯ TƯỢNG TRƯNG CHO TƯỚNG «CHẾT»

Bệnh não càng nặng, tính mệnh hầu tàn. Tuổi thọ kia lưỡng hện trăm năm, thân thể bỗng thành một giấc mộng. Thông minh sáng suốt tránh sao được đại - hạn tới ngày. Khỏe mạnh oai hùng chống sao nổi với vô thường thời tới. Vợ trinh thiếp thuận, trở nên những cảnh đau thương. Em kính anh hiền thê cũng đôi đường cách biệt. Vật mình vớ đất, đập đầu gào trời, tường hoa nhà rộng để làm chi ? Chứa ngọc chất vàng làm gì được nữa. Đài diêm kín khép những nghe gió bắc ào ào. Cửa suối nhật cài chỉ thấy mây sâu thăm đậm. Cái tướng chết của người đời ví như mùa đông của một năm. Xoay đã hết vòng trời đất theo sao Thái-Tuế. (1) Nhật nguyệt hướng vào một chỗ gặp gỡ của sao Huyền-hiếu. (2) Sao Âm cực thịnh một trời mưa tuyết lại rơi rời. Khi đương phai dần, ngấm tẩm (3) suối nước đóng băng thêm giá lạnh.

KỆ

Thời đất mù trời trận cuồng phong
Thuyền chành say tí tọt nọ ngư ông
Bốn bề mù mịt mây sầm sập
Sóng động kêu vang khắp mặt sông
Phất phất mưa cơn rơi từng trận
Sét vang động địa nổ ùng ùng.
Giây lâu tan bụi trời quang tạnh
Sông cả đêm thâm trắng chiếu lòng.

- (1) Thái Tuế : là sao Mộc 12 năm kết một vòng, mỗi năm đóng một vị-tri, nên người Tàu dùng sao để chỉ năm.
- (2) Huyền Hiếu : Một sao trong 28 sao.
- (3) Bát Thủy : Tám nước Kinh Phật nói dưới núi Tu-di có 8 dòng nước công đức : ngọt, mát, dịu, thanh, trong, không có mùi, uống tốt giọng, không đau bụng.

普 說 色 身

諸人等，身為苦本，質是業因，若自以此為真，也是認賊作子，備可仔細看來，祇這色身，未入胞胎之前，那處得有，蓋由念起緣會，五蘊合成，體貌妄生，形容假出，忘真忘本，現偽現虛。或女或男，或妍或醜，盡是縱心放去，都無退步回歸，驅駛生死路頭，失却如來面目，由是供眸外認，誰知顧首內看，來時生是化生，到處夢中說夢，波波淥淥，役役匆匆，以幻為真，背空趨色，枯骸杓搥花簪玉，臭皮袋帶麝薰蘭，剪羅綺裏膿血囊，調鈇華御屎尿桶，如斯外飭，終是穢根，不能這裡自慚，反向箇中著愛，諸人等，大似機關假偽，全憑綫牽抽，弄來弄去與生同，放復收時真死樣，自起萬般計較，祇緣六賊交攻。

THUYẾT PHỒ THÔNG VỀ SẮC TƯỚNG CỦA THÂN

Hỡi các người : thân là nguồn gốc của đau khổ, thề chất là nguyên nhân của nghiệp quả. Nếu tự cho đây là chân thật bản-ngã của mình, thì tức là đã nhận giặc làm con vậy. Người nên nhận xét ại c 10 kỹ. Chỉ vì cái sắc thân này trước khi đầu thai ở trong bụng mẹ thì có thấy nó ở chỗ nào. Chẳng qua ý-niệm nổi lên gặp được duyên tốt, mà ngũ-uần, (sắc, thụ, tưởng, hành, thức) mới nổi lên. Rồi thì hình-thể tướng mạo vọng sinh ra, hình dung cũng hiện ra giả dối. Như thế là quên mất cội gốc chân thật của mình, để hiện ra một cách huyền-ảo huyền-xăng. Hoặc gái, hoặc trai, hoặc đẹp, hoặc xấu đều là phóng tâm đi mất, chẳng lui gót trở về. Rong ruổi đầu đường sinh tử, bằng quên điện mục bản-lai của mình là Phật-tính Như-Lai. Do đây mà chú mắt nhìn ra bên ngoài, còn ai biết quay đầu nhìn vào trong nội tâm nữa ? Lúc lai-sinh là lúc hóa sinh, tới đâu mộng vẫn nói mộng. Rập rờn cuồn-cuộn, bối rối loay hoay, lấy ảo làm thật, trái không theo sắc. Cán xương khô cài hoa diêm ngọc, túi da bần đeo xạ ướp lan. Cát lương the bọc bao máu mủ, nhào son phấn bôi thùng phân dơ. Ngoài dù trang diêm như thế, trong vẫn như bần góm ghê. Không biết sượng-sùng, lại cứ quyến luyến thân đó.

Hỡi các người ! Nhường như tượng gỗ máy quay, chỉ cậy sợ tơ lỏi kéo. Lộn đi lộn 'ại cũng cùng một lối sinh, phóng ra thu về khác chi cối chết. Tự gây muôn cách, so sánh tính toan, đều bỏ

不憂老病死來，管貪酒色財去，徒覓蠅頭蝸角，甘爲利鎖名韉，日間費盡僥求，夜裡醜成夢想，猜得業垢如井，不知鬢髮似霜，一朝惡染沈疴，百年終歸大夢，心肝疼痛，反若冤讎，肌體衰微，真如醉鬼，尚欲祈身待命，不知殘物傷生，特期一世等長松，不覺四肢真漏屋，魂魄暫歸鬼界，屍骸猶委人間，毛髮齒爪未及消，涕唾津液先迸出，腐爛則流膿流血，污穢則薰地薰天，飽黑不堪觀，瘡青真可惡，不論貧富，同入死亡，或藏於室，則蠹出腐生，或棄於路，則狗豕犬食，世人皆掩鼻而過，孝子反裡以藏，拾骨收骸掩骼埋胔，棺殮付一星野火，土堆墓萬里荒山，昔時綠鬢朱顏，今日青灰白骨，淚雨灑時雲慘慘，悲風動處月微微，夜闌則鬼哭神愁，歲久則牛殘馬踐，焚火照開青草裡，蛩聲吟斷白楊梢，碑銘半沒鎖青苔，樵牧踏穿成蹊徑，任是文章蓋世，縱饒才貌傾城，到頭豈有異途，徹底也同著，眼被色牽歸劍樹，耳隨聲引上刀山，鼻頭嗅著臭煙腥。

sáu căn. (mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý.) xung đột. Chẳng lo già ốm chết đến, chỉ mãi tham về tưu sắc tiền tài. Cầu cạnh đầu ruồi tạt ếch, cam tâm danh lợi buộc dằng. Ban ngày hết sức cầu may, tối đến hóa ra mộng tưởng. Chết chưa bợn nghiệp như giếng, biết đâu mái tóc tựa sượng. Một mai mắc bệnh nặng-nề, trăm năm đều về mộng lớn. Tim gan đau xót tựa mối oán thù. da thịt hao mòn khác chi ma đói. Còn muốn cầu thọ-thân, thọ-mệnh, nọ hay đầu hại vật hại sinh. Nhưng mong một kiếp tựa thông già, chẳng hiểu tứ chi như nhà dột. Hồn phách tạm về lối quỷ, xác thân còn bỏ cõi ngoài Tóc, lông, răng, móng chưa kịp tiêu, rớt, rã, bọt, hơi đã thấy ứa. Thối nát chầy máu chầy mủ, tanh hôi lừng đát lừng trời. Đen rọp mắt chẳng dám nhìn, xanh xù tâm thực đáng sợ. Chẳng cứ nghèo giàu cũng đều chết cả. Đề trong nhà thì ruồi bầu bọ rút, đề ngoài đường quạ rìa chó tha. Người đời đều bịt mũi bước qua, con hiếu phải lấy nong mà đập. Thịt xương bừa bãi, thu nhật vùi chôn. Săng bó mặc một tia lửa nội, năm mờ chôn muôn dặm non hoang. Xưa kia tóc mượt má hồng, ngày nay tro tàn xương trắng. Khi mưa lệt tưởi mây mờ mịt, lúc gió sâu lay nguyệt rặng sương. Khi canh tàn thì qui khốc thần sầu, sau lâu năm thì ngựa quàn trâu phá. Lửa đom-đóm lập lòe có rấm, tiếng đế run rền-rĩ ngọn bạch dương. Bia kỷ niệm nửa mờ rêu phủ, kẻ mục tiêu dầy đập đường ngang. Xưa kia dấu văn chương hơn chúng, hoặc là tài sắc nghiêng thành. Đến kỳ nào có khác thường, hết thầy cùng về một lối. Mắt bị sắc lôi về rừng kiếm, tai theo tiếng dẫn đến non đao. (1) Mũi thường ngửi hít khói

(1) Rừng kiếm, non đao, vực dầu, sắt đỏ v.v. đều là hình phạt trong địa ngục Phật-giáo

舌裡喫來鐵丸熱，身怯洋銅俱灌漑，意酸火鑊每交煎，人間歷盡百春秋，微內方爲一宵夜，若是作家具眼，直須早急回觀，翻身跳出生死案，彈指裂開恩愛網，縱爾男縱爾女，總是堪修，任渠智，任渠愚，盡皆有分，若未達佛心祖意，且無憑持戒念經，及併亦非祖亦非；則戒何持經何念，居幻色亦名真色，處凡身也是法身，破六賊爲六神道，遊八苦作八自在，雖言恁麼，而人人既入這色身裡，去也是艱難，諸人等，祇這色身，又作什麼生脫也，若未脫須來聽取。

偈 曰

無位真人赤肉團

紅紅白白莫相瞞

誰知雲卷長空淨

翠露天邊一樣山

hồi tanh, lưỡi nếm ăn viên sắt bỏng. Dội nước đồng sôi co quắp, bỏ vào vạc nấu ý chua cay. Trăm năm trong cõi người ta, một ngày cõi ngục kè mà dài ghê. Nếu ai đủ mắt tin đời, phải kíp hồ; tâm xem lại. Cát mình vượt qua bề sinh-tử giang tay xé toạc lưới ái ân. Chẳng nề trai gái, ai cũng nên tu, chẳng cứ trí ngu đều có phận cả. Nếu chưa thấu tâm-Phật, ý Tò, trước hãy chăm trì-giới niệm-kinh. Kịp đến lúc Phật cũng không mà Tò cũng không, (2) thì còn có giới nào trì, kinh nào niệm. Trong áo-sắc cũng là chân-sắc, chính phạm thân hóa thực pháp-thân. Phá sáu giác (3) thành sáu thần-thông. (4) biến tám khổ (5) ra tám tự-tại. (6).

Tuy nói thế nhưng người ta đã chịu vào cõi sắc-thân này, thoát ra khỏi cũng là khó lắm

Các người ơi : Chỉ cái sắc-thân ấy, lại phải làm thế nào mà thoát ra được. Nếu chưa thoát được cần lại nghe đây :

KỆ

Vô vị chân nhân thật đở lờm
 Rõ ràng trắng đở hết đường nom
 Ai hay mây cuốn trời quang sạch
 Xanh biếc bên trời sắc núi lam

-
- (3) Phật không, Tò không là đạt Niết-bàn trong tâm, vì tất cả đều do tâm tạo.
 (3) Lục tạng là sáu căn : mắt mê sắc, tai mê thanh âm, mũi mê hương thơm, lưỡi mê vị ngon, thân mê cảm xúc, ý mê tư-tưởng.
 (4) Lục thần-thông là quyền năng phép thuật do tu-luyện mà thành.
 (5) Bát khổ của nhà Phật, sinh, già, bệnh, chết, xa cái gì mình yêu, gần cái gì mình ghét, không được như ý muốn, và tất cả bệnh của 5 giác quan.
 (6) Bát Tự-tại là tám quyền năng của bà-nhà như Thường, lạc, ngã, tịch của Niết-bàn.

勸發心文

夫世之至貴者推金玉耳，然察其所重，審其所惜，反不及命者也，假如有富家拜為大將，用黃金為甲備其身，至臨戰之日，兵刀既接之時，或棄甲曳兵而走，冀得全於一身而已，而黃金之甲，豈暇顧哉，乃知黃金之重，不足以比身命者，此之謂也，今者不然，反貴其物而賤其身，不知其身有難逢者三，何者為三，一者，六道之中，惟人為貴，至眼光落地之時，昏昏懵懵，不知所趣，或入地獄，阿修羅，餓鬼畜生之道，不得為人，是一難逢，二者既得為人，或生蠻夷之處，浴則同川，卧則同林，尊卑混處，男女雜居，不被仁風，不調聖教，此二者難逢也，三者，既得生於中國，六根不具，四體不全，盲聾喑啞，蹇跛，口鼻腥腫，身形臭爛，師不與近，眾莫能親，雖居華廈之區，若處窮荒之外，此三者難逢也，今既為人，得生於中國，又六根全具，豈不為貴乎，凡世之人，每區區於名利之徒，

VĂN : KHUYẾN PHÁT TÂM

Ồi ! cái mà đời cho là quý nhất thì chỉ là vàng với ngọc. Nhưng xét tới chỗ quan-trọng, nhìn đến chỗ mền-tiết, thì trái lại không gì hơn là tính-mệnh vậy. Ví dụ có một nhà sang giàu được làm đại-tướng. dùng áo giáp bằng vàng để che kín lấy thân, đến ngày lâm-chiến, đến lúc đao binh giao-tiếp, thì hoặc bỏ áo giáp cùng giuôm mà chạy, chỉ mong bảo-toàn được thân-mệnh, mà cái áo giáp vàng kia há còn nhìn lại. Thế mới biết hoàng-kim so với thân-mệnh, thân mệnh còn trọng hơn, sự thực là như thế đấy. Nay lại không cho như thế là phải, mà đem lòng quý vật khinh thân mình, chẳng biết rằng thân ấy có ba điều khó gặp gỡ. Ba điều ấy là gì ?

Một là : Trong sáu đường (1) chỉ có người là q í hơn cả. Đến khi tinh lạc về âm tối-tăm mù-mịt chẳng biết hướng đi. Hoặc đi vào địa-ngục A-tu-la súc-sinh ma đói chẳng được làm người, ấy là một điều khó gặp.

Hai là : Tuy được làm người sinh nơi mọi rợ. tâm cùng một sông, ngủ cùng một giường, sang hèn lẫn lộn, trai gái nằm chung. chẳng được hưởng gió nhân-nghĩa, không được hưởng phép thánh hiền, ấy là hai điều khó gặp.

Ba là : Đã được sinh nơi văn-hóa, sáu căn chẳng đủ, bốn thê không toàn, mù điếc ngọng câm, thậm thọt công ỉn, miệng mũi tanh hôi, thân-hình thối-tha, thầy không cho tới, chúng chẳng dám gần. Tuy ở trong nơi văn-hóa khác gì ngoài cõi hoang-cùng. Ấy là ba điều khó gặp vậy.

Nay được là người sinh nơi văn-vật, sáu căn toàn vẹn, há chẳng quý hay sao ? Phần lớn người đời đều mài-miết trên đường danh-

(1) Sáu đường hay điều-kiện sinh tử của chúng sinh.

傷其神，勞其形，棄其身命之至重，役其財貨之至輕，與食餅忘食，舍飯忘頰，有何異哉，雖云身命之至重，猶未足重於至道者也，故孔子曰：朝聞道夕死可矣。老子曰：吾所以有大患者為吾有身，世尊求道捨身救虎。豈非三聖人，輕身而重道哉。嗚呼。身命之至重，而尚應捨求無上菩提。況金玉財寶之至輕。又何惜哉。吁。世之邑。尚有忠信。舉世之人。豈無聰明點慧者乎。後聞斯言。固當敏爭。勿自持疑。

經云：

一失人身。萬劫不復。深可痛哉。故孔子有言。人而無為。吾未如之何者已矣。詳夫。百年光景。全在剎那。四大幻身。豈能長久。每日塵勞汨汨。終朝業網茫茫。不知一性之圓明。徒逞六根之貪欲。功名蓋世。無非大夢一場。富貴驚人。難免無常二字。爭人爭我。到底成空。誇會誇能。畢竟非實。風火散時無老少。溪山磨盡幾英雄。綠鬢未幾而白髮早侵。賀者繞臨而吊者隨至。一包膿血。長年苦應恩情。

lợi, nhục cả xác, thương cả thân. Thân-mệnh là rất trọng mà bỏ đi, phục-dịch của-cái là rất khinh. Ăn bánh quên vợ, ngậm cơm quên mẹp có khác gì đâu.

Tuy nói thân-mệnh là rất trọng đấy, mà cũng không trọng được bằng cái đạo cùng tột. Cho nên Khổng-Tử nói : «Sớm nghe đạo, tối chết hã rồi» (1). Lão-Tử nói: «Ta mà có cái lo lớn là vì ta có cái thân»(2). Thế-Tôn cầu đạo bỏ thân cứu khổ.

Há chẳng phải ba bực thánh cùng nhất-tri đề tôn đạo ở trên thân đấy ư ? Than ôi ! thân-mệnh là rất trọng mà còn nên bỏ đề cầu cái cao hơn, tức là đạo Bồ-Đề. Huống chỉ vàng ngọc châu báu là vật rất khinh, lại còn tiếc hay sao ? Ôi ! trong áp mười nóc nhà còn có người trung-tín, trong tất cả người đời lại không có ai thông-minh sáng-suốt hay sao. Nếu nghe lời ta đây phải nên chăm học đừng có nghĩ ngơi. Kinh có câu : «Nhất thất nhân thân vạn kiếp bất phục». «Mất một thân này muôn đời chẳng lại». Đau đớn lắm thay. Cho nên Khổng-Tử có nói : «Nhân nhi vô vi ngộ mạng như chi hà dã di hỹ». «Người mà không muốn làm ta cũng chẳng biết làm sao được vậy».

Và biết trăm-năm vang bóng chỉ một chớp mắt (Sát-Na), bốn đại thân ảo há được lâu dài, mỗi ngày bụi bặm vùi chìm, hết chiều nghiệp thức hoang-mang. Chẳng biết một Tính vốn tròn sáng, dười theo tham muốn về lục căn. Công-danh lừng-lẫy chẳng qua một giấc mộng vàng, phú-quí hơn người khó tránh Vô-thường hai chữ. Đua thiệt tranh hơn rút lại cũng thành không, khoe khéo khoe tài cũng chẳng có gì thật. Già trẻ còn đâu khí giới, anh-hùng mai-một chốn hang sâu. Đầu xanh ngoảnh lại đã tóc bạc, cuộc vui chưa hết mà tiếng khóc theo liền. Một túi máu mù kéo dài luyện-ái ân-tình

(1) — Trc: g sách Luận-Ngữ

(2) — Trc: g sách Đạo-Đức-Kinh

七尺羈縻。恣意慳貪財寶。出息難期入息。今朝不保
來朝。愛河出沒幾時休。火宅憂煎何日了。不願出離
業網。祇因未有功夫。閻羅王忽地來追。崔相公豈容
展限。回首家親都不見。到頭業網自承當。鬼王獄卒
。一任欺凌。劍樹刀山更無摧抵。或搗沃焦山下。或
在鐵圍山間。受鑊湯則萬死千生。遭到磕則一刀兩段
。鐵吞熱鐵。渴飲鎔銅。十二時甘受苦辛。五百劫不
見頭影。受足罪業。復入輪迴。頓失舊時人身。換却
這迴皮袋。披毛帶角。啣鐵負鞍。以肉供人。用命還
債。生被刀砧之苦。活遭湯火之災。互指冤愆。遮相
食噉。那時追悔學道無因。何如直下承當。莫待今生
蹉過。釋迦文佛捨皇宮直往靈山。屠士龐公將家財恣
沉滄海。真武不統王位。

Thân-thê thả lỏng keo tham của báu. Một thờ ra khó đợi hít vào sớm nay không chắc được sớm mai. Sông ái chầy ngày nào ngừng nghỉ, nhà lo thiếu đót lúc nào thôi. Chẳng muốn ra khỏi lưới nghiệp, chỉ vì chưa chịu gắng công. Vua Diêm-vương chột đến tìm bắt, Thời tướng công há có dung cho lùi hạn. Quay đầu lại chẳng thấy người thân-thích, việc đến thì nghiệp-báo tự nhiên phải mang. Bảy giờ Quí-vương canh ngục đều khinh-nhờn, rừng kiếm núi đao càng không tránh khỏi. Hoặc ở dưới núi Ốc-tiên (1) thiếu-đốt, hoặc ở trong núi vẫy sắt, chịu vạc dầu vạn-tử nghìn-sinh, qua dao kiếm thì một dao đứt làm hai đoạn. Đói nuốt sắt đỏ, khát uống đồng chầy. Ngày đêm chịu khổ đắng cay, năm trăm kiếp không đâu thấy ảnh. Chịu đủ tội nghiệp trở lại luân-hồi, vội mất nhân-thân thời trước đời lấy bị da. Mang lông, đội sừng, ngậm sắt, cõng yên, lấy thịt dâng người, dùng mệnh trả nợ. Sống bị cái khò dao đâm vò dập, làm thì gặp tai-họa lửa cháy dầu sôi. Chờng - chất oán-hờn, thay phiên ăn uống. Lúc ấy ăn - năn học đạo không có nhân - duyên, chỉ bằng phải đấm đang ngay chẳng đợi đời này làm-lỗi. Thích - Già Văn - Phật bỏ hoàng - cung mà thẳng tới Tuyết - Sơn. Đạo - sĩ Bàn-Công (2) đem gia tài ném chìm xuống bể, Chân-Vũ (3) không giữ

-
- (1) Ốc-tiên : Sách Phật nói ngoài bể lớn, dưới đáy có đá nóng do Điu-ngọc hun đốt.
- (2) Bàn-Công : Bàn-Uần Cư sĩ, nhà giàu kui giặc ngộ vớt cả của cải xuống hồ Động-dinh.
- (3) Chân Vũ : tức Huyền Vũ vị thần Phương Bức.

惟務修行。呂公既作神仙。尚能參請。蘇學士常觀佛
印翰文公終禮大顛。裴公奪箭於石霜。房相問法於國
一。妙善不招駙馬。成佛無覺。六祖日遇客人。聽經
頓悟。禪道若無既味。聖賢何肯皈依。華林威二虎隨
身。投子有三鴉報曉。李長者背經而天廚送食。須菩
提打坐而帝釋散花。這麼執履西歸。普光搖鈴騰去。
羅漢來參於仰山和尚。嶽帝受戒於思大禪師。徑山至
今猶是龍王打供。雷峰往昔能使木人開山。此皆已斷
之因由。切莫自生於退屈。野狐尚聽百丈法。螺螄猶
讀金剛經。十千遊魚。聞佛號化爲天子。五百蝙蝠。
聽法音總是聖賢。蝶聞懺而生天。龍聽經而悟道。彼
物尚能領悟。

ngôi Vua chỉ ham tu-hành. Lã-Công(1) đã luyện thần tiên còn chăm hỏi đạo. Tô-Đông-Pha(2) thường gần Phật-Ấn, Hàn-Văn-Công(3) sau lễ Đại-Điền. Bùi-Công cướp hốt ở Thạch-Sương, Phòng-tướng hỏi Pháp ở Quốc-Nhất, Diệu-Thiện (4) chẳng chịu phò mã mà thành Phật không ngờ, Lục-Tồ gặp khách nghe Kinh đốn - ngộ. Đạo Thiên ví không màu vị, thánh hiền sao chịu quy-y. Hoa-Lâm (5) cảm hai hồ theo mình, Đầu-tử (6) có ba quạ báo sáng. Trương giả họ Lý giảng kinh mà Thiên-trừ dâng thức ăn. Tu-Bồ-Đê qui xuống mà Đế Thích ném hoa, Đạt-Ma (7) một dép về Tây. Phò hôn rung chuông bay bóng. La-hán đến họp ở Ngưỡng-son (8) Hoà-Thượng. Nhạc-Đế chịu giới ở Đại-Tư-thiền-sư. Kinh-Sơn đến nay Long-vương còn đặt, Tuyết-Phong truyện cũ có thề khiến mọc nhân (9) mở núi. Đấy đều là dẫn nghiệm thực hội nhân do, chẳng gì tự-sinh mà thoát-khuất, cáo rừng còn nghe pháp Bách-Trượng Ốc kia cũng họ Kim - Cương Kinh. Nghìn dặm cá bơi Phật gọi mà hóa làm con trời, năm trăm đời nghe tiếng Pháp mà tất nghe cả trở nên thánh hiền. Mãng-sà nghe sám-hối đề lên trời, Rồng kinh mà ngộ đạo. Những vật kia còn có thề lĩnh ngộ, sao người

-
- (1) Lã Công : tức Lã-đồng-Tàn, 4 trong bát Tiên.
 (2) Tô-Đông-Pha : Một danh-sĩ đạo-học thời Tống bên Tàu, bạn với Phật-Ấn, vi sư chùa Kim-Sơn,
 (3) Hàn-Văn-Công - tức Hàn-Dũ, trước bài Phật giáo về sau lại phải phục theo Sư-Đại-Điền,
 (4) Diệu-Thiện : Sự tích Bà chúa-Ba thành Phật. Bà quan Âm chùa Hương-Tịch,
 (5) Hoa-Lâm : Sư cụ chùa Hoa-Lâm ở rước tu ở Linh sơn có hai con hồ đi theo làm đệ-tử.
 (6) Đầu-Tử : Tu ở Đổng-son ba eo quả nghe tụng kinh,
 (7) Đạt-ma : Sự tích Bodhidharma, (528)
 (8) Ngưỡng-son : tên là Huệ-Tịch được Tô Qui-Sơn thuyên pháp lập nên thiền phái Qui-Ngưỡng, (853)
 (9) Mọc nhân cũng như Thạch nữ, đàn không dây, sáo không lỗ, đều là đề nói cái phi-lý siêu nhiên của Thiên

况人何不回心。或有埋頭喫飯。而空過一生。或有錯路修行。而不省這意。豈識菩提覺性。箇箇圓成。爭知般若善根。人人具足。莫問大隱小隱。伏別在家出家。不拘僧俗。祇要辨心。本無男女何須著相。未明人妄分三教。了得底悟同一心。若能反照迴光。皆得見性成佛。又况人身易失。佛法難逢。欲超六道之周流。唯有一乘之捷徑。須求正見。莫信邪師。悟了方是八頭。行得始能脫俗。步步踏著實地。頭頭頂戴虛空。用時則萬境全彰。放下則一塵不立。超生死不相關之地。了鬼神龐不破之機。是凡是聖。而同八路頭。或寬或親。而共一鼻孔。如斯實悟。尚帶半途。依說句上三玄。要了末後一著。且道即今喚那箇做末後一著。

偈 曰

青 山 低 處 見 天 闊
紅 藕 開 時 聞 水 香

lại chẳng hồi tâm. Có kẻ vui đầu ăn uống mà bỏ quá một đời. Có kẻ làm đường tu-hành mà chẳng tỉnh ý thật. Há biết Bồ-Đề giác-tỉnh ai ai nên tròn, chẳng biết Bát-Nhã căn lành người-người đầy đủ. Đừng hỏi đại àn tiều-àn, chớ phân biệt tại-gia xuất-gia. Chẳng kể tăng tục mà chỉ cần biện tâm, vốn không nam nữ sao nên chấp tướng. Chưa rõ người làm phân tam-giáo, (1) liễu được gốc cùng ngộ một tâm. Vì có thể thu-hồi về ánh sáng, thì đều được thấy Tính thành Phật. Và chẳng thân người dễ mất, Phật Pháp khó gặp, muốn qua hết vòng sáu lối chỉ có đường tắt nhất-thừa. Nên cầu chính-kiến chẳng tin tà sư. Ngộ rồi thì vào được đạo, làm được mới có thể thoát-tục. Bước bước đi cho chắc-chắn, lối lối đều đội hư-không. Lúc dùng thí vạn cảnh đều rõ, phóng xuống thì một bụi không còn. vượt cở đất không liên-quan sống chết, biết qui thần rõ được động - cơ khó phá. Là phạm là thánh mà cùng nhập một đường, hoặc oán hoặc thân đều chung cửa ngộ. Như thế ngộ thực, còn chậm giữa đường. Đừng nói hướng lên tam-huyền, (2) cốt hết một mối tỏ rõ. Và ngay đây nói đến cái mối cùng tột ấy:

Núi xanh nơi sâu thấy trời rộng

Ngó sen lúc nở nước nồng thơm.

(1) Tam-giáo

là Phật giáo, Nho-giáo, Đạo-giáo,

(2) Tam Huyền

Lão tử viết : elường giả đồng vi chi Huyền, Huyền nhị hữu Huyền, chúng diệu chi môn nghĩa là : có và không đều bị nhiệm. Còn có cái Bí-nhiệm nữa là cửa ngõ của đa nguyên, tức là nhất-Tuyệt-đối.

VĂN GIỚI SÁT SINH

Ăn thịt, tăng với tục cùng một thể.

Này giống dê trướng dê con, biến-hóa nơi âm-trút, tình thực giống nhau, thấy nghe, cảm, biết, đâu có khác. Nhưng vì tạo nghiệp quá, chứa oan, cho nên mới chịu lấy danh-hiệu sai khác. Ngày xưa vốn là loài nhân-luân. Ngày nay sinh ra vào đoàn-thề lớn bé khác nhau. Hoặc là bạn là bầu, là anh là em. Đòi ra khăn, áo, mũ, xiêm, biến làm giống có vây, có mai, có lông cánh, lông thú. Vợ quên chồng, chồng quên vợ, con trái với cha mẹ, mẹ xung khác với con. Đã thấy đòi đấu khác mặt, buộc vào chặt chân mò ruột. Ôm hã mới lo sợ chết, tham sống, không nói những lời đau thương, lời cáo đau đớn. Mi giết nó, nó giết lại mi, kẻ kia ăn mày, mày lại ăn kẻ kia. Chìm mất mãi-mãi kỳ hạn liễu kết, kéo dài sự oan-trái. Sống sống báo lẫn nhau, đòi-dòi trả thù lẫn nhau. Quay cò lại còn thấy quê nhà, phóng tâm đi chìm mãi vào địa ngục. Sách Nho thi - hành ban-bổ nhân-đức, kinh Đạo thì yêu vật hiệu-sinh. Phật chỉ giữ điều Giới sát-sinh, người liệu tuân theo mà làm chớ có phạm giới.

KỆ RẰNG

Lông, vây, mai, mào thầy đều linh,

Tham sinh e chết chẳng hai tình,

Xưa nay hiền thánh lòng bất nhẫn,

Há nhìn úy-tử với tham-sanh.

戒 殺 生 文 食肉僧俗同體

夫卵胎濕化性同。見聞覺知豈異，祇因造業積冤。故受異名號，昔日本人倫之類，今生為殊大之羣，或友或朋是兄是弟，換却衣裳冠帶，變為鱗甲羽毛，妻忘夫而夫忘妻，子勝親而親勝子。既見改頭異面，壺來斷足割腸，空懷異死貪生，無更言傷告痛，爾殺他而他還殺爾，渠食汝而汝返食渠，永沒了期長為怨債，生生互報世世相讎。回頭者還著家鄉，縱心者永沉地獄，儒與施仁布佑，道經愛物好生，佛惟戒殺是持，汝應遵行勿犯。

偈

曰

羽毛鱗甲盡含靈

畏死貪生豈異情

自古聖賢懷不忍

焉能見死與貪生

VĂN GIỚI SẮC

Lưng người nước Sở, tóc người nước Yên, vẻ của người nước Triệu, khiến cho tinh-thần tiêu-tan kém sút. Quay mắt liếc chẳng phải mũi nhọn mà ai cũng đứt ruột. Uốn lưỡi chơi một hơi ống địch mà hết thấy đều ghé tai. Kẻ yêu cái ấy thì nghĩa thân-sơ đều mất. Kẻ tham điều ấy thì tiêu mất đạo. Ở trên thì phong-giáo đắm-chìm, ở dưới thì khuê-môn chôn vùi loạn bậy. Chẳng còn hỏi chi đến nếp quen bạn học, chỉ đam sửa-sang phục-sức ngấm-nghía nữ-trang. Đất nước rơi mãi vào Tô-đài, thân-thề hầu mất trong dâm thất. Chỉ là chú mắt vào bề ngoài, không còn quay đầu nhìn vào trong nữa. Cởi bỏ thân này khỏi lụa-là bao-bọc, còn lại lộ túi da bọc thịt. Độc-giác gần am nữ ni mà hoàn tục, Chân-quân xa người đàn bà đã thành than xương mà lên trời. Không điều dâm sắc thì có được năm thần-thông, phạm vào sắc-dục thì mất cả giới-hạnh.

KỆ RẰNG

Má gọi hương mai mặt mơn đào,
Xa trông mắt liếc ý nao nao,
Thấy đều một túi mùi da thịt,
Ngâm cắt lòng người không đến dao.

戒色文

僧俗同

夫楚腰衛鬢，能令性惑心迷，燕色趙顏，能使神清精減，回眼動非磨之刀孰不斷腸，轉舌弄一孔之簧盡水側耳，愛之者親踈義斷，貪之者德失道消，上而風教沒淪，下則閨門喪亂，不問浴流學侶，盡耽法服觀粧，國網永墜於蘇臺，戒體幾亡於淫室，盡是供眸外認，應無回首內看，脫却羅綺纏身，仍露肌皮裏肉，獨覺近女庵而還世，真君遠炭婦而昇天，不行者得五神通，有犯者失諸戒行。

偈

曰

腮惹海香臉膩桃

見之目送意切切

都盧一袋肌皮臭

暗斲人腸不用刀

戒 偷 盜 僧俗同

夫行仁義者君子，為偷盜者小人，於君子懷恤拯孤貧，小人在貪取財物，利以人貨，每為己情，多忍人情，惟知自益，爭知富貴在天，但肆貪求為意，鋪肝穴室，鑿壁穿牆，踵跡山陽將軍，習行梁上君子，逆天悖地，徵法輕刑，生前遭公事施行，死後被冥司拷掠，豈止堆金堆玉，毋令一介一毛，喚池蓮地神尚呵，取子錢陰君猶罰，恢恢天網，行善脫而行惡罹，蕩蕩王刑為公免而為私犯。

偈 曰

鑿壁穿牆意不休

千般百計苦營求

今生苟得他人物

不覺終天受馬牛

GIỚI TRỘM CƯỚP

Này người quân-tử làm điều nhân-nghĩa, kẻ tiểu-nhân làm điều trộm cướp. Ở bụng người quân-tử ôn-ấp thương xót kẻ có-bần, tiểu-nhân thì chỉ tham lấy được của-cải. Chúng có bụng lợi-lấy của-cải của người thường làm của mình, hay vô-tình với người chỉ biết ích mình. Nào biết phú quý ở trời, chỉ nghĩ phóng-túng lòng tham. Ăn gan, ở hang, đục tường, khoét vách, theo gót ông tướng sơn-dương, tập quen quân-tử trên xà nhà. Trái trời phản đất, khinh pháp khinh hình. Lúc sống mắc vào phép công xét xử, chết đi bị địa ngục khảo-đá. Phải chăng chỉ biết chõng chất lấy vàng ngọc. Người liên-trì thân đất máng cho, lấy tiền lãi Quan-Âm hành-phạt. Lờng-lộng lười trời, làm điều thiện thì thoát, làm ác thì mắc. Thành-thang phép vua, làm điều công lợi thì tránh làm điều tư thì phạm.

KỆ RĂNG

Khoét vách, đào tường ý chẳng thôi,
 Mưu cầu khổ trăm kẻ ngàn hồi,
 Vì thú của người dù có được,
 Không hay trâu ngựa chịu đời-dời.

戒 妄 語 文 僧俗同

夫心爲善惡之本，口爲禍福之門，思一念響應無差，起一言影隨不謬，君子重言若辨，古人防語如瓶，言之則以直以公，語之則無阿無曲，罔道此長彼短，不論己是人非，豈敢搖舌弄唇，故乃謹言慎口，且身中之業所重，然口內之過爲先，非惟語者妄言，抑使聞之亂作，今世爲人輕賤，死後被業牽纏，或鐵鉗拔舌而甘受辛酸，或洋銅灌口而長懷苦痛。

偈 曰

脅肩諂笑舌搖唇

永作塵寰妄語人

伺意求歡趨世利

到頭爭免業纏身

VĂN GIỚI VỌNG NGŨ (nói dối)

Này tâm là gốc nguồn của điều thiện điều ác, miệng lưỡi là cửa ngõ của đường họa phúc. Trong tâm nghĩ một niệm ảnh-hưởng ứng ra không sai. Miệng nói ra một lời ảnh - hưởng theo không lạc.

Người quân-tử trọng lời nói như là biện-thuyết với ai. Người xưa giữ gìn ngôn-ngữ như bình. Nói một lời ra là vì thẳng ngay vì công-nghĩa, nói ra không có áp-úng khuất-khúc. Không nói cái này hơn cái kia kém, không bần mình phải người sai. Há dám uốn lưỡi múa môi cho nên mới cần-thận ở miệng nói. Và kè cái chỗ nặng của nghiệp trong thân, thì cái lỗi của lỗ miệng là trước hết. Chàng phải chỉ kè nói càn, còn khiến người nghe làm bậy.

Sống ở đời dè người ta khinh dè, chết đi rồi còn bị nghiệp-báo trói cùm. Hoặc kim sắt nhờ lưỡi mà cam chịu đắng cay, hoặc đồng chày đồ miệng mà kéo dài đau khổ.

KỆ RĂNG

Sơ vai riều cột uốn lưỡi môi,
 Mãi-mãi trần gian sống bụi đời,
 Tư ý cầu vui su thế lợi,
 Sau cùng khó tránh nghiệp vào người.

戒 酒 文

僧俗同

夫嗜酒者德行常虧，飲酒者言辭多失，氣衝腐胃，味浸穿腸，貶亂精神，昏迷心性，二親不顧，五道專行，或店肆而喧呼，或街衢而酩酊，欺天罵地，毀佛謗僧，肆唇口而謳歌，裸身形而舞蹈，不惟接佛供養，從教烏帽斜吹，喪身命自此而生，亡國家由斯而有，棄之則千祥並集，酣之則百禍駢臻，大禹惡之而兆姓偕來，太康酣之而五子咸怨，豈止風流頹，戒抑令違者深防，幾多世上煌煌，却被醉中懣懣。

偈

曰

一甕糟糠麴蘖成

幾多智者沒聰明

非惟獨破緇流戒

敗國亡家自此生

VĂN GIỚI RƯỢU

Người nghiện rượu đức-hạnh thường xuống, kẻ uống rượu nói năng hay sai. Khí xung bại vị, thấm qua nơi ruột, lại hư loạn tinh-thần, hôn-mê tâm-tính. Cha mẹ chẳng nhìn đến, chuyên làm năm điều trái đạo. Hoặc là ở nơi hàng quán làm huyền-náo, hoặc trên đường phố say sưa. Khinh trời, rủa đất, hủy báng Phật, gièm pha nhà tu. Phóng môi miệng mà ca-hát, cời quần áo mà múa may. Không còn tưởng đến đón Phật mà cúng dàng, theo học ăn-sĩ nói xằng. Từ đây này ra sự chôn vùi cuộc đời, do đây mà có sự mất nước mất nhà. Trừ bỏ được thói xấu ấy đi thì ngàn điều lành cùng tụ lại, ham lấy thì trăm họa cập kề mà đến. Vua Đại-Vũ ghét điều ấy mà hàng triệu dân kéo nhau lại. Vua Thái-Khang ham mê điều ấy mà năm bậc hiền phải oán-hờn. Há chỉ có người phong-lưu mới nên giới điều ấy, khiến cả người đạt cũng phải phòng ngừa. Trên đời đã bao người sáng-sủa, đều bị mê-man trong rượu.

KỆ RĂNG

Một vò tám cảm men thành rượu,
 Kẻ biết nhường bao mất trí khôn.
 Phải đâu chỉ phá nhà tu giới,
 Tò-quốc gia-phong cũng chẳng còn.

戒 定 慧 論

夫一切修行之士祇厭生死二事，捨其父母妻子，出家求道，奉佛爲師，蓋履諸佛經路者唯經而已，經之所言者唯戒定慧而已。

解脫論云 戒定慧謂解脫之道，戒者戒儀義，定者不亂義，慧者覺知義，是以戒除惡垢，定除纏繞，慧除使垢，故以此種善伏道，謂初中後善，以戒爲初，以定爲中以慧爲後，戒爲初善者有精進成就不退故喜，以喜故踊躍，以踊躍故身倚，以身倚故樂，以樂故心不定，此謂初善也，定爲中善者，以身倚故止，以止故而心住，以心住如實知見，此謂中善也，慧爲後善者，以此實知見故厭患，以厭患故離欲，以離欲故解脫，此謂後善也，故以戒除惡趣，定除欲界，慧除一切有，依此戒定慧而修之則諸佛之徑路，不爲遠矣。

LUẬN THUYẾT VỀ BA NGUYÊN TẮC PHẬT GIÁO GIỚI ĐỊNH, TUỆ,

Hết thầy các nhà tu-hành những ngán có hai việc là sống và chết. Bỏ cha mẹ vợ con xuất-gia tìm đạo, thờ Phật làm thầy. Bởi vì các người đi con đường đạo-lý của Phật, chỉ có kinh sách mà thôi. Cái chỗ kinh sách nói, chỉ có Giới, Định và Tuệ mà thôi.

Luận Giải-thoát nói: Giới Định, Tuệ, là con đường để giải thoát.

Gới có nghĩa là uy-nghi.

Định có nghĩa là tinh-thần không loạn.

Tuệ có nghĩa là giác-ngộ hiểu biết.

Thế nên Giới trừ được điều như ác.

Định trừ được điều như rối loạn.

Tuệ trừ được điều như sai khiến.

Cho nên lấy giống thiện mà phục-hồi đạo-lý, thì gọi là điều thiện sơ, trung, và hậu, bắt đầu ở giữa và sau hết. Lấy Giới làm bắt đầu, lấy Định làm đoạn giữa và lấy Tuệ làm sau hết. Lấy Giới làm điều thiện bắt đầu thì tinh-tiến thành-tựu mà không lùi bước, cho nên mừng. Mừng nên nhảy vượt nhảy vượt nên thân tốt đẹp, thân đẹp cho nên vui, vui cho nên tâm không định. Đây gọi là điều thiện bước đầu vậy. Định là điều thiện ở đoạn giữa, vì thân tốt đẹp cho nên ngừng vào một điểm. Vì ngừng lại cho nên tâm-trụ tập-trung vào một điểm. Tâm trụ cho nên thấy biết cái chân-thật. Đây gọi là điều thiện ở đoạn giữa. Lấy Tuệ làm điều thiện sau chót là lấy cái thấy biết điều thực ấy cho nên lo ngán. Vì lo ngán yếm-hoạn cho nên lìa bụng dục. Vì xa lìa bụng dục cho nên giải-thoát, đây là điều thiện sau cùng.

Cho nên lấy Giới để trừ sự hưởng ác, lấy Định để trừ bụng dục, lấy Tuệ để trừ tất cả cái hiện-hữu. Nương vào Giới Định Tuệ mà tu-hành thì không xa với các đường lối của các vị Phật xưa vậy.

受 戒 論

夫淨戒者梵語，波羅提木又是也，三世諸佛所以成道者無逾於此也，故云：有破者得名比丘，無破者為外道，此乃指有受與無受之謂也，受而復破尚名比丘，況全受一切淨戒，而又堅持者哉？

故現在菩薩以此度生，未來行人由之解脫。

經云：戒如平地萬善從生，戒如良醫能療眾病，戒如明珠能破昏暗，戒如船筏能度苦海，戒如瓔珞莊嚴法身，有罪者當懺悔，若不懺悔者其罪益深，一失人身萬劫不復，今日雖安明朝難保，宜持此法遠度生死，奉佛為師先依戒律，古德有言：過河須用筏，到岸不須船，此蓋古人以戒為筏，而今不以此為渡之，而得到於彼岸者鮮矣。

LUẬN VỀ THỤ GIỚI

Này tịnh-giới là tiếng Phạm Ba-La-Đế-Mộc-Soa.

Chư Phật ba đời số-dĩ thành đạo được không vượt quá cái giới ấy. Cho nên bảo rằng kẻ vỡ được thì được danh-hiệu Ti-Khuru, không vỡ được giới thì mang tên là ngoại-đạo. Như thế là chỗ vào kẻ có thụ-giới với không thụ-giới mà nói vậy. Thụ-giới mà ại vỡ được thì tôn là Ti-Khuru, huống chi lại thụ được toàn-thê tất cả tịnh-giới mà còn bền giữ lấy hay sao ?

Cho nên Bồ-Tát hiện-tại lấy đây mà qua sự sống ở đời, người chành đạo về sau do đây mà được giải-thoát.

Kinh-diên nói : «Giới như đất bạng, vạn điều lành theo đây mà sinh ra. Giới như lương-y, có thể chữa khỏi mọi bệnh,.. Giới như hạt châu sáng, có thể phá tan u-ám. Giới như thuyền bè, có thể đi qua bề khô. Giới như chuỗi ngọc sửa sang cho Pháp-thân».

Có tội nên sám-hối, nếu không sám-hối tội càng thêm sâu Nhân-thân một khi bỏ mất thì vạn kiếp không trở lại. Ngày nay tuy bình-an, mai sau khó mà giữ gìn được. Nên giữ lấy Pháp này mau qua cầu sống chết. Thờ Phật làm thầy, trước hết nương vào giới luật. Nhàđạo-đức xưa có nói : «Qua sông dùng bè, đến bờ không cần thuyền nữa». Bởi vì người xưa lấy Giới làm thuyền bè, ngày nay không lấy đây đề độ mà được sang tới bờ bên kia, thì khó lắm.

念 佛 論

夫念佛者由心所起，心起於善則爲善念，善念之起則善業報之，心起於惡則爲惡念，惡念之生則惡業應之，如鏡現像似影隨形，故永嘉禪師有云：誰無念誰無生，此之謂也。今學者欲起正念以息三業者，亦假念佛之功也，云何名佛得息三業？於念佛時正身端坐，不行邪行，是息身業也，口誦真言不道邪語，是息口業也，意存精進不起邪念，是息意業也，然智者有三，上智者，心即是佛不假修添，念即是魔不容一點塵念本淨故曰，如如不動即是佛身，佛身即我身是，無有二相，相相無二，寂然常存，存而不知是爲活佛。中智者，必藉念佛注意精勤，念念不忘自心純善，善念即現，惡念便消，惡念即消惟存善念，以念念念，念念滅之，念滅之時必歸正道，命終之時得涅槃樂，常樂我淨佛之道也。

LUẬN VỀ NIỆM PHẬT

Này niệm Phật là do nơi tâm này ra thiện là ý-niệm, thiện ý-niệm thiện nổi dậy thì có nghiệp-thiện báo lại. Tâm này ra ác thì nghiệp-ác ứng vào. Khác nào hình hiện ở trong gương, như ảnh tùy theo với hình. Cho nên Thiên-Sư Vinh-Gia (1) có nói ; «Thùy vô niệm, thùy vô sinh = Cái gì không niệm, cái ấy không sinh», là nói như thế vậy.

Nay kẻ tu-học muốn làm nổi lên ý-niệm ngay thẳng để dẹp tất ba nghiệp (thân, khẩu, ý) thì cũng phải mượn công-phu niệm Phật. Như thế nào là niệm Phật để diệt tất ba nghiệp ? Ở lúc niệm Phật, thân ngồi ngay-ngần, không làm cử-chỉ gì bậy, thì diệt tất được nghiệp của thân-thê.

Miệng đọc những lời chân thật, không nói những lời nói bậy, thì diệt tất được nghiệp của miệng. Ý-thức còn tỉnh-tiến không tà-niệm nổi lên thì tất được nghiệp của ý. Tuy nhiên về trí-thức có ba bậc :

1 Có bậc thượng-trí thì tâm tức là Phật không mượn có sự thêm vào nữa. Ý-niệm đã thanh-tĩnh tục-trần cho nên gọi là như-như không động. Đây là Phật-thân. Phật-thân tức là thân ta, không có hai tướng. Tướng với tướng không phải là hai vật, thì yên lặng còn mãi. Tồn-tại mà không biết thì là Hoạt-Phật.

2 Bậc trung-trí tất phải mượn có sự niệm Phật, hết sức chú-ý và tinh cần. Niệm-niệm không bỏ sót, tự tâm thuần là thiện, Ý-niệm thiện đã hiện ra, thì ác niệm tiêu tan ngay. Ác niệm đã tiêu tan đi rồi, chỉ còn lại có ý-niệm thiện mà thôi. Lấy ý-thức niệm cái ý-niệm thì niệm lại diệt niệm đi. Khi ý-niệm đã diệt-trừ rồi thì át trở về đường chính. Khi mệnh chung được cái vui của Niết-Bàn, Vui không dứt mà cái ta bình-tĩnh ấy là đạo của Phật vậy.

(1) Vinh-gia ; tức Vinh-gia-Huyền-giáo Thiên-sư, ngộ với Lục-Tổ trong một đêm. Tác giả «Chứng đạo ca».

下智者，口勤念佛語，心欲見佛相，身願生佛國，晝夜勤修無有退轉，命終之後，隨其善念得生佛國，後得諸佛所宣正法，證得菩提亦入佛果，三者深淺不同所得一也，然上智也言之則易行之則難，今世之人欲趨而學者，空無棲託盡望涯而退，尤難措足也，中智者若能勤修如上之說，則立地而成佛，如漏未盡而終之隨其果應還生于世，受其善報，善報既盡無人警悟，還落惡趣，如此之者亦為難也，下智者以念為階，以精進為棲注意善緣願生佛國，勤而不怠心性純熟，命終之後隨意所願得生佛國，既生佛國，於其身者何失之有，今之學者既受人身，三業並有而不以念求生佛國者不亦難乎？如欲念佛即以下智為先何者？為有注意故也，譬如作三層之臺而不以下層為先，未之有也。

3 Có bậc hạ trí, miệng chăm niệm lời nói của Phật. Tâm muốn thấy tướng của Phật, thân cầu nguyện tái-sinh ở nước Phật. ngày đêm chăm tu không có thoái lui. Sau khi mệnh chung, tùy theo ý-niệm thiện mà được sinh ở nơi nước Phật. Sau được các Phật ban-bố cho chính-pháp, chứng-nghiệm được trạng-thái Bồ-Đề, thì cũng vào được quả Phật vậy.

Ba bậc tinh-thần ấy sâu nông tuy khác nhau, nhưng cái chỗ đạt được thì chỉ là một mà thôi. Tuy-nhiên bậc thượng-trí nói thì dễ mà làm thì khó. Đời nay người ta muốn sỏ tới mà học nương gởi vào cửa Không. Chỉ vội trông bờ bến mà lui bước, càng khó đạt chân vậy.

Với bậc trung-trí, nếu có thể chăm tu như nói trên đây thì thành Phật rất chóng. Ví bằng tu chưa trọn mà kết-thúc cuộc đời thì tùy theo quả tu mà ứng đáp, trở lại sinh vào thế-gian, nhận được những thiện-báo của kiếp trước. Thiện báo một khi đã hết, không có người cảnh-tình, lại rơi vào đường ác. Như thế cũng khó lắm thay.

Kẻ hạ-trí lấy niệm làm bậc, lấy sự tinh-tiến làm thang, chú-ý vào duyên thiện, cầu-nguyện được sinh vào nước Phật, chăm-chỉ không trễ lười, tâm-tính hết sức thuần-thuộc. Sau khi chết đi tùy theo ý sở-nguyện mà được sinh vào nước Phật. Đã sinh vào nước Phật, ở thân mình còn gì mất nữa ?

Nay kẻ tu học, đã mang lấy thân người, cùng với ba nghiệp, mà không lấy sự niệm Phật đề cầu sinh vào nước Phật, thì chẳng cũng khó cứu lắm thay ? Như muốn niệm Phật thì ắt phải lấy bậc hạ-trí làm bước đầu. Sao vậy ? Vì phải chú-ý vậy, ví như làm cái đai ba tầng, mà không lấy tầng dưới nhất làm trước thì chưa từng có việc như thế bao giờ.

坐 禪 論

夫學道之人惟求見性，雖受其一切淨戒而無坐禪則定力不生，定力不生則忘念不滅，而欲見性者不亦難乎。

釋迦文佛入于雪山，端坐六年，鶴巢于頂上，草穿于脾，身心自若，子慕隱几而坐，形如枯木，心似死灰，顛回坐忘墮肢體，黜聰明，離愚智同於大道，此古者三教聖賢曾以坐定而成就者，然行住坐卧亦皆是禪，非惟獨坐，祇因行則緩步，住則生勞，卧則冥昧而安靜，安靜則慮生，慮生則念起，欲息諸念故習坐定，若坐時不息諸念，心猿競起，意馬弄馳，或亂想而識前塵，或無記而忘自性，倚床倚壁，閉眼藏睛，困睡流涎，低頭屈背，雖假名坐禪，猶坐在鬼窟內黑山之下，故讓禪師曰 磨磚作鏡斯之謂哉！

LUẬN VỀ NGỒI THIÊN

Kia người học đạo chỉ cầu thấy Tính. Dù chịu tất cả chay giới mà không ngồi thiên, thì không sinh ra sức định của tinh-thần. Sức định không sinh thì ý-niệm vọng-động, vọng-niệm không tắt mà lại muốn thấy bản-tính chẳng cũng khó thay.

Thích-Già Mậu-Ni vào núi Tuyết-Sơn ngồi tu sáu năm, chim khách làm tổ trên đầu, cỏ mọc xuyên qua bệ, thân-tâm tự-như. Từ kỳ (1) tựa ghế ngồi, hình như cây khô, tâm như than nguội. Nhan-Hồi (2) ngồi quên, buông chân tay thân-thê, bỏ trí tìm hiểu, rời tr₁ với ngu, nhập vào với đạo-thê. Đây là Thánh-Hiền của ba tôn-giáo (Thích Đạo, Nho), từng lấy sự ngồi tọa-định để thành-tựu đạo-lý. Tuy nhiên đi, đứng, nằm, ngồi, đều cùng là thiên, chẳng phải chỉ ngồi một mình mà thôi. Còn như hễ đi thì tung bước, đứng lại sinh mệt, nằm thì mê muội, yên lặng. Yên-lặng thì ý-nghĩ sinh ra. ý-nghĩ đã sinh ra thì ý-niệm nổi dậy. Muốn tắt các ý-niệm cho nên tập ngồi định. Nhược bằng khi ngồi không dẹp được hết các ý-niệm, tâm vượn nhầy nhót, ý mã bôn-chôn, hoặc loạn-tưởng mà biết trần-lao trước kia, hoặc không ghi-nhớ mà quên mất tự-tính của mình. Dựa dượng dựa vách, nhắm mắt dấu con người, ngủ mệt dãi chầy, gục đầu khom lưng, như thế thì tuy mượn danh gọi là ngồi thiên, khác nào ngồi trong hang quỉ dưới núi tối. Cho nên Nhược Thiên-Sư (3) nói : «Mài gối làm gương» là thế !

- (1) Từ-Kỳ : Nhân-vật trong sách Traug-tử, ngồi tọa-vong : ngồi quên.
 (2) Nhan Hồi : Cao-độ của Khổng-tử phục là bậc hiền, nên lấy làm nhân-vật của sách «Nam-hoa kinh».
 (3) Nhược thiên-sư : là Nam-nhạc-Nhược (744) được Lục-tổ truyền pháp cho. v₄
 chính Ngài lại truyền cho Mã-tò.

且禪有四種：

一作異計，欣上，厭下，而修者是外道禪。

二正信因果，亦以欣厭而修者，是凡夫禪。

三了生空理，證偏真道而修者，是小教禪。

四達人，法空而修者，是大教禪。

今後學之人須以大教禪為正，此習坐禪，息念，
勿生見解爾。

Và lại phép Thiên-học có bốn loại :

1 — Một là tính toán phân-biệt, mừng cái ở trên, chán cái ở dưới, mà lập thành đường lối tu-luyện ấy là phép Thiên của ngoại đạo.

2— Hai là thẳng-thần tin luật nhân quả, cũng lấy sự mừng hay chán làm đường lối tu-luyện, ấy là khoa Thiên của kẻ phạm phu tục-tử.

3— Ba là hết sống, không lý, đề chứng đạo phổ biến mà dựng nên đường tu-luyện, đấy là khoa Thiên của phái Tiều-Thừa.

4— Bốn là trở nên người đạt, khuôn theo pháp vô-biên vô-hình để làm đường tu luyện, đấy là khoa Thiên của Phật giáo Đại-Thừa.

Người theo học từ nay về sau nên lấy phép Thiên của Đại-Thừa làm chân-chính, đấy là tập ngời Thiên, diệt hết ý-niệm, không còn có những kiến-giải trong tinh-thần nữa vậy.

慧 教 鑑 論

夫慧者生於定力，若心定則慧鑑生，若心亂則慧鑑滅，亦如銅鏡先假磨礱，然後方有光淨明照，若不磨礱則苔痕昏垢，既已昏垢，光何以生，故知慧由定現，定自慧生，定慧相依，兩無遺一，若假名坐禪，心未得定而慧鑑生者未之有也，雖有慧性而不習坐禪，自謂已有慧者，何假坐爲，若如是者，雖有慧者而無鑑體，若於定時心未得定，而欲求慧，譬若風波未靜，而求見月影者也，若心既定而反生邪解，求於慧者亦如風波既靜，月影澄清而復攪於水中，求取月影何得見哉？

故祖師云：「寂而常照，照而常寂。」

又云：

「寂寂惺惺是無記，惺惺寂寂是亂想，惺惺寂寂，寂寂惺惺是藥無記，亂想是病，若身有病，故假對治，身既平定，何治之有，若能如此則定慧成爾。」

LUẬN VỀ TẤM GƯƠNG TUỆ

Này, Tuệ ấy do định-lực mà sinh ra vậy. Nếu tâm-thần định được thì gương Tuệ sinh. Nếu tâm-thần rối loạn thì gương Tuệ mất. Cũng như tấm gương bằng đồng, trước hết phải nhờ có sự mài sát rồi sau mới có ánh sáng trong chiếu. Nếu không mài sát thì dài gương ngăn bần mờ bụi. Khi đã mờ bụi thì ánh sáng làm sao có được ? Cho nên biết rằng đức Tuệ do nơi Định của tâm mà xuất-hiện. Tâm Định tự đức Tuệ mà có. Định với Tuệ nương vào nhau, hai cái không bỏ được một vậy.

Nếu mượn tiếng ngồi Thiền, tâm-thần chưa Định được mà có gương Tuệ, thì chưa từng có như thế bao giờ.

Tuy bảo có đức-tính Tuệ mà lại không tập-luyện ngồi thiền-định, tự cho đã có Tuệ rồi còn ngồi thiền làm chi ? Nếu như thế thì người tuy có Tuệ mà không có cái thề gương soi vậy. Nếu đang lúc ngồi Định, tâm-thần chưa được Định hẳn, mà muốn cầu lấy được Tuệ, thì chẳng khác gì sóng gió trên mặt nước chưa yên, lại muốn cầu được thấy bóng trăng dưới nước vậy. Nếu tâm-thần đã Định được rồi mà trở lại này ra những giải-thích thiên-lệch, muốn cầu ở chỗ Tuệ, thì cũng chẳng khác gì sóng gió trên mặt nước đã yên-lặng, bóng trăng đã trong sáng, mà trở lại mò trong nước để cầu bắt lấy bóng trăng thì làm sao thấy được ?

Cho nên Sư-Tồ (Huệ-Năng) nói : «Vắng lặng mà chiếu sáng không phút ngừng, chiếu sáng mà luôn luôn vắng lặng».

Lại nói : «Vắng lặng sáng-suốt là không ghi nhớ. Sáng-suốt vắng-lặng ấy là tư-tưởng rối loạn. Sáng-suốt vắng lặng vắng lặng sáng, suốt ấy là thuốc chữa bệnh. Không-ghi, loạn-tưởng ấy là bệnh. Nếu thân mình có bệnh cho nên mượn cái đối với nó để chữa. Thân đã lành rồi thì còn có cái gì để chữa ? Nếu được như thế thì Định-Tuệ thành rồi vậy».

金剛三昧經序

朕聞本性玄凝，真心湛寂，成術俱絕，非性智能充於端倪，合散盡遺，豈耳目可參于影響，有無捏就，道俗剗夷，而爾獨存，超然無外，此金剛自性之要川也。奈何衆生久膠董染之業習，然有識神每搖知見之風波，縱踐行蓋者，不無迴慧光照者，或解遂使四方易處，糝糊措歸，岐路蹉頭紛糾正道，本始莫辨，真妄難分，精金將雜鑛，混同明月與氤埃俱現，鄉迷歸於何有，面忘却於本來，涅槃路上進難前，生死窠裏入有限，故我師能仁示無生慈忍，愍衆苦淪胥，四弘之願載懷，三思之勞彌切，法澄，報現，祥呈著於周朝，正去，像來，金人夢於漢殿，騰蘭載入，竺旦，方通梵貝翻來，華文燦若易於貝葉，著彼緹紉，教海鋪其雜珍，義天羅其衆曜，或欲增於未當，或將補於有遺，伊吾之道繼蹤流沙之路，接踵不遠越海，

TỰA KINH KIM-CƯƠNG PHÉP TAM-MUỘI

Ta thấy rằng bản-tính động lại một cách huyền-bí, tâm chân-thật yên-lặng thâm-trầm. Sự nên, sự hư-hỏng đều hết cả, chẳng phải cái tính trí-năng có thể xét tới đâu mỗi đực. Hợp lại hay tan đi, không còn. Há quan-năng tai mắt có thể tham-cứu chút gì về ảnh hưởng của nó. Sự có với sự không lồi kéo nhau, đạo phạm-tục cắt đi hết, còn lại sừng-sừng một mình tuyết-đối. Siêu-nhiên không còn đâu là ngoài nữa, đây là cái nguồn ách-yếu của Tự-Tính trong Kinh Kim-Cương vậy. Chúng-sinh đã bị tập-quán nghiệp-báo hun-nhuộm dính-chặt, còn biết làm sao đực, thần-thức mỗi lần chuyển sóng gió của sự biết - thấy, không phải không có cái ô-trọc nó trùm-lớp, trí tuệ quay về chiếu sáng hoặc còn ít. Bền khiến cho đời hưởng mơ-hồ, phân-vân đường rẽ, mờ rồi mất đường chính. Góc, đầu chẳng biện-biệt, thật, hư khó phân. Vàng tinh pha lẫn với chất quặng, trắng sáng với bụi cát cùng hiện. Quay về bến mê chẳng có thật, quên mất bản-lai. Đường tiến lên Niết - Bàn không thấy bước, chìm đắm vào giới-hạn của sống chết. Cho nên Thầy tự có năng-lực Nhân-đức, chỉ cho lòng từ-nhẫn vô - sinh. Lo - lắng chúng sinh chìm-đắm bề khổ, ôm - ấp bốn điều nguyện (1). Càng thiết-tha lao-khò về ba nghi (2). Pháp lắng báo hiện. Sao diễm lành sáng tỏ buổi chiều nhà Chu. Điều chính đi, hình-ảnh tới. Ở điện nhà Hán mộng thấy người;

-
- (1) Tứ hoàng thế nguyện ; 1- Chúng sinh vô-biên thế nguyện độ.
2- Phiền não vô số thế nguyện đoạn.
3- Pháp môn vô-lận thế nguyện học.
4- Phật đạo vô-thượng thế-nguyện thành.

(2) Tam tư ; mỗi hành động, lời nói đề : oo đủ 8 điều kiện tinh thần là suy-nghi, phán-đoán, quyết định.

萬志歸華，自漢權輿於金嶽啟迪，偏圓半滿一無獻於琅函，頓漸實權萬有餘於寶篋，金剛三昧經者蓋非圓滿頓實之類歟，不然者，何以無生法要逞方便神通，大士問出世之因，尊者投究竟之果，欲止除於有位有滅，先以叙於無相無生，見生念於妄念而昏起，始覺於本覺以利轉諸情識八塵摩羅，迷頭不顧自身，垂手導歸實際，或計外塵，緣有乃談真性本空，及其三相不聞，四禪何有，和諸味成無上味，攪羣流作不二流，轉回偏計妄心，接入如來藏識，護持衆法，顯示一心，因執而迷者，若廢獨之相持，隨差而悟者，如齊魯之一變，朕諒德主器，朽索馭民，每慮艱難靡亡宵旰機雖有萬，暇且偷餘，勤務惜陰，學斯加益，宇恐丁而未識，夜至乙以猶觀，既閱孔墳，申覽釋典，是經一見，斯感百生，索隱鉤深，九思三復，餐嚼義味

vàng. Hai nhà sư Ấn Độ Nhiếp - Ma-Đẳng với Trúc-Pháp-Lan (1) được đón về, nước Trúc Đán (2) thông - đồng, sách Phạm bay tới, văn Trung - Hoa được sáng tỏ. Thay vào bối-diệp những cuốn lụa được viết Kinh. Bề đạo phê-bày những điều quý báu, cái nghĩa bàn bạc được sáng tỏ. Hoặc muốn tăng thêm cho cái chỗ chưa chính đáng. Hoặc bỏ - khuyết cho chỗ mất mát. Đạo ấy của ta được nối gót, đường sa-mặc được tiếp chân, chẳng ngại xa-xôi vượt bề, giốc lòng quay về Trung-Hoa. Tự nhà Sư Quyền-Dur đời Hán cho tới nay được mở đạo, về tròn, bù khuyết không thiếu một viên ngọc báu nào. Phép Đốn, phép Tiêm, Phép Thực, Phép Quyền, hàng vạn có thừa trong chấp quí.

Kinh Kim-Cương Tam-Muội há chẳng phải cái loại viên mãn Đốn Thực hay sao? Nếu không như thế thì sao lấy phép vô sinh làm yếu, ưa phương-tiện thần - thông? Đại - Sĩ hỏi nguyên - nhân xuất-thế. Tôn - Giả nêu ra kết-quả của cứu-cánh. Nhâm mục đích muốn ngưng - trừ chỗ có trụ có diệt, trước hết hãy từ - từ ở chỗ không - tướng không-sinh. Thấy sinh-niệm ở chỗ vọng - niệm mà thành mê, khởi đầu giác ở chỗ gốc-giác làm lợi-khí. Biến chuyển tất cả tình - thức, nhập vào «Ám-ma-la» (3) Ngõ mê không quay cõ lại bản - thân, thông tay đi về thực-tế. Hoặc kẻ ngoại trần làm duyên cớ, bèn bàn chân - tính vốn không. Kịp đến khi ba tướng (4) không

(1) Ma-Đẳng : Sư Ấn Mậtanga đến Lạc-dương cùng với Trúc Pháp-Lan năm 07 sau CN.

(2) Trúc Đán : Là xứ Tây trúc Ấn-độ.

(3) Am-ma-la : tiếng Phạm Amala : trình độ Thức Vô-cấu tạo. Alaya thức sau Mật-na thừa và Tri-thức.

(4) Tướng Tam : Giải-thoát tướng (Niết-bản) Ly - tướng, và Diệt-tướng hay là Trung-đạo.

，攀掇文華，欲顯聖言，少筭後學，濫以豹文見一，庶開狙衆怒三，由是洞寫襟懷，親爲注解，披龍宮奧義探鸞嶺微言，道涓滴於正覺之源，補纖埃於真如之路發揮幽旨開闢真宗，使其瞥爾披文，了然見義，破邪黨藩籬之固，作義徒墻廝之師，妄見茫茫，漸知尊於拱托，迷途擾擾，粗識正於指南，聊爲學者所依，以見朕心不恪，故序。

liên-quan, bốn-thiên (1) sao mà có. Hơn tất cả các vị nên vị tối-cao, trợn nhiều dòng thành dòng «không-hai». Chuyển-hồi vọng-tâm đếm-kề, nối vào tạng-thức Như-Lai. Thống-nhất các pháp, biểu-hiện một tâm. Nhân chấp mà mê thì như Man, Thục giữ nhau, theo sai lầm mà giác ngộ, ấy chẳng khác gì nước Lồ nước Tề một lần biến hóa. Trẫm nay đúc bạc làm khí chủ, hủ phép trị dân. Mỗi lần nghĩ đến gian-nan, chẳng quên sớm tối. Công việc tuy có kẻ vạ, mà ngày rồi vẫn còn thừa. Chăm lo công việc, hối-tiết ngày giờ. Học càng tăng thêm, lo một chữ chưa hiểu hết. Đêm đến canh khuya hãy còn xem sách. Đã duyệt sách Khổng lại mở Phật Kinh. Xem đến kinh này cảm xúc này nở. Tìm tòi uẩn-áo, soi-xét thâm sâu, chín lần nghĩ ba lần nhâm, nghiên-ngẫm nghĩa - lý, thấu-thái văn-hoa, muốn hiểu lời Thánh mà kém tư-chất, lại học về sau. Lạ thấy một điều trong văn-chương phức-tạp, lại gây ba giận trong đám vượn đồng (2). Do đấy mô-tả những điều ôm-ấp trong lòng, tự làm chú - giải. Sưu-tầm ý-nghĩa uyên-náo chốn thâm-sâu, tìm kiếm lời cao-siêu nơi chót-vót Giảng mây-may vào chỗ nguồn chính-giác, bù hạt cát trên đường Chân-Như. Phát-huy uẩn, Khai mở Chân-tông. Khiến cho chột mở lời văn, thấy hết ý-nghĩa. Phá cái cố chấp tà đảng hẹp-hòi, vạch ra con đường chính-nghĩa thờ cúng. Vọng-kiến mênh-mông ngẫm biết tôn-kính trông về hướng Bắc. Đường làm chỉ chít, tạm biết ngay thẳng nhìn về phương Nam. Hãy vì chỗ nương tựa của học-giả, đề thấy lòng Trẫm chẳng hẹp-hòi. Nay tựa.

(1) Tứ Thiên ; Là 4 cảnh của thức ở nhà tu-luyện đạt tới.

(2) Thủ chúng nô tam ; nghĩa bóng là Thánh nhân lấy trí giam quân chúng như Thủ-công lấy trí giam đàn khỉ.

普說向上一路

盤山垂語云：向上一路，千聖不傳，學者勞形如猿捉影；今諸方學人，盡向這路頭，參取禪意，且問個等諸人，禪意作麼生參，若也參著底事，還如一箇癡兒，頭上安頭，尾巴續尾，眼中添屑，肉上重疣，說著則唇口過斜，看到則眼睛脫落，黃面老子瞽目傍觀，碧眼胡僧攢眉側立，馬祖掛拂，首山藏篋，趙州裂破布衫，雲門捐卻餬餅，德山棄棒，臨濟吞聲，佛祖盡潛蹤，箇箇人人俱喪膽，雖不能入，針沒處容，銅頭進也無由，鑽額衝之不過，石光追而莫及，電光逐亦由遲，靜悟入沈醉之鄉，動迷蹈生死之路。

THUYẾT PHỒ-THÔNG VỀ MỘT ĐƯỜNG ĐI LÊN

Thiền-Sư Bàn-Sơn(1) để lại câu nói rằng : «Một đường tiến lên, ngàn Thánh không truyền lại, kẻ đi học nhọc xác như vượn hát bóng».

Bão cho người đi học ở các phương thầy hướng vào đường ấy để tham cứu lược lấy ý-nghĩa chủ-trương thiền-học.

Hãy hỏi các người đây. chủ-ý thiền-học tham-cứu làm sao?

Ví bằng cái việc tham-cứu ấy lại như một đứa trẻ ngu -si, trên đầu đặt thêm 'cái đầu, đuôi rón lại nối thêm đuôi, trong mắt hêm bụi, trên bắp thịt lại còn bươu.

t Thuyết-lý ở đây thời mỗi miệng méo lệch, nhìn đến đây thì con người đảo lộn rời rụng. Lão-Tử mặt vàng liếc mắt nhìn nghiêng, nhà sư Hồ (2) mắt biếc đứng bên chau mày. Mã-Tò vác phát trần, Triệu-Châu xé rách nát áo vải, Vân-Môn từ chối bánh cơm, Đức-Sơn bỏ gậy, Lâm-Tế ngậm tiếng im hơi. (3)

Phật Phật, Tò Tò, hết thầy đều ăn-nấu vết-tích cá nhân, cá nhân đều mất mặt sợ hãi. Dùi không thè xuyên qua, kim không chỗ lọt, đầu đồng không nỏ đi vào, trán sắt lao vào không thủng. Lửa đá chạy theo không kịp, sáng chớp đuổi cũng còn chậm. Thanh-tĩnh giác-ngộ vào quê hương chìm say, mê-lâm hoạt-động đi trên đường sống chết.

(1) Bàn-Sơn : xưa có ông Diên-Bân ở phía tây-bắc nước Tàu,

(2) Hồ-tăng : sư người Ấn-độ.

(3) Mã-tổ, Thủ-sơn, Triệu-châu, Vân-môn. Đức-sơn Lâm-tế đều là các Thiền-sư dòng thiền độc đạo ở Tàu.

縱使靈山竹塢，都來漏過一場，少室翠屏也是葛藤之窟。鏡備機揚掣電，喝下應成語寫懸河，話頭薦得。參來參去日久月深。少巖口上滑濡，爭脫身居窠臼。諸人等、到這裏也不得放過一著。倒學者、送目懸崖尤難進足。我於今日爲諸人等、不免虎口捋鬚。竿頭進步。言處風敲松響，默處月照潭清。行時雲去水流，住時山安嶽鎮。語語得迦活計，句句這麼家風。放之則八字打開，把之則一門絕縛。鬼窟裏在也是彌勒樓臺，黑山下居不異普賢境界。威處大光明藏，機機不二法門。直鏡暗去明來，管甚雲遮月蔽。明珠在掌，青映青、黃映黃。古鏡當臺，胡現胡、漢現漢。

Ví thử Linh-Sơn (1) dặn bảo, đều là trường thâm động, Thiếu-Thất (2) truyền riêng cũng là cái hang dây bò. Thêm cơ bông dương lên đánh chớp, vừa hết cơ ứng liền. Lời nói dài dòng, màu chuyện giới-thiệu được. Xét đi xét lại, ngày lâu, tháng dài. Nhỏ yếu miệng nói chậm trễ, tranh thoát thân nơi lỗ cối (3). Nay các người, đến nơi đây không được bỏ qua một điếm. Kể học sai lộn, đưa mắt thấy chỗ nguy-hiểm càng khó bước lên. Nay ta vì các người, không ngại miệng hồ vượt râu, đi trên ngọn sào, nói chỗ gió thổi thông reo, yên lặng ở nơi hồ trong trăng chiếu. Khi đi thì mây bay nước chảy, lúc đứng thì như núi trấn non yêu. Lời lẽ kể sống Thích-Ca, câu câu tác-phong Đạt-Ma, phóng ra thì Tám-chữ (4) mở toang, nắm lại thì một cửa không hé (5). Ở trong hang quỷ mà là lâu đài Di-Lạc, dưới núi sâu chẳng khác cảnh-giới của Bồ-Hiền. Khắp nơi rục-rỡ chứa sáng, cơ-cơ đều là môn đạo không hai ». Đề cho tối đi sáng lại, quản chỉ mây che trăng lấp. Hạt châu sáng ở trong tay thì màu xanh ánh ra xanh, màu vàng ánh ra vàng. Gương xưa trên đài, người Hồ hiện ra người Hồ, người Hán hiện ra người Hán. Phải chăng thề ảo quan-sát ? Hết đều là thân của

(1) Linh-sơn: cũng là Thửu-sơn, nơi Đức Phật niêm hoa mà Ca-diếp giác ngộ đạo thiên trước tiên.

(2) Thiếu-thất : là núi Trung-sơn nơi thiên-sư Phật-Đà lập chùa Thiếu-lâm tức là Đạt-ma điện-bích chín năm.

(3) Cơ-lồng, thoa-i-dầu, khóa cứu v.v., đều là nói cái điếm giác ngộ-đạo Thiên khó khăn nguy hiểm.

(4) Bát-tự : trong kinh Niết-bàn là : sinh, diệt, diệt, dĩ, tịch, diệt, vi, lạc «sống chế hết rồi, yên tắt, làm vui».

(5) Nhất môn tuyệt,

。豈關幻體盡是法身，不勞頂上放光，本具六通神用，超倒魔王宮殿，闢開外道心肝，變大地作國界黃金，攪長河爲人天酥酪，鼻孔裏法輪常轉，眉毛下寶剎現前，波間石女舞婆娑。吹笛木人歌款待。或逢場作戲，或得處寬懷。或垂手搜牽或回頭山野。懶惰時、眠雲枕石，適興時詠月嘲風。優遊乎酒肆茶坊。笑傲乎華街柳陌。黃華鬱鬱無非般若之心，翠竹青青盡是真如之理。撥草現本來面目，剗地斯生死路岐，回頭鐵馬打曳歸，暮鼻泥牛行卻步，不以萬法爲侶，誰教一物尚存，佛亦非心亦非、真也入假也入，三要關外，直饒唱二爲三，十字街頭，一任叫九作十，沒孔笛奏無生曲，無絃琴撫快活歌，那頭頭不是知音，這處處豈容側耳，祇這向上一路久作麼生道，咄這火不曾燒卻口，諦聽諦聽、若也聽得底話，必得三日耳聾，若聽不得、直須走過還委麼？處處綠楊堪繫馬，家家有路到長安，回程月下人稀到，一道蟾光大地寒。

pháp. Chẳng nhọc trên đầu phóng hào-quang ; vốn đủ cày đả tác-dụng của sáu thân-thông, nhảy đờ cung-điện của Ma-Vương, mở phanh tâm-can của ngoại đạo. Biến-hóa cõi đất lớn thành ra thế-giới hoàng-kim, khuấy nước sông Trường-Hà làm váng sữa đồ ăn Người Trời Trong lò mũi bánh xe pháp thường quay, dưới lông mi có bảo-xát hiện ra trước mắt. Trong làn sóng gái đá (không sinh đẻ) múa, Bà-Sa thổi sáo, người gõ ca đái khách. Hoặc gặp sân làm trò, hoặc được nơi rộng thương, hoặc buông tay tìm tòi, hoặc quay đầu về núi vắng. Lúc ươn-lười ngủ mây gối đá, lúc thích-hứng vịnh trắng đùa gió. Lang thang nơi quán phòng trà, cười ngông thay ngô hoa mạch liễu. Cúc vàng phưng-phức thầy đều là cái tâm Bát-Nhã; Trúc biếc xanh đều là nguyên-lý Chân-Như. Vén sạch cỏ thì hiện ra bản-lai diện-mục, lấp phẳng đất rút lại đường cát sống-chết. Quay đầu ngựa-sắt dẫn trở về, cột mũi trâu-bùn đi bước một. Chẳng lấy vạ-pháplàm bạn thì ai bảo một vật là còn ? Phật cũng không, tâm cũng không, cõi chân thật vào, cõi giả dối cũng vào. Ngoài cửa ba yếu-chỉ Lâm-Tế còn thêm hết hai làm ba. Chữ thập đầu đường, một chịu gọi chín làm mười. Sáo không lỗ, tấu khúc ca vô sinh; đàn không dây gầy điệu hát khoái-hoạt. Những người kia chẳng phải kẻ tri-âm, các xứ nợ há dung cho nghiêng tai ? Chỉ có một hướng lên ấy, lâu làm sao sinh đạo ? Này ! lửa kia chưa từng đốt miệng. Nghe đây. Ví bằng nghe được lời này, át được ba ngày tai điếc, nếu nghe không được thì nên đi khỏi ngay. Còn mong chờ gì ? Nơi-nơi dương-liễu xanh, chịu buộc ngựa, nhà nhà sẵn nẻo tới Trườn-An. Đường về dưới trăng người thừa đến. Một vết trăng soi đất lạnh-lùng.

語錄問答門下

一日帝遊真教寺宋德威進云：

僧云：世尊未離兜率已降王宮，
未出母胎度人已畢時如何？

帝云：千江有水千江月，
萬里無雲萬里天。

僧云：未離未出家開示，
已離已出事若何？

帝云：雲生巖頂都盧白，
水到瀟湘一樣清。

僧云：霧來山色晴，
雲去洞中明爲甚麼隱顯一如？

帝云：除是我家真的子，
誰人敢向裡頭行？

僧云：古今無異路達者共同途，
陛下將謂得道獨世尊麼？

帝云：春雨無高下，
花枝有短長！

VẤN-ĐÁP GIỮA THẦY TRÒ

Một bữa kia. Vua (Trần Thái-tông) đến chơi chùa Chân-giáo. Có nhà Sư triều Tống bên Tàu tên là Đức-Thành đặt câu hỏi rằng :

— Đức Phật Thế-tôn chưa đời Thiên-cung Đâu-Suất đã giáng thế xuống đời vua, chưa ra khỏi bụng mẹ đã sẵn độ loài người, kni ấy như thế nào ?

— Vua đáp : Ngàn sông có nước, ngàn bóng trăng sông,
Muôn dặm mây quang muôn dặm trời.

— Tăng hỏi: Chưa đời xuống chưa ra đời, vắng chịu mở
đường chỉ bảo,

Đời xuống rồi, ra đời rồi, việc ấy thế nào ?

— Vua đáp : Mây sinh đỉnh núi mây trắng xóa,
Nước đến tiêu tương một vẻ trong.

— Tăng hỏi: Tạnh mưa màu non tạnh,
Mây quang động sáng ngơi.

Làm sao mà ăn-giáo, hiền giáo lại như nhau ?

— Vua đáp : Chẳng thật con dòng Thích-Ca,
Kẻ nào trong ấy dám vào ra ?

— Tăng hỏi: Xưa nay không khác lối,
Đạt đạo thấy chung đường.

Bệ-hạ muốn bảo chỉ một mình Đức Phật
Thế-Tôn đạt đạo hay sao ?

— Vua đáp : Mưa xuân không cao thấp,

- 僧云： 人人本自人人具，箇箇元來箇箇圓，
爲甚麼世尊入山修行？
- 帝云： 劍爲不平開寶匣，藥因療病出金瓶！
- 僧云： 眼中休著屑，肉上莫劍瘡！
得於學人分上有修證麼？
- 帝云： 流水下山非有意，白雲出岫本無心！
僧無語
- 帝云： 莫謂無心云是道，無心猶隔一重關。
- 僧云： 於心旣無喚甚麼作重關？
- 帝重云 流水下山非有意，白雲出岫本無心。
僧無對。

拈 頌 偈

- 舉 世尊未離兜率已降王宮。
未出母胎度人已畢。
- 拈 劍戟未施將軍已露。

Cành hoa có vấn dài.

- Tăng hỏi : Người người tự gốc người đầy đủ,
Kẻ kẻ nguyên lai kẻ vẹn tròn.
Vậy thì làm sao Thế-tôn vào núi đề tu đạo ?
- Vua đáp : Kiếm tuốt khỏi vô vi bất bình,
Vò thuốc lấy ra đề chữa bệnh.
- Tăng hỏi : Trong mắt không mây bụi.
Trên đùi khoét nhọt chi ?
Ở thân phận kẻ học đạo có được tu-chứng không ?
- Vua đáp : Nước chảy xuống non không dụng ý,
Mây tuôn karg núi hần vô tâm.
Tăng không nói gì, yên lặng. Vua lại nói :
- Chớ bảo vô tâm là đạo đấy,
Vô tâm còn cách một thành liền.
- Tăng nói : Tâm đã không làm thế nào nói được «thành liền»?
- Vua lại nói : Nước chảy xuống non không dụng ý,
Mây tuôn hang núi hần vô tâm !
Tăng không có gì đáp lại.

Dưới đây là 43 chương : Cữ, Niệm, Tụng, (1)

Cữ: Thế-tôn chưa rời Đâu-Suất đã giảng cung vua, chưa ra khỏi bụng mẹ đã sẵn độ người.

Niệm: Gươm báu chưa thi hành, tài tướng quân đã lộ.

(1) Cữ, Niệm, Tụng là lời vấn-đáp của dòng Thiên-tông.

Cữ là đưa ra một vấn-đề.

Niệm là vạch cái điểm trọng yếu ở đấy.

Tụng là kết-luận ý-nghĩa vấn-đề.

頌 沒形孩子未離鄉，午夜將人度渺茫，
 高蹈優游無間隔，不須船子與浮囊。
 舉 世尊初生一手指天一手指地，
 天上地下唯我獨尊。
 拈 一片白雲橫谷口，幾多歸鳥盡迷巢。
 頌 遠多初降淨王宮，欲化羣生自願跳，
 上步周行指天地，幾多佛子喪家風。
 舉 世尊拈華迦葉破顏微笑。
 拈 別起眉毛著眼看，進前擬議隔千山。
 頌 世尊拈起一枝華，迦葉今朝得到家，
 若謂此為傳法要，北轅適越路應賒。
 舉 外道問佛，不問有言，不問無言。
 拈 除是我家真的子，誰人敢向裏頭行。
 頌 牢關雖繫有誰知？言悟都忘沒處依，
 不是世間良馬子，何由特地得便宜。

- Tụng: Không hình thù, con chưa đời quê mẹ,
 Ngày đêm đem người biên rộng qua.
 Cao bước nhàn du không xa cách,
 Chẳng cần bè nổi với thuyền ghe.
- Cử : Thế-tôn mới sinh ra một tay chỉ lên trời, một tay chỉ
 xuống đất. Trên trời dưới đất một «Ngã» độc tôn.
- Niêm: Một bóng mây trắng qua cửa hang,
 Chim chim về tổ mãi-mê đường.
- Tụng: Đức Đạt-Đa mới giáng cung vua,
 Muốn hóa chúng-sinh tự lộ ra.
 Bảy bước đi quanh trở trời đất,
 Biết bao Phật-tử bỏ tục nhà.
- Cử : Thế-tôn giờ cảnh hoa.
 Ca-Diếp nở môi cười nụ.
- Niêm: Dương mày mở mắt mà trông,
 Bước lên nghị nghị muôn trùng cách xa.
- Tụng: Thế-tôn giờ lên một cánh hoa,
 Ca D.ếp sớm nay đạt tới nhà
 Vì bảo thế ni truyền yếu lý,
 Bắc phương đi Việt lộ còn xa.
- Cử : Ngoại đạo hỏi Phật,
 Chẳng hỏi nói Có, chẳng hỏi nói Không.
- Niêm: Chẳng phải thật là con cái Ngã,
 Còn ai trông ấy đắm vào sa ?
- Tụng: Tú giam khó buộc có ai hay,

舉 世尊陞座文殊白槌云：

諦觀法王法。法王法如是！

拈 無絃琴上奏陽春，千古萬古聲不絕。

頌 雖言句句沒疵瑕，掛角應猶露尾巴；

爭似一枝無孔笛，為君吹起太平歌。

舉 齊國王秉劍謂二十四祖尊者云。

師得蘊空否？

曰：已得。

曰：離生死否？

曰：已離。

曰：可施我頭否？

曰：身非我有況於頭乎？

王便斬白乳涌出，玉臂自墮。

拈 將頭臨白刃，猶如斬春風。

Ngôn ngữ đều quên dựa đâu đây ?

Chẳng phải trên đời nói ngựa tốt,

Nẻo nào đặc biệt được duyên may ?

Cử : Thế-tôn lên tòa. Văn-Thù bạch, nói :

Quán-tướng Pháp của Vương-Pháp

Pháp tối-cao như thế.

Niệm : Đàn không giầy tấu khúc dương xuân,

Ngàn thuở muốn đời thanh không dứt.

Tụng : Tuy nói câu câu đều lưu loát,

Treo xừng chằm, học dốt lời ra.

Chẳng khác một cây sáo không lỗ,

Vì anh nổi khúc thái bình ca.

Cử : Vua nước Kế-Tân cầm kiếm, gọi hai mươi bốn Tò
tôn-giả nói :

— Các Sư đã đạt được tinh-túy «Không» chưa ?

— Đáp đã đạt được rồi !

— Đã rời khỏi sống chết chưa ?

— Đáp đã rời khỏi.

— Có thể bỏ-thứ cho trăm cái đầu không ?

— Đáp thân thể không phải của ta có, hưởng chỉ là cái
đầu ?

Vua bèn chém đầu, sửa trắng vọt ra, tay vua tự bị cắt đứt

Niệm : Đầu tướng gặp lưới kiếm trần,

Cũng như chém gió xuân.

Tụng : Chém nước lợi đao, lửa sáng lòe,

頌 利刀斫水火吹光，那事應知也不妨，
 報道今朝遠煙浪，誰知別有好思量。
 舉 達摩大師至洛陽，少林九年面壁而坐。
 拈 著眼看休瞋怪，
 頌 鷓鴣一奮到南溟，接踵徒勞萬里程。
 昨夜祇貪筵上樂，今朝不覺醉難醒。
 舉 二祖乞達麼安心麼曰：將心來與汝安，
 曰：「覓心了不可得」。
 麼曰：安心竟。
 拈 三歲孩兒抱華鼓，八十老翁衰繡球。
 頌 心既無心道向誰？夢回啞子眼麻彌，
 老僧謾道能安竟，笑殺傍觀不自知。
 舉 文殊見女子近佛坐三昧，文殊出不得，
 佛勅網明出得。
 拈 冤家之子喪我家風。

Sự ấy mới hay chẳng hại mà.

Hãy biết sớm nay xa khói nước,

Ai hay còn có nghĩ không ra.

Cử : Đại-sư Đạt-Ma (Bodhidharma) đến chùa Thiếu-lâm ở Lạc-dương, chín năm ngồi quay mặt vào tường.

Niêm : Dương mắt chùng chùng không ngủ gật.

Tụng : Cánh bằng một vế tới Nam-minh,

Nhọc sức noi theo vạn lý trình.

Đêm trước chỉ tham vui tiệc yến,

Mê say chẳng tỉnh lúc bình minh.

Cử : Tò thứ hai hỏi xin Đạt-Ma an cho tâm mình.

Đạt-Ma bảo : Đem tâm của con ra đây thầy cho con an.

Thưa : Không làm sao có thể cầm được cái tâm.

Đạt-Ma bảo : Thế là an tâm rồi.

Niêm : Trẻ con ba tuổi ôm trống bỏi,

Ông cụ tám mươi khóaó gấm trừu.

Tụng : Tâm đã không tâm, đạo về ai ?

Thằng cầm mõng mị, mắt ma-di (?).

Lão-sư đối đạo hay anặng,

Cười diết bàng quan chẳng biết chi !

Cử : Văn-Thù thấy cô gái đến gần Phật-tọa tam-muội. Văn-Thù không ra được. Phật bảo sáng tỏ lưới che thì ra được.

Niêm : Con nhà oan gia, mắt thói nòi Ngã.

頌 佛前同出有疎親，此定應爲未正真，
 若是化工無厚薄，律回何地不陽春。
 舉 馬祖道：從胡亂後三十年不曾闕鹽漿。
 拈 直饒不犯毫芒，也是拈鍼舐指。
 頌 前時曾伴貪盃客，家在常爲酒店鄰，
 縱備徒誇伶俐漢，途中定作失衣人。
 舉 百丈再參馬祖，祖一喝百丈大悟。
 拈 利錐千割，不如鈍鐵一捺。
 頌 昔日平書未混同，四邊奮翅起羣蜂，
 一揮馬老太阿劍，道路從茲信息通。
 舉 國師一日三喚侍者，者三應諾。
 師曰 將謂吾負汝卻是汝負吾。
 拈 如人飲水冷暖自知。
 頌 尊卑唱和兩相當，此意憑誰較短長，
 肺腑向前披露盡，箇中祇許自商量。

Tụng : Cửa Phật cùng ra có sơ thân.

Thế hẳn nên cho chữa chính chân.

Ví phỏng Hóa-công không hậu, bạc,

Luật đầu nẻo nẻo chàng mùa xuân.

Cử : Mã-tồ (Nhất) nói : «Từ cái loạn Ngũ Hồ về sau ba mươi năm, không từng thiếu nước muối».

Niêm : Có thừa chẳng phạm mấy tơ gai,

Cũng là cầm bánh lại liếm tay.

Tụng : Thời xưa từng bạn tham khách chén,

Nhà ở thường bên quán rượu quen.

Phóng-túng tự khoe mình lanh-lợi,

Giữa đường làm kẻ mất áo khăn.

Cử : Bách-Trượng đến tham kiến, Mã-Tồ quát một tiếng,
Bách-Trượng bưng tỉnh ngộ.

Niêm : Trùy nhọn ngàn lần không bằng mai cùn một nhát.

Tụng : Ngày xưa xe, sách chữa hợp cùng,

Loạn rồi ong bay nòi tứ tung-

Một kiếm Thái-A vung Già-Mã,

Từ đây đạo lộ mới hanh-thông.

Cử : Quốc-sư một ngày ba lần gọi người hầu, người hầu
ba lần thưa. Sư nói : Bảo ta phụ anh hay là anh phụ
ta ?

Niêm : Như người uống nước, nóng lạnh tự biết.

Tụng : Thấp cao xướng họa xứng đôi đàng,

Bằng cứ vào đâu xánh đoán trường.

Gan ruột bày ra hết trước mắt,

- 舉 大滿云：有句無句如藤倚樹。
 疎山問曰：樹倒藤枯，句歸何所。
 呵呵大笑。
- 拈 水流元在海， 月落不離天。
 頌 浪靜回如風陳收，徒勞向外苦區區，
 疑團一笑百雜碎，自此應分玉石殊。
- 舉 百丈曰：如何是不爲人說底法？
 泉曰 不是心，不是佛，不是物。
- 拈 千聖覓他蹤不得，全身隱在大虛空。
 頌 向前公案沒偏頗，對面看看會也麼？
 佛法位中留不住，夜來依舊宿蘆華。

Bên trong chỉ phải biết thương lường.

Cử : Vị Sơn đại-sư nói :

Kẻ bảo có ngã-thân, kẻ bảo không, như dây đang leo
tựa vào cây cò thụ.

Sư Sơn hỏi rằng :

Cây cò thụ đồ, dây đang khô héo, có không đi về đâu,
Vị Sơn phá cười ha hả.

Niệm : Nước chảy nguyên ở biển,

Trăng lặn chẳng xa trời

Tụng : Sóng lặng trở về trận gió yên,

Nhọc lòng hướng ngoại khờ bon chen

Một cười nghi hoặc tan trăm mảnh,

Từ đây mới nên ngọc đá phân.

Cử : Bách Trượng nói :

Như thế nào là không vì người thuyết pháp đến cùng ?

Tuyên Sư nói :

Không phải tâm, không phải Phật, không phải vật

Niệm : Ngàn thánh tìm dấu nó chẳng được.

Toàn thân ăn nấu nơi hư-không.

Tụng : Trước đây công-án không thiên lệch,

Đôi mắt nhìn xem hiểu là chi ?

Phật pháp bên trong không chỗ trụ,

Đêm mai như cũ trọ hoa lau.

Cử : Nam-Tuyên thiên-sư nói :

Tâm không là Phật

Trí chẳng phải đạo.

Niêm : Hút hết lý huyền vi,

Đường về dưới trăng đi.

Tụng : Tiếng trâm muôn điệu động sao Ngưu,

Vòm ngọc lẳng trong ti-ố nào.

Gậy lê chống lên lâu vọng ngắm,

Tĩnh-mịch, cô-liêu làm chí đâu ?

Cử : Sau khi Lâm-Tế ra đời chỉ dùng gậy và hét đề
chứng dạy cho môn-đồ, hễ thấy tăng mới vào học
đạo là quát hét.

Niêm : Mừng năm, tháng năm giờ ngọc viết,

Lưỡi độc miệng ác tiêu trừ hết.

Tụng : Nhập-môn liền quát muốn làm chi ?

Đánh thức đàn con tỉnh cảnh mê.

Chẳng phải sám xuân vang một tiếng,

Mà cho bọc sắt này mằm đi.

Cử : Nam-Tuyền nói : Tâm bình-thường ấy là đạo.

Niêm : Lạnh thì nói lạnh, nóng thì nói nóng.

Tụng : Ngọc trắng nguyên lai không vết búa,

Sao còn đẽo gọt khò tìm mới,

Hành trình chẳng nghĩ về quê cũ,

Cùng người buông tay bờ vực thẳm.

Cử : Triệu-Châu nói :

Các người bị mười hai giờ sai khiến,

Ta đây sai khiến được mười hai giờ.

Niêm : Cày thể khinh người, không căn-bản nào có thể tựa.

- 舉 南泉云：心不是佛，智不是道。
- 拈 吸盡玄微要，回程月下行。
- 頌 萬籟聲沈斗柄移，璇穹澄徹絕瑕疵，
杖藜徒倚登樓望，寂寂寥寥何所爲。
- 舉 臨濟出世後，唯以棒喝示徒，
凡見僧入門便喝。
- 拈 五月，五日午時書，赤口，毒舌盡消除
入門便喝欲何行，引得兒孫醉裏醒，
不是春雷聲一震，爭教合甲盡開萌。
- 舉 南泉云：平常心是道。
- 拈 寒即言寒，熱即言熱。
- 頌 白玉元來沒斧痕，何須鎚琢苦求新？
途程不涉家鄉到，付與懸崖撒手人。
- 舉 趙州云：諸人被十二時所使，
老僧使得十二時。
- 拈 拔勢欺人，無本可據！

- Tụng : Ông già có thể mười hai giờ,
 Dạy thuần được rồng dữ với hồ mạnh,
 Muốn biết phép nung sắt thành vàng,
 Thì chẳng nghe bạn việc với người đời.
- Cử : Có nhà tu hỏi tồ Lâm-Tế :
 — Như thế nào là người thật không ngôi ?
 Tồ Lâm-Tế đáp : — Cục phân khô.
- Niêm : Bắn sẻ mất hạt châu,
 Ném chuột như dụng cụ,
- Tụng : Người thật không ngôi, miếng phân khô,
 Theo đòi dòng Thích mất nếp nhà,
 Nhìn xem xuống dưới còn chẳng biết,
 Vào biển trâu bùn dấu chân nhòa.
- Cử : Thiên-tồ Triệu-châu nói :
 Khám-phá Bà-tử ở Ngũ-Đài sơn.
- Niêm: Tháng năm nghe sấm không được bịt tai.
- Tụng: Non dài tay gầy rất là ngoa,
 Không nhọc tiến lên được lại nhà.
 Dáo mác không dùng, lòng sợ phục,
 Bao vàng sao phải rút kiếm ra ?
- Cử : Nhà sư Triệu-Châu nói :
 Phật vàng không qua lò than,
 Phật gỗ không qua ngọn lửa.
 Phật đất dùng không qua nước,
 Phật thật ngồi trong nhà,
- Niêm: Núi là núi, nước là nước, Phật ở nơi nào ?
- Tụng: Bánh xe trên sông vẽ nên hình,
 Ng ày trước Vuơt g-Duy chơi có tiếng.

- 頌 老漢能於十二辰，騎龍猛虎使之馴，
欲知點鐵成金法，不與人間有事聞。
- 舉 僧問臨濟：如何無味真人？
濟云 乾屎橛。
- 拈 彈雀失珠，投鼠污器。
- 頌 無味真人乾屎橛，從教釋子喪家風，
看看向下還知否？入海泥牛失腳蹤。
- 舉 趙州云：五臺山勘破婆子。
- 拈 五逆聞雷，不容掩耳。
- 頌 彈指臺山絕是訛，不勞進步得還家，
干戈不動我心服，實匪何須出太阿？
- 舉 趙州云：金佛不度爐，木佛不度火，
泥佛不度水，真佛屋裏坐。
- 拈 山是山，水是水，佛在什麼處？
- 頌 韜川圖上列成形，昔日玉錐浪得名，
枉費丹青畫盡處，空中月皎與風清。

- Uồng phí nét tô nơi khó vẽ,
Trên không trắng sáng với phong thanh.
- Cử : Triệu-Châu nói :
Ta ở Thanh-Châu làm một cái áo vải nặng bày cân.
- Niêm : Rau cải Trần-châu còn tự đợc,
Thanh-châu áo vải khiến người buồn,
- Tụng : Một bộ áo vải khác lạ thường,
Triệu-Châu không chứa đựng trong đường.
Bên trong bàn luận phân cân lạng,
Cười giết, nhà đồng Mãnh-bát-lang,
- Cử : Có nhà sư hỏi Tồ Triệu-Châu :
— Chó có Phật-tính vậy không ?
Châu đáp : -- Không.
Lại hỏi ; Châu đáp : — Có,
- Niêm : Hai màu một đáp
Tụng : Hỏi rõ trước mặt đối có không,
Bảo ngay lời dứt diệt cả hàm-hồ.
Một đời tự phụ bậc anh linh,
Cũng như làm kẻ chẳng trượng phu.
- Cử : Triệu Châu thiên-sư nói :
Có nơi Phật không đợc ở,
Không nơi Phật vội chạy qua.
- Niêm : Nước đến nơi ngồi,
Gậy đập hiện vết.
- Tụng : Có, không chốn Phật cả hai tiêu trừ lẫn nhau,
Lời ấy cũng chưa đầy đủ.
Sau cùng giờ hoa nêu chỗ tương-tự.
Không đời nửa bước tới đợc nước Phật.
- Cử : Thủ Sơn giờ cái lược tre nói :
Gọi đợc lược tre tức thì cảm xúc, không gọi đợc
lược tre tức thì phản bội. Và lại gọi là gì ?
- Niêm : Chớ động vào ba mươi gậy.

舉 趙州云：我在青州作一領布衫重七斤。
 拈 鎮州蘿蔔猶自可，青州布衫更愁人。
 頌 一領布衫特異常，趙州蘿蔔不包藏。
 筍中擬議分銖兩，笑殺東家孟八郎。
 舉 僧問趙州：狗子有佛性也無？
 州云：無。
 又問？州云：有
 拈 兩采一筓。
 頌 同著當前對有無，真教言下滅羣胡，
 一生自負英靈漢，也是猶爲大丈夫。
 舉 趙州有佛處不得住，無佛處急走過。
 拈 水到渠成，棒撻痕現。
 頌 有無佛處兩俱擯，這語都來未是全，
 末後揚華還舉似，不離寸步到西天。
 舉 首山拈竹篋云：喚作竹篋即觸，
 拈 不喚作竹篋即背，且喚作什麼？
 拈 勿動著，動著三十棒。

- Tụng : Lược tre, bội, xúc khó phân biệt đâu là chính,
 Rõ ràng ngay đấy nêu người tương-tự.
 Tuy rằng đường phẳng, không có bụi động.
 Mà là một trường thâm lậu đầy hiểm trở
- Cử : Một nhà sư hỏi Động-Sơn như thế nào là Phật ?
 Động Sơn đáp : — Trên tường ba cân vừng !
- Niêm: Bảo là một vật lại không trúng.
- Tụng : Hỏi, Phật thế nào, thuyết lại ông,
 Đức-Sơn trên vách ba cân vừng.
 Tuy nhiên gió bụi vượt có không.
 Hãy còn lầy cảnh bảo người thông.
- Cử : Có nhà sư hỏi Hòa-thượng Hiện-tử ý nghĩa phương
 Tây đến,
 Hòa-thượng Hiện nói :
 Trước Thần-linh hàn đài rượu.
- Niêm: Nếu chẳng phải con sư-tử, tránh sao chuyền theo cảnh.
- Tụng : Cắt ngay hốc nguồn không nơi dựa,
 Trước mắt nêu tương tự cho ông hay.
 Như nói trước Thần là tồ ý,
 Gọi quần là hổ có khác chi.
- Cử : Quốc-sư Vô-nghiệp nói :
 Nếu một đầu lông ý-niệm phạm thánh chưa hết, thì
 chưa tránh khỏi đi vào thai con lừa bụng con ngựa.
 Hòa-thượng Bạch-vân-Đoan nói :
 Phòng khiến một đầu lông ý-niệm phạm thánh hết cũng
 chưa tránh khỏi đi vào thai con lừa bụng con ngựa.
- Niêm: Đốt núi nên tránh hồ.
 Cắt cỏ cần sợ rắn.
- Tụng : Nói thề tóm lại không chí khí.
 Cũng như cắt cỏ cần sợ rắn.
 Nếu người quen trái nẻo Trường-An
 Tay buông sao khờ hỏi thăm đường

- 頌 竹篋背觸，正難分，直下明明舉似人，
雖是坦途塵不動，一塔泥運滿荆榛。
- 舉 僧問洞山：如何是佛？
山云：座上麻三斤！
- 拈 喚一物還不中。
- 頌 問佛如何說報君？洞山壁上數麻斤，
雖然無有風塵涉，也是猶將境示人。
- 舉 僧問：覘子和尚，西來意？
覘云 神前酒臺盤。
- 拈 若非獅子兒，不免逐轉塊。
- 頌 直截根源無處依，目前舉似與君知。
若言祖意神前是，大似叮裙作袴兒。
- 舉 無業國師云：若一毫頭凡，聖念未盡，
未免入驢胎馬腹裏去。
白雲端和尚云：設使一毫頭凡聖念盡，
亦未免入驢胎馬腹裏去。
- 拈 焚山須虎避，打草要驚蛇。
- 頌 此語都來無志氣，等閑打草要蛇驚，
若人慣涉長安路，撒手何須苦問程？

- Cử** : Sư Huyền-Sa dạy bọn đệ-tử rằng :
 Những bậc lão-luyện các nơi thầy đều bảo : giao thiệp với đời và giúp ích cho sự sống. Chợt gặp ba loại người có bệnh, đến không biết giao tiếp thế nào : Hạng người bệnh thông-mạnh giờ chú ý chống phát trần người ấy đều không nhìn thấy gì. Hạng người bệnh điếc, ngôn ngữ về thuyết tam-muội, y đều không nghe thấy. Hạng bệnh câm, dạy y tuýết lại không thuyết được.
- Niêm**: Khát uống, đói ăn, rét mặc, nóng quạt.
- Tụng**: Lo âu đau đớn, vui ha hả,
 Mũi hếch, mày chau không biết chi khác.
 Đói khát nóng rét tùy nơi được,
 Sao nên chuyên-chú lại sinh ngờ.
- Cử** : Thụy-Nham thường gọi ông chú : tinh tinh dạy đàn sau.
 chẳng có chi bị người lừa dối.
- Niêm**: Kêu đến máu ra không nơi dưng.
 Thà rằng ngậm miệng hết xuân tàn.
- Tụng**: Thụy-Nham thường gọi chủ-nhân ông.
 Kế giỏi mưu sâu cũng chứa hùm;
 Vì phóng trên đời không chỗ địch,
 Làm sao tài đánh ngày một tăng.
- Cử** : Tam-Thánh nói : Ta gặp người thì ra, ra rồi thì không làm người.
 Hưng-hóa nói : Ta gặp người thì không ra, ra rồi thì liền làm người.
- Niêm**: Một con rùa mù nửa đôi ba-ba què.
- Tụng**: Gặp khi khát liền uống nước,
 Suốt buổi thuyết ăn bụng chẳng no.
 Hai thanh mũi nhọn thôi diêm kín.
 Ngày khác nhĩ đồng miệng nội-thương
- Cử** : Nam-Tuyên thấy Đặng-An-Phong đến, chỏ vào cái bình trong mà rằng :
 Bình trong là cánh, anh không được đụng chạm vào cánh.

- 舉 玄沙示衆云 諸方老宿盡道，接物利生
忽遇三種病人來，如何接？患盲者拈槌
豎拂，他又不見。患聾者，語言三昧，
他又不聞。患癡者，教伊說又說不得。
- 拈 渴飲，饑餐，寒衣，熱扇。
- 頌 憂之戚戚，樂熙熙，鼻直眉橫不異知，
饑渴熱寒隨處得，何須特地卻生疑？
- 舉 瑞巖常喚主人翁：
惺惺著，向後莫被人欺瞞。
- 拈 啼得血流無用處，不如鐵口度殘春。
- 頌 瑞巖常喚主人公，英畧沈機亦未雄，
若是世間無敵將，爭教技擊日爲隆。
- 舉 三聖云：我逢人即出，出則不爲人。
興化云：我逢人則不出，出則便爲人。
- 拈 一箇盲龜，半隻跛鼈。
- 頌 逢渴之時便飲漿，終朝說食不充腸，
兩條利刃休粘密，異日兒童口內傷。
- 舉 南泉見鄧隱峰來。指淨瓶云：
淨瓶是境，偏不得動著境。

- Niêm : Nói có hướng vào chỗ nào ?
- Tụng : Gương không mờ bụi tự lau mài,
Tồn hết công trình chẳng ngại rồi.
Yên-lặng nghi-ngoi tùy chỗ thú,
Cơm rồi đương lúc chén trà thôi.
- Cử : Sư Thạch-Đầu nói :
Như thế cũng không được.
Chẳng như thế cũng không được.
Như thế, chẳng như thế đều không được cả.
- Niêm : Thế sự không bền.
Hết thầy đau khổ !
- Tụng : Câu nói hay tương tự như ai,
Cửa động bạch vân ngang qua bay.
Phỏng có nêu thêm mười phần được,
Trên đường muốn dặm dề một ngày.
- Cử : Sư hỏi : Như thế nào là cảnh mòm núi.
Sơn đáp : Vượn ôm con về sau núi xanh
Chim tha hoa đồ trước núi biếc.
- Niêm : Gặp gỡ tùy thân, gặp sân đùa múa.
- Tụng : Mòm núi cảnh u không người đến,
Bấy giờ nên đối phó sao mà.
Nếu thế dòng trên thật đẹp mắt.
Giữa trưa nên bảo trống canh ba.
- Cử : Sư hỏi Mục châu : Một khi chuyển về được một bộ
kinh Đại-tạng không ?
Châu đáp : Có được bánh la-chùy con mau đem lại đây
- Niêm : Buông tay về nhà, chẳng nhọc bước đi.
- Tụng : Một khi tự hay thu một Tạng,
Nhọc chi hái lá bẻ cành ;
Vô biên huyền nghĩa hiện sáng rạng,
Hỏi đến Sơn-tăng lại không rành.
- Cử : Trong hội Lâm-tế, hai ban Thủ-tọa đều quát.

- 拈頌
 說有什麼處者？
 鏡中無垢自徒磨，費盡工夫不奈何，
 默默休休隨處樂，當時飯後一盃茶。
 舉
 石頭云：恁麼也不得，不恁麼也不得？
 恁麼不恁麼總不得！
- 拈頌
 諸行無常，一切皆苦。
 好箇話端將似汝，暫為谷口白雲橫，
 縱饒全得十分舉，猶在途中萬里程。
 舉
 僧問：如何是峽山境？
 山云：猿抱子歸青嶂後，
 鳥銜華落碧巖前。
- 拈頌
 千木隨身逢場作戲。
 峽山幽境無人到，直下應當作麼生，
 若是騎流真具眼，任教日午鼓三更。
 舉
 僧問睦州：
 一氣還持得一大藏經也無？
 州云：有甚瑛鐺鎚子快下將來。
 拈頌
 撒手到家，不勞進步。
 一氣自能回一藏，不勞摘葉與尋枝。
 無邊玄義昭現，問著山僧總不知。

Sư hỏi : Còn có chủ với khách nữa không ?

Tế đáp : Chủ, khách hết rồi.

Niêm: Cũng là vượn nói loạn bậy.

Tụng: Thánh chúa ngày nay cõ vũ phong-hóa,
Mưu-đồ, khuôn pháp giống nhau cả,
Lại còn mở ra biên giới phân gần xa,
Làm sao giúp đời đến dân thành công được !

Cử : Huyền-Sa nói :

Như việc Biện luận ấy, ví như một người chủ miếng đất ruộng, đến sư phân chia giới-hạn bán đi cho người ta là xong. Chỉ có một cái gốc cây ở giữa thuộc về sư là còn lại.

Niêm : Bề lớn không nhận thấy chết.

Tụng : Anh là người giác-ngộ sáng-tỏ,
Trong tâm muốn ý nghĩ hết phân-vân.
Túng sử còn một tơ-hào ở đây,
Trong mắt hoàng kim cũng là bụi trần.

Cử : Có nhà sư hỏi Hòa-thượng Tư đại ý về đạo Phật.
Tư nói : Giá thóc ở Lô-lãng thế nào ?

Niêm : Bóng tre quét thêm bụi không động,
Vành trăng xuyên qua nước biển không có vết.

Tụng : Lời ấy thật là bậc anh-linh.
Thấu hiểu căn - cơ giống hữu tinh.
Một hỏi Lô-lãng xem giá thóc.
Đường đi không bước đã hoàn-thành.

Cử : Có nhà sư hỏi Văn-Thù ;
Muôn đạo-lý về một lý, một lý về đâu ?
Văn-Thù đáp : Sông Hoàng-hà chín khúc.

Niêm : Có thời nhân trắng đẹp,
Không giác ăn bãi sông.

Tụng : Ông nêu chín khúc sông Hoàng-hà,
Chẳng phải đi đường tự đến nhà.

- 舉 臨濟會中，兩堂首座齊下喝。
僧問：還有賓主也無？
濟云：賓主歷然。
- 拈 也是猴白亂說。
頌 聖主當天鼓化風，本圖文範畫相同，
猶開遠近分疆里，安得臨民濟世功。
- 舉 玄沙云 若論者事，喻似一片田地主，
至界分契賣與諸人了也，祇有中心樹子，
猶屬老僧在。
- 拈 大海不納死屍。
頌 縱備明明悟了人，心頭萬慮沒紛紛，
箇中尚有絲毫在，入眼黃金卻紆塵。
- 舉 僧問思和尚佛法大意？
思云：廬陵米作麼價？
- 拈 竹影掃階塵不動，月輪穿海水無痕。
頌 這言真是英伶漢，輸盡根機接有情，
一問廬陵何米價，全然總不涉途程。
- 舉 僧問文殊：萬法歸一，一歸何處？
殊云：黃河九曲。
- 拈 有時因好月，不覺過滄洲。

Ngày sáng biết bao dương mắt ngóng.
 Chẳng hay chim cắt tới Tân-la.

Cử : Nam-Tuyền hỏi Triệu-Châu : Pháp là sa-di có chủ,
 hay là sa-di vô chủ ?

Triệu-Châu đáp : có chủ

Nam-Tuyền nói : Như thế nào là có chủ?

Triệu-Châu xoa tay nói : Ngày nay cung kính tôn vua
 động hay dừng vạn phúc.

Niêm : Thu tay động trụ, không về nhục,
 Người hay khéo xử đặng tiện-nghi.

Tụng : Triệu-Châu xoa tay bảo dạy người.
 Hai bên tránh khỏi, chủ đứng ngoài.

Cử : Có nhà sư hỏi Mộc-Am : Thế nào là sự viác dưới áo
 nhà sư?

Mộc-Am nói : Kim dùi không thủng.

Niêm : Ngôi tinh-tọa sạch hết bụi nhơ,
 Hư-không không đường thông.

Tụng : Giữ lấy thi yếu như vò mềm,
 Trán sắt, đầu đồng lối nào đâm.
 Đâu phải hư-không không kể hồ,
 Mùa thu hoa quế cũ ban đêm.

Cử : Cư-sĩ họ Bàng nói : Đây là trường tuyên Phật,
 Tâm không đở trở về.

Niêm : Đề tên tháp nhận, suốt ngày không được buông bút

Tụng : Áo vá trăm lần, giày cỏ đi.

Giấy hoa chiêm được trường Phật thi.

Nếu bảo tâm-không vào ứng cử,

Nếu không bị đắm cũng bị rơi.

- 頌 黃河九曲爲君舉，沒涉途程自到家，
白晝幾多開眼望，不知鷄子過新羅。
- 舉 南泉問趙州：法是有主沙彌，無主沙彌？
州云：有主。
泉云：如何是有主？
州又手云：即日恭惟尊候動止萬福。
拈 伏手活槌不換釘，善使之人皆得便。
頌 趙州又手示於人，不落雙邊主自分，
豈是華藍韓令術？爭知會造酒逡巡。
- 舉 僧問木庵：如何是衲衣下事？
庵云：針錐不入。
- 拈 靜坐絕纖塵，虛空不通線。
頌 持之則軟扭之柔，鐵額，銅頭進莫由，
雖是虛空無間隙，夜來依舊桂花秋。
- 舉 龐居士云：此是選佛場，
心空及第歸。
- 拈 鴈塔題名，不容叟白。
頌 鷄衣百結，草鞋穿，選佛場中奪桂箋，
若謂心空來應舉，不遭鞭撻也遭拳。

Cử : Từ-Minh hỏi Chân-Điềm-Hung về đại ý đạo Phật.

Chân-Điềm-Hung nói :

Đỉnh núi không mây tụ,

Lòng sông bóng trắng rơi.

Từ-Minh quát rằng : — Đầu bạc răng vàng còn có
kiến giải như thế !

Chân-Điềm-Hung sa nước mắt hơi lâu mới thưa :

— Không biết như thế nào là đại-ý đạo Phật !

Từ-Minh đáp : Đỉnh núi không mây tụ,

Lòng sông bóng trắng rơi !

Chân-Điềm-Hung bừng tỉnh giác-ngộ.

Niệm : Người đức nhân thấy đạo gọi là Nhân,

Người trí-thức thấy đạo gọi là Lý-trí !

Tụng : Hai bên cùng nổi một điệu cầm,

Sau sẽ nhau bặt tri âm.

Trăng có mây không tuy cũng thế,

Đặng sao đỉnh núi nước thâm trầm.

Quát : Suốt ngày chạy bụi hồng,

Chẳng biết nhà mình báu.

Gào : Buông tay không tự hiện toàn thể,

Thuyền nhẹ ngư ông ăn mái lau.

舉 慈明問真點胸佛法大意？
 真曰：無雲生嶺上，有月落波心。
 明喝曰：頭白齒黃，猶作此見解，
 真淚下久曰：不知如何是佛法大意？
 明曰：無雲生嶺上，有月落波心。
 真大悟。

拈 仁者見之謂之仁，智者見之謂之智。
 頌 彼此同鳴一調琴，須當分付與知音，
 無雲有月雖同是，爭奈山高與水深。
 吐 終日走紅塵，不識自家珍。
 嘆 撒手無依全體現，扁舟魚父宿蘆華。

KHÓA HU QUYỀN DƯỚI II

TỰA KHÓA NGHI CHO SÁU BUỒI SÁM HỐI

Lợi khí qua lại trên sông trên bộ, là thuyền xe vậy. Rửa sạch bụi dơ của thân-tâm thì lợi-khí là lễ sám-hối. Muốn rửa thân-tâm mà không dùng lễ sám-hối, thì khác nào như muốn qua lại tiện-lợi mà không dùng đến thuyền xe. Thế mới biết sự ích dụng của lễ sám hối rất lớn vậy. Cho nên Kinh Đại-Tập nói rằng : « Như cái áo cầu bầu hàng trăm năm, có thể giặt trong một ngày khiến trong sạch. » Cũng thế, mà tất cả nghiệp xấu đã kết lại trong trăm ngàn kiếp, nhờ sức Phật mà giải đi, khéo thuận suy nghĩ, có thể trong một ngày một giờ tiêu-trừ hết sạch. Và kia, chúng-sinh đối với cái tính-giác bản-lai trong sáng viên-mãn, sâu rộng như Thái-Hư không vương một hạt bụi. Do bọt-mê (1) chợt nổi lên, đít bản hiện ra. Năng-tri và vật-sở, (2) hai bên dựa nhau. Phật với Ngã sóng đôi, bản-tính và căn-trần phân biệt, kẻ ngu với người trí chia hai. (3) Chỉ cho một cửa, khó mà đi vào giác-ngộ. Cho nên Đức Phật của chúng ta mở rộng chí-nguyện, vạch rõ đường phương-tiện, tùy lối trở về, tùy bệnh mà cho thuốc. Ngài biết rằng chúng-sinh theo cái ảo-huyễn mà mê vọng sinh ra, khuyên lấy một niệm tinh-khiết bền vững mà trở về nương vào lễ sám-hối, khiến cho thân-tâm thanh-tịnh, vầy tuốt những cái nương về trước, làm cho gió lặng sóng yên, trừ bụi dơ, lau gương sáng. Tại sao vậy ? Là vì cái tâm về trước làm điều ác như trăng bị mây che, cái tâm về sau sinh ra thiện như đuốc đánh tan ám-muội. Ôi ! Ích-dụng của lễ sám-hối lớn thay, há phải như thế chẳng ? Trăm nhờ ơn cái lòng bao bọc của Trời, hưởng cái địa vị

六 時 懺 悔 科 儀 序

利川陸之來往者，舟車也，滌身心之塵垢者，禮懺也，欲滌身心而不以禮懺，則何異於欲利來往而不以舟車乎，是知禮懺其用大矣，故大集經云：如百年垢衣，可於一日澣令鮮淨，如是百千劫中所集諸不善業以佛力故，善順思惟，可於一日一時盡能消滅也，且夫衆生於本來覺性清淨圓明，湛若太虛一塵不立，由妄泡暫起穢土現成，能所兩依，佛我雙計，性根枝別，愚智岐分，示之一門，難以悟入，故我佛弘大智願，開方便門，隨路指歸，應病以藥，知其衆生幻垢從妄而生，勸令一念精虔歸依禮懺，使身心清淨，灑裸依前，風息波澄，垢除鏡徹，何者前心惡作如覆月雲後心善生如消暗炬，噫禮懺之用爲大豈其然乎，朕荷上天之眷，享至尊之位。

chí-tôn, việc dân khó-khăn, việc chính-trị trong nước phiền-phức. Trăm hoa dụ dân bên ngoài, thêm muốn đầu độc bên trong. Miệng chán tì vị, thân đeo ngọc vàng. Nhìn nghe nô-lệ vào thanh sắc, ăn ở yên nơi đài các. Huống trò đời bạc-bẽo, phép người suy-đời. Kẻ học mù độn đầy lấp thiện-căn. Ban ngày thì trần-căn xúc động, lưới nghiệp trôi buộc. Ban đêm thì ngủ che đậy, lưới kết ràng buộc. Đêm ngày vin bắt duyên nghiệp, đều là lỗi lầm kết họa chiêu thù. Trăm lấy điều ấy đề trong lòng, cảm thương chừa chất quên bỏ cả ăn ngủ. Gặp lúc chính-sự nhàn rỗi, xem khắp các Kinh Luận cùng văn-chương lễ-nghi, soạn tập phương-pháp « tự lợi lợi tha » (4) đề vạch tỏ cho mọi người. Tim tôi suy niệm; mãi mới thấy rằng chừa thành có nghiệp hết thầy đều do sáu căn-trần (5) tạo nên. Bởi thế Phật Thích-Ca khi chưa thành đạo, bắt đầu vào núi Tuyết-Sơn (Hí-mã-lạp-sơn) sáu năm sống khổ-hạnh là chỉ vì sáu căn-trần kia mà thôi, nhân phòng theo ý ấy, mới lấy sáu căn chia làm sáu thời, mỗi thời lễ sám-hối một căn. Trăm thân-hành làm ra văn Nghi-lễ, đề là « Khóa-Nghi Sám-Hối của sáu thời Lễ Phật ».

Văn-chương thì phồn-tạp, lời nói thì xa chân-lý. Song văn thiền thì lưới sám-hối, lời xa thì lòng ngờ sinh ra. Cho nên không cấu-kết vào câu văn phù-phiếm làm đầy sách vở, khiến cho độc-giả đọc lên thấy vui, kẻ nghe thấy dễ giác-ngộ, thì mới mong có đệ-tử có lòng tin-ngưỡng, có thể ngày đêm phát-triển đến chỗ thành-tâm, lấy Khóa-Nghi này đề làm lễ sám-hối. Đây là không phụ điều Trăm mong mỗi nhằm mục-đích « Tự lợi lợi tha » = « Làm lợi cho mình đề lợi cho người ». Sau này bậc mắt sáng không lấy văn Khóa-Nghi này chế cười. Tuy nhiên như thế, « không nhân màu tía của hoa sớm nở, tranh với hoàng-oanh dưới cành liễu xanh ».

- (1) Vọng báo : Bội-bóng sai-lầm. Theo Kinh Lăng Nghiêm.
 (2) Năng, sở : Là danh-từ nhà Phật nói về tam-chủ và vật khách (sujet connaissant và objet de connaissance)
 (3) Phật ngã, tính căn chi, ngu trí : Sản phẩm của tri-thức danh lý khái-niệm tương đối
 (4) Tự lợi lợi tha : Lợi mình lợi người cũng như tự giác giác tha, mình giác-ngộ rồi làm cho người cũng được giác ngộ.
 (5) Căn trần : Mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý

民事艱難，國政繁夥，紛華誘於外，嗜欲熹於內，口厭滋味，身掛金珠，視聽役於色聲，居處安於臺榭，又況世序澆漓，人法衰末，學者頑瞽，羸薄善根，日則根塵紛觸業網拘牽，夜則睡蓋蔽覆懶結纏縛，日夜攀緣，莫非構禍招蒙之咎，朕以是事，載之于懷，悲感集交，餐寢忘廢，以聽政之餘暇，徧閱經論，及諸儀文，撰集自利利他之法，以示於人，尋而思之念之，積有業者盡是六根所造。是以釋迦文佛未成道時，先入雪山六年苦行，蓋爲六根故也，閑放其意，以六根分爲六時，一時禮懺一根，親製其儀文目之曰六時禮佛懺悔科儀，文則文繁，言則言遠，但文繁則懺情，言遠則疑生，故不構於浮詞假盈卷軸，使讀誦者皆欣，聞見者易悟，庶幾有信之徒，能於日夜發至誠心，以此科儀爲所禮懺者，是不負朕之所志自利利他之願也，後之明眼者，毋以儀文見笑，然雖如是，不因繁陌華開早，爭得黃鶯下柳條。

TỰA VĂN LÊ SÂM-HÔI BÌNH-ĐẰNG

Ồi ! bản-tính của đạo-pháp Như-Như không biến đổi, không có vương chút tơ hào ý-nghĩ và ý-niệm. Nguồn chân-lý thăm-thẳm, vốn xưa nay đứt hẳn với bụi trần ô-uế. Nguyên-do chợt nổi-lên duyên-cớ làm mê, vật-thề huyền ảo hiện thành, tùy lúc mà cái nghiệp trí-thức quên mất cái mầm tròn sáng, để rồi đem phá hoại cả gia-tài mình mà cung-ứng cho sáu gốc-rễ của bụng dục. Nay nếu chịu nhận lấy phép thanh-tĩnh thì tất nhiên có thề gột rửa bụng dục mê làm, mà phát-triển ra một cái tâm chân-thật bình-đẳng, và sùng-bái cái hiện-thân của đạo pháp không có thề-tướng. Vào được đến trong ấy tự nó chịu dùng tham-gia giao-dịch. Hướng về bên ấy mà cầu tìm thì mặt mắt bản-lai mập mờ tự biểu-hiện ra.

Tuy nhiên phải làm sao ?

Lưỡi gương không rút ra khỏi vỏ quí thì xứ loạn khó dẹp, vị thuốc có lấy ra khỏi bình vàng thì gốc bệnh mới khỏiặng.

Trăm lấy chút giờ nhàn trong công việc trị quốc bần rộn, mở xem chỗ thâm-thúy của Kinh Tam-Tạng, gặp thấy được cái môn đạo-pháp này trở thẳng đường cho nhân-loại thành Phật, lấp đầy mắt sáng kia thì có hại gì mà gắm lại thêm hoa ? Ví phải là bực tri-âm với ta thì rất hay nên tiến bước.

平等禮懺文序

夫法性如如念慮無於毫髮，真源湛湛本來絕於塵污，由瞥起妄緣，現成幻體，隨時業識忘一顆之圓明，喪彼家財逞六根之貪欲，若有納受淨法，必能洗滌妄塵發平等一真之心，禮法身無相之體，到這裏入，自他受用交參，向那邊求，面目顯預自現，雖然任麼，劍不闢於寶匣亂處難夷，藥荷出於金瓶病源方愈，朕以萬幾之餘暇，閱三藏之甚深，遇此法門直指人中作佛，鏡他明眼何妨錦上添花，若是知音，正好進步。

SÁCH KHÓA-HU CỦA VUA THÁI-TÔNG — Q.II.

Văn răn bảo tín-đồ buổi sáng

Mặt trời sắp tỏ rạng

Đất tối hiện dần ra ;

Động lòng trần nôi dậy,

Sự-vật mắt quáng lòa ;

Xác thối thối chớ giữ,

Đầu vùi cốt lên mà !

Chăm chăm vào sáu niệm.

May tới bến giác kia,

(Người mới vào đạo-trường, giữ lời chú cho nghiêm-tĩnh rồi mới lễ Tam-Bảo Phật Pháp Tăng, ba lễ hay là vái ba vái, hoặc chín vái, hoặc mười vái tùy-tiện).

Nam-mô Pháp-giới phổ-biến khắp hư-không hết thầy Phật-Đà Da-tôn thường-trụ mười-phương ba đời.

Nam-mô Pháp-giới phổ-biến khắp hư-không hết thầy Đạt.Ma Da-tạng thường-trụ mười-phương ba đời.

Nam-mô Pháp-giới phổ-biến khắp hư-không hết thầy Tăng-già Da-chúng thường-trụ mười-phương ba đời.

寅 時 警 策 東 偈

腸谷明將啟。 漫七黑地開。

觸心塵競起。 眩目色爭排。

臭殼休貪抱。 埋頭早願檣。

慙慙專六念。 庶得契方來。

(初人道場持咒嚴淨已，方禮三寶，或三拜，或九拜，或十五拜，隨宜)。

南無盡虛空遍法界，十方三世一切常住佛陀耶尊。

南無盡虛空遍法界，十方三世一切常住達摩耶藏。

南無盡虛空遍法界，十方三世一切常住僧伽耶衆。

DÂNG HƯƠNG BUỔI SÁNG

(Chủ lễ thấp hương quì xuống bạch răng :)

Phục dĩ ! Trăng lặn trời tây, phương đông bừng cháy, dòng thanh-tịnh hợp trên chiếu phạn, lễ thánh-hiền của giới Không-Hư. Muốn thấu tin nhà Phật, kinh xúc hương-nhang báu. Hương này tại rừng giới, tưới nước Thiên-định, cất ở vườn Tuệ, tước với dao Giắt-thoát, không phải với sức búa-riu của người. Từ hình thể thiên-nhiên này ra, đốt triện-báu tri-kiến, kết vân-đài quang-minh. Hương thơm lan khắp đất thanh, đượm khắp bầu trời phưng-phức. Nay buổi ngày sớm, thấp hương dâng cúng.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Đáy nước rừng thiên thơm phức-phức,
Vun trồng vườn tuệ đã lâu đời,
Đao-Giới vót nên hình vòi-vọi,
Lò tâm thành-tín cúng dâng hoài.

KỆ DÂNG HOA

Hoa tâm sáng-lạn lúc vừa khai,
Thơm mát, mưa nhuần đượm khắp trời,
Đóa-đóa cảnh-cảnh dâng trước Phật.
Đời-đời gió Nghiệp thổi không rơi.

Dâng hương xong, đọc lời Chúc :

Nguyện mây hương-hoa này, tràn đầy mười phương trời, cúng dâng hết Chư-Phật, Tôn-Pháp, Chư Bồ-tát, vô-kê bậc Thanh-văn cho đến tất cả Thánh-hiền, Đài quang-minh sáng chiếu, sang cõi vô-biên, trong đất Phật vô-hạn, nhận dùng làm việc Phật, hun khắp cả chúng-sinh, đều mở tâm Bồ-đề !

日 初 祝 香

伏以蟾輪西沒，龍燭東生，梵筵會清淨之流，空界體聖賢之衆，欲通檀信，謹爇寶香，是香也，種自戒林，灌之以禪定之水，伐從慧苑，削之以解脫之刀，不由人力斧斤，自出天然形勢，爇知見之寶篆，結光明之雲臺，飄時滿地清芬，散處普天濃郁，以今日初。焚香供養。

獻 香 偈

沉水禪林香馥郁
戒刀削就聳山形

旃檀慧苑善栽培
爇向心爐長供養

獻 花 偈

心地開時誇爛熳
枝七朵七獻佛前

諸天雨處讓芬芳
億劫業風吹不落

獻香已祝云

願此香花雲，遍滿十方界，供養一切佛。
尊法諸菩薩，無邊聲聞衆，及一切聖賢，以起光明喜
過於無邊界，無邊佛土中，受用作佛事，普薰諸衆生
皆發菩提心。

(供養已，志心皈命禮十方無上三寶)。(一拜)

Cúng dâng xong, quyết tâm qui theo mệnh lễ Tam-Bảo (Phật) Pháp, Tăng) Vô-thượng mười-phương(một lễ.)

KHẢI BẠCH

(Lại thấp nhang qui xuống bạch rằng):

Kính tâu Đại-giác mười-phương, Hùng sư ba đời, dương đức trong đường tâm-tối nổi bề Từ trên bề trầm-luân.

Trộm nghe. Canh gà vừa dứt, bóng trăng lặn dần, núi sông tong sương khói mờ-mờ, xa gần ngựa xe náo-nức. Khúc Mai-hoa rên lâu tắt, chén trúc-diệp tỉnh say trước song. Mây liễu phát-phơ ánh rạng đông, mặt hoa sương sớm ngưng lóng-lánh. Nay đang sáng sớm thương kẻ ngu-mê. Đêm-đêm mơ-mộng tối-tăm, tình dậy hồn còn bối-rối, mắt tai ham theo thanh sắc, mũi lưỡi mãi đắm vị hương. Nhà cháy thiêu-đốt hoai-hoại, bề-ái đắm chìm mãi-mãi. Tuy nay mở mắt buổi sáng ngày mà cũng như đêm xưa mơ ngủ. Chẳng lo sinh, lão, bệnh, tử, chỉ lo tiền của vợ con.

Các Phật-tử ơi! Gốc thân-thề không bền, cốt-tinh-mệnh nào yên, hết thầy loài đầu đội trời, khó tránh mắt rời xuống đất. Một sớm chợt lỡ sa chân, muốn kiếp khó hồi thân-thề. Mau-mau nên cấy mầm lành, chớ tự bo-bo cầu trái ác. Ai nấy tỉnh dậy, chẫm-chỉ tu-hành Chuyên tâm lễ đấng Từ-bi, ngập mắt thấy Quang-minh tạng. Bọn chúng con, kính nhớ lúc này buổi sớm ngày làm lễ!

(Khải bạch xong, quyết tâm qui-mệnh, lễ mười phương Tam-Bảo tối-cao) (một bái).

SÁM-HỐI TỘI NGHIỆP CĂN MẮT

(Lại thấp nhang, qui bạch rằng :)

Chúng con : Quyết tâm sám-hối. Từ vô-thủy vô-lượng kiếp đến nay, bỏ mất bản tâm, không biết chính đạo. Xuống ba đường khờ

啟 白
 (再拈香胡跪白云)

敬啟，十方大覺，三世雄師，揚慧炬於昏衢，泛慈航於苦海，竊聞難善初送，兒影方沉，江山之煙霧微分，遠近之輪蹄齊動，樓上梅花聲斷，牕前竹葉醉醒，柳眉隱約映朝暉，花面嬌羞凝曉露，蓬茲明發，憫彼愚蒙，宵中夢裏既昏七，覺後心頭猶擾七，眼耳隨於聲色，鼻舌逐於味香，長爲火宅烹煎，永被愛河沒溺，任妻今朝聞眼漢，亦如昨夜打眠人，不憂生老病死侵，祇管備擘財貨縛，諸佛子，身根不固，命蒂難安，凡諸頂上戴天，難免眼光落地，一朝忽失手，萬劫難復身，切須早七種善芽，莫自區七求惡果，人人猛省，箇箇勤修，專心禮無上慈容，觸目見大光明藏，但某甲等，謹想斯時，以爲日初之禮。

(啟白已，志心皈命禮十方，無上三寶) (一拜)

懺 悔 眼 根 罪
 (再拈香胡跪白云)

志心懺悔，臣某等，自從無始無量劫來，失却本心，罔知正道墮三塗苦。

(hỏa, huyết, đao), do sáu gốc sai. Trước chẳng sám-hối, sau khó trở lại. Nhơn căn nghiệp ấy, nhìn kỹ nhân ác, lại xem nghiệp lành. Làm nhận hoa giả, quên ngắm trăng thật, yêu ghét nổi tranh, đẹp xấu chống-đổi. Mắt lừa nhìn lầm, mờ đường chính-kiến. Tráng qua xanh đến, thắm phải vàng sai. Các loại nhìn tà, giống kẻ thông-mạnh. Gặp người sắc đẹp liếc ngang nhìn trộm. Mắt chưa mù hẳn mất mặt bản lai. Thấy ai giàu của, dương mắt mãi nhìn, gặp kẻ nghèo cùng, ngo đi chẳng đoái, Người khác chết-chóc, con mắt trắng-tráo, người thân chết đau, khóc thương rơi máu. Hoặc thấy Tam-Bảo và Già-lam gần Tượng, thấy Kinh, không thềm xem ngắm. Điện Phật, buồng Tăng, trai gái gặp-gỡ, mắt liếc, mày đưa, mê-mạn sắc-dục, chẳng e Hộ-pháp, chẳng sợ Long-thần. Mắt tham vui sướng, không nghĩ cúi đầu. Các tội-lỗi ấy, vô kể vô cùng, từ gốc mắt ra, rơi xuống địa ngục. Trải bao nhiêu kiếp, như cát sông Hằng, mới lên làm người. Đã được làm người lại bị mù mắt. Nếu không sám-hối, thì khó tiêu trừ.

Nay trước cửa Phật, đều sám-hối cả. Sám-hối xong, quyết tâm qui-mệnh, lễ Tam-Bảo tối-cao, mười-phương, (một vái.)

GIỐC LÒNG KHUYÊN MỜI

(Cũng qui thấp nhang)

Khuyên mời mười phương ba đời Phật.

Cùng các Bồ-tát, Thánh, Hiền Tăng,

Mở rộng từ-bi vô-lượng tâm.

Cùng dắt chúng-sinh chứng bến Giác,

Khuyên mời xong, chí tâm qui-mệnh, lễ Tam-Bảo mười-phương,
(một vái.)

GIỐC LÒNG VUI THEO

Con nay vui-vẻ tin theo Phật.

Hôm mai thành-kính sám lỗi xưa.

由六根非，若不懺前，難追悔後，眼根業者，惡因熟視，善業冷看，錯認空花，忘窺本月，愛憎競起，奸醜爭持，瞽眼妄生，眩於正見，白來青去，紫是黃非，種七邪觀，何殊盲漢，逢人好色，斜眄偷窺，瞎却未生本來面目，見他財寶，正覷瞪睛，遇彼貧窮，蒙昧不顧，他家死喪，乾淚無痕，親眷傷亡，潛然泣血，或見三寶，或入伽藍，近像對經，畧無瞻視，佛堂僧舍，男女相逢，眼去眉來，迷荒色慾，不驚護法，不畏龍神，極目貪歡，曾無佻首，如斯等罪，無量無邊，從眼根生，墮於地獄，經恆少劫，方得受生，縱得受生，還遭盲報，若不懺悔，難以消除，今對佛前，悉皆懺悔。

懺悔已志心皈命禮十方无上三寶。(一拜)

志 心 勸 請
(亦須拈香)

勸請十方三世佛。 及諸菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。 同證東生登彼岸。

勸請已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 隨 喜

我今隨佛生歡喜。 昏曉虔誠禮懺因。

Bạc thang mười nấc nguyện xin leo.

Chân tâm Bồ-đề cố tiến bước.

Tùy hi xong, hết lòng qui theo mệnh, lễ mười-phương Tam-bảo tối-cao (một vái.)

GIÓC LÒNG HƯƠNG VỀ

(Cũng nên thấp nhang)

Chúng con hồi tâm qui về Thánh,

Ân-cần đầu cúi lễ Từ-tôn.

Nguyện đem công-đức tới chúng-sinh,

Với mầm nhân tốt lành chính-giác.

Hồi hương rồi, chí tâm qui theo mệnh, lễ mười phương Tam Bảo tối-cao. (Một vái).

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN :

Một : Nguyện mở khắp sáng chính-kiến !

Hai : Nguyện quét sạch bụi trần như !

Ba : Nguyện thấy hình không luyến-ái !

Bốn : Nguyện nhìn sắc chẳng chú tâm !

Năm : Nguyện kịp nhận ra đường mê !

Sáu : Nguyện mất tuệ tự hoàn thành !

Bảy : Nguyện sớm tỉnh mộng trần-thế !

Tám : Nguyện gốc mãi sáng không mờ !

Chín : Nguyện quan sát trừ ảo mê !

Mười : Nguyện nơi ngóng hết sinh hoa !

Mười một : Nguyện nhìn xa trời mây cuốn !

Mười hai : Nguyện chớp mắt sạch nghiệp xưa !

Phát nguyện rồi, chí tâm qui về mệnh. Lễ mười-phương Tam-Bảo tối-cao. (Một vái).

十地階梯願早登。 菩提真心無退轉。
隨喜已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 迴 向

我等迴心皈聖衆。 慇懃頭地禮慈尊。
願將功德及羣生。 憑此勝因成正覺。
迴向已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 發 願

一願普開明正見。 二願一拭闢塵盲。
三願視形無著愛。 四願覩色莫開睛。
五願迷頭須急認。 六願慧目自圓成。
七願早回今世夢。 八願永得本來明。
九願觀時除幻翳。 十願望處絕花生。
十一願遙瞻障雲卷。 十二願一瞬業冰清。
發願已志心命禮十方無上三寶。(一拜)

(Hoặc tụng kinh quay lại miệng Phật xong, nên đảnh lễ Phật A-di-Đà mười vái, Quan Âm, Thế-Chí, các Ngài Đại-hải thanh tịnh, mỗi vị ba vái, xong rồi phát-nguyện Tây-phương Văn, đảnh lễ ba vái, tự qui.)

KỆ VÔ-THƯỜNG BUỒI SÁNG.

Đêm tối vừa lui sáng,
 Mặt trời dần chiếu ra.
 Âm-thâm tóc xanh bạc,
 Má hồng đôi dần dà
 Chẳng biết tuổi xuân ngắn,
 Còn tranh quả nghiệp mà,
 Thân như băng gặp nắng,
 Mệnh đèn trước gió to,
 Chớ làm khách trọ mãi,
 Sớm lo trở về nhà.

Cũng lễ Tam-Bảo như trên.

(或誦經旋繞念佛已，宜頂禮阿彌陀佛十拜。觀音，
 敬至，清淨大海衆。各三拜已。發願西方文。頂禮三
 自皈。)

初 日 無 常 偈

夜色初分曉。	晨光漸出空。
暗催新髮白。	漸改舊紅顏。
不覺年花促。	猶爭業果雄。
身如冰見日。	命似燭當風。
莫作長年客。	終歸早照功。

(又禮三寶如初)

CHÚC HƯƠNG BUỔI TRƯA

(Người hành lễ, thắp nhang, qui xuống bịch :)

Phục di ! Mặt trời rực-rỡ, cảnh mây trời sáng, đoái ngày sáng
khó lưu, đành ngưỡng cầu vào Tiên Phật. Thành-tín phơi-bày
trước Tòa-báu, trước thắp nhang trong lư ngọc. Nhang này tiên
thiên hun đúc, chẳng phải nơi Bồng-đảo sản sinh, thơm lừng mặt
đất, há Đán-na rừng ấy có chẳng. Danh phẩm hơn hẳn trăm hương,
khí vị lan sạ nào kịp. Nơi khói lành bay, ấy lửa Tam-muội đốt
đấy. Khi mây phúc bay lên, vốn tự khí nhất - nguyên tự tán. Ai
nấy đều thấu-triệt trí não người người ngát mũi hương xông. Vì
nhân có phép sám-hối, bèn bày nghi-lễ dâng nhang. Nay buổi giữa
ngày đốt nhang dâng cúng.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Đáy nước rừng Thiên thơm phức-phức.
Vun trồng vườn Tuệ đề lâu đời,
Dao-Giới vót nên hình vôi-vôi.
Lò tâm Thành-tín cúng dâng hoài.

KỆ DÂNG HOA

Hoa tâm sáng-lạn lúc vừa khai,
Thơm ngát mưa nhuần đượm khắp trời.
Đóa-Đóa cảnh-cảnh dâng trước Phật,
Đời-đời gió nghiệp thổi không rời.
(Dâng hương xong, đọc lời chúc :)

中 日 祝 香

仗以。太陽豐照。靈景離明。願日晝之難留。即金像而仰叩。信將陳於寶座。香先炷於玉爐。是香也。秀毓先天。非違島洲中產出。芳騰大地。豈游檀林下生來。品名冠彼沉箋。氣味壓他蘭麝。祥煙起處。皆由三昧火燃。瑞靄飛時。本自一元氣散。箇頂箇門皆透徹。人人鼻孔盡薰聞。茲因懺悔之儀。輒效獻焚之禮。以今日中。焚香供養。

獻 香 偈

沉水禪林香韻郁。旃檀慧苑舊栽培。
戒刀削就擎山形。蕪向心爐長供養。

獻 花 偈

心地開時誇爛熳。請天雨處讓芬芳。
枝七朵七獻佛前。億劫業風吹不落。

(獻香已祝云)

Nguyện mây hương hoa này, tràn đầy mười phương trời, cúng dâng lên chư Phật, Tôn-Pháp, chư Bồ-tát, vô kể bậc Thanh-văn, cho đến tất cả Thánh-Hiền. Đài quang-minh sáng chiếu, sang cõi vô-biên, trong đất Phật vô-hạn, nhận dùng làm việc Phật, hun-đúc cả chúng-sinh, đều mở tâm Bồ-đề.

Cúng dâng xong, giốc tâm qui theo mệnh, lễ Tam-Bảo, mười phương vô-thượng, (một bái.)

KHAI BẠCH

Lại thấp hương, qui bạch :

Kính tâu : Đại-giác mười phương, Hùng sư ba cõi, chuyên sáu lối ra sáu thân thông, thu chín loại về chín phẩm quý.

Trộm nghe. Mặt trời đứng bóng, tiếng gà lối xóm gáy trưa giữa trời vàng hồng chiếu đỉnh, quanh đất chính sắc liễu xanh. Ánh chiếu hoa sân dợn ngọc, gió lay bờ liễu tựa dát vàng. Long lanh chói lọi ánh đài dao, óng-ánh trùng-trùng lồng bệ ngọc. Thơm ngát lò than, trời quang nắng sáng tận mây xanh, say ngủ gối tiên, ngày vắng cảnh thưa trên lầu tía. Nắng hạ thì đá bông vàng tan, rét đông thì sương thu tuyết giá. Đứng bóng thì bụi vẫn sạch thu, nắng tỏ thì âm-u tan biến. Trước cảnh thiên nhiên sáng suốt, đang lúc tâm trí soi thông. Nơi nơi đều có sáng trông, bước không còn bóng tối.

Này các Phật-tử ! Mặt trời lên lại xuống, người có thịnh ắt có suy. Hình-thê chẳng lâu bền, sang giàu đâu còn mãi. Đồi thay đỉnh núi bóng mây. Ngày thường chẳng tạo nhân lành, khi khác quyết về lối khờ. Nên có tin cậy, loại trừ ngờ-vực. Sớm mở tâm sáng chư Phật, chiếu soi chúng-sinh tối-tăm.

Nay chúng con, kính nghĩ lúc này làm lễ chính ngộ.

Khải-bạch rồi, chỉ tâm qui theo mệnh, lễ thập-phương Vô-thượng Tam-Bảo (một bái.)

願此香花雲。供養一切佛。尊法諸菩薩。無量聲聞衆。
 及一切聖賢。以起光明臺。過於無邊界。無邊佛土
 中。受用作佛事。普薰諸衆生。皆發菩提心。供養乙
 。志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

啟 白

(再拈香胡跪白云)

敬啟十方大覺。三世雄師。觀六道而作六通。攝九類
 而歸九品。竊聞。鄙難報午。曦馭當陽。遶天之紅彩
 方中。匝地之綠楊始正。影照而庭花弄玉。風來而提
 柳瑤金。輝七灼七耀瑤臺。碎七圍七重玉砌。獸爐學
 裊。天晴日麗碧霄中。僂枕睡濃晝永漏稀朱閣上。威
 夏則金流石爍。隆冬則霧斂雪消。豐中而雜翳全收。
 離正而羣陰盡掃。對景性天洞徹。當是心地照融。頭
 七總有光明。步七了無黑暗。諸華子。日既中而則昃
 。人有盛而必衰。形骸不久堅。富貴非長保。迅速渾
 如川上水。須臾恰似嶺頭雲。平時不作善因。異日定
 歸苦趣。當生深信。陰却稽疑。早開諸佛心珠。照破
 衆生漆桶。但某甲等。謹想斯時以爲日中之禮。

SÁM-HỐI NGHIỆP-CĂN TAI

Quyết tâm sám-hối ! Chúng con kể từ bao nhiêu kiếp, vô thì vô lượng đến nay, bỏ mất gốc tâm, không biết đường chính, xuống ba lối khờ, vì sáu căn lăm. Nếu không sám-hối điều trước thì khó mà vớt lại về sau. Nghiệp nhĩ-căn là : ghét nghe phép chính, ưa lộng lời tà, mê mất gốc thật, đuổi theo lăm ngoài, vang-vang đàn sáo lại bảo rỗng ngâm, văng-vẳng mõ chuông tưởng là tiếng ếch, vắn kinh lời kệ lằng chằng đề tai, ca hát dâm thanh thì liền thích thú. Thoảng nghe khen hảo, hí-hửng tìm cầu, lời phải điều hay sao không đón nhận ? Bộ ba chè rượu, từng cặp gái trai, nói rông nói dài, kẻ tai áp má, có gặp thầy bạn, răn dạy đình-ninh, những điều trung-hiếu, lấp tai cài chốc. Chợt thấy bóng hồng, nầy lòng dâm-dục, nghe nửa câu kinh liền như tai ngựa.

Tội-lỗi như thế khôn nói cho hết, không bờ, không bến như cát sông Hằng. Đến khi hết kiếp, lại xuống ba đường, hết chịu khổ sống lại phải điếc lòa. Nếu không sám hồi làm sao trừ được. Nay, trước mặt Phật xin sám-hối.

Sám hối xong, quyết tâm qui mệnh, lễ Tam Bảo vô thượng mười phương, (một bái)

懺 悔 耳 根 罪

志志懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。耳根業音。惡聞正法。好聽邪言。迷却本真。隨他外妄。喧七絲竹。反謂龍吟。隱七鐘鐺。飄成蛙鬧。巴歌鄭曲。忽有生心。唐讚梵言。畧無側耳。風聞空響。暗起逸求。露聽善言。何曾仰受。三三酒友。兩兩花朋。道短談長。聚頭密聽。或逢師友。教訓丁寧。忠孝之言掩聰抵拒。或聞劍響。忽已成媼。或半聽經。遂生馬耳。如斯等罪。無量無邊。種若塵沙。算之難盡。命終之後。復墮三塗。苦盡受生還遺孽報。若不懺悔。何以消除今對佛前。悉皆懺悔。懺悔已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

GIÓC LÒNG KHUYÊN MỜI -

Khuyên mời mười phương Tam-thế Phật.

Cùng các Bồ-tát, Thánh, Hiền, Sư.

Mở rộng Từ-bi vô-lượng tâm,

Cùng dắt chúng-sinh chứng bến giác.

(Khuyên mời xong, chí tâm qui mệnh, lễ Tam-Bảo Mười phương, vô-thượng, một bái).

GIÓC LÒNG TÙY-HỖ (vui theo)

Con nay vui-vẻ tin theo Phật,

Hôm mai thành kính sám lỗi xưa.

Bạc thang mười nấc nguyện xin leo.

Chân tâm Bồ-đề cố tiến bước-

(Tùy-hỷ xong, chí tâm qui theo mệnh, lễ Tam-Bảo Mười phương, vô-thượng, một bái).

GIÓC LÒNG HỒI HƯƠNG (quay về)

(Cũng nên thắp hương.)

Chúng con hồi tâm qui về Thánh.

Ân-cần đầu cúi lễ Từ-tôn.

Nguyện đem công-đức tới chúng-sinh.

Với mầm nhân tốt thành chính-Giác.

(Hồi hương rồi, chí tâm qui theo mệnh, lễ Tam-Bảo Mười phương, vô-thượng — một bái).

GIÓC LÒNG PHÁT-NGUYỆN

(qui thắp nhang) (Mười hai điều).

志 心 勤 請

勸請十方三世佛。 及請菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。 同證衆生登彼岸。

勸請已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 隨 喜

我今隨佛生歡喜。 昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。 菩提真心無退轉。

隨喜已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 迴 向

(亦須拈香)

我等迴心歸聖衆。 慇懃頭地禮慈尊。

願將功德及衆生。 憑此勝因成正覺。

迴向已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 發 願

Một nguyện qua âm thanh đều ngộ đạo !
 Hai nguyện nghe đau khổ sớm sửa mình !
 Ba nguyện tai thông suốt đạt bốn phương !
 Bốn nguyện nghe tiếng vui lòng hết động !
 Năm nguyện lời nói sàm chẳng lọt vào tai !
 Sáu nguyện lời nói chính vội lắng tai nghe !
 Bảy nguyện nguyện âm Phạm luôn theo bên người !
 Tám nguyện trông Pháp luôn hồi thúc-dục !
 Chín nguyện xin Quan-Âm dắt tay chỉ nẻo !
 Mười nguyện cùng khánh-hỷ nổi tiếng hô danh !
 Mười một nguyện phá nghiệp chướng cho lữ điếc !
 Mười hai nguyện hai tai mãi linh thông !

(Phát-nguyện xong, quyết tâm qui mệnh, lễ Tam-Bảo vô-thượng một lễ hoặc tụng kinh quay lại niệm Phật xong, nên cúi đầu lễ Phật A-Di-Đà mười bái hoặc bốn mươi tám bái. Quan-Âm, Thế-Chí, các vị Thanh-tịnh đại-hải, mỗi vị ba vái xong, phát nguyện Văn Tây-phương, đảnh lễ ba lần tự qui.)

KỆ VÔ THƯỜNG LÚC NÀY BUỒI TRƯA

Chớp mắt mặt trời đã rạng đông,
 Quay đầu vàng nhật tại không-trung.
 Chỉ ham giấc-điệp say-sưa mãi,
 Nào biết hoè cao bóng chuyền vòng.
 Phút chốc hòa trôi đà rủ-úa,
 Quàn-quanh mệnh nắm thịnh liền vong.
 Ai ơi sao chẳng hồi-tâm lại,
 Tự khổ đường mê mãi ruồi-rong.

(Lại lễ Tam-Bảo như trên)

(再拈香)

- | | |
|-----------|-----------|
| 一願對聲皆悟道。 | 二願聽苦早修行。 |
| 三願聞聰具四達。 | 四願聞樂盡無生。 |
| 五願妄言無漏入。 | 六願正語急遙聆。 |
| 七願梵音常近側。 | 八願法鼓也須傾。 |
| 九願觀音相投手。 | 十願慶喜共馳名。 |
| 十一願羣孽長破障。 | 十二願兩朵永通靈。 |

發願已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

(或誦經旋繞念佛已。宜頂禮阿彌陀佛十拜。或四十拜。觀音。勢至。清淨大海衆。各三拜已。發願西方文。頂禮三自皈。)

此	時	無	常	偶
瞥	眼	烏	輪	繞
出	震	。	回	頭
。	。	。	。	。
。	。	。	。	。
。	。	。	。	。
。	。	。	。	。
。	。	。	。	。
。	。	。	。	。

(再禮三寶如初。)

DÂNG HƯƠNG LÚC TRỜI LẠN.

(Người chủ lễ thắp hương, qui xuống bạch rằng) :

Phục dĩ : Lưng trời giáng hiện, núi biếc mù che, thân sạch đến trước bàn thờ, trước mặt lễ hiền thánh từ-bi. Mong thấu nỗi lòng, đốt nén hương báu. Hương này, tiếng thơm Bồng-đảo, phạm lạ biển xanh, há phải nước trâm Lâm-Ấp hiến dâng, chẳng phải dầu nước Đại-Tần cống. Khí ngát hơn sạ hương Phong-huyện-mùi thơm bạt long-não Ô-trầnh. Riêng chiếm một giá cực cao, lừng danh tiếng nức phi thường. Khói hương một bay chiếu Phạm hun nên đàn thế giới. Lư-ngọc đốt lên trời ngọc kết thành lâu dài mộng Tim đến thành kiên-san ảo-hóa, gửi vào địa-ngục hết chua cay. Nay mặt trời lặn, đốt hương cúng dâng.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Đáy nước, rừng Thiên thơm phức phức,
 Vun trồng vườn Tuệ đã lâu đời.
 Dao Giới vót nên hình vọi vọi,
 Lò Tâm thành tín cúng dâng hoài.

KỆ DÂNG HOA

Hoa tâm sáng lạn lúc vừa khai.
 Thơm ngát, mưa nhuần đượm khắp trời,
 Đóa-đóa, cành-cành dâng trước Phật.
 Đời-đời gió Nghiệp thổi không rời !

Dâng hương xong, đọc lời chúc :

Nguyện Mây hương-hoa này, tràn đầy mười phương trời, cúng

日 沒 祝 香

(主者拈香胡跪白云)

伏以半空霞落，遠岫煙凝，躬臨清淨壇場，面禮慈悲賢聖，期通丹闕庸熟寶香，是香也，蓬島孤名，綠洋異品，豈沉水獻從林邑，非蘇油貢自大秦，氣起澄縣麝臍，味奪烏崖龍腦，獨擅太高之價，遠騰不衆之馨，寶篆一飛，梵席薰成檀世界，玉爐繞起，璇霄結作層樓臺，尋來幻釋乾城，嗅著酸停閻獄，以今日沒，焚香供養。

獻 香 偈

沉水禪林香馥郁
戒刀削就聳山形

旃檀慧苑舊栽培
熟向心爐長供養

獻 花 偈

心地開時誇爛熳
枝七朵七獻佛前

諸天雨處讓芬芳
億劫業風吹不落

獻香已祝云

願此香花雲，遍滿十方界，供養一切佛。

dâng lên chư Phật, Tôn-Pháp, chư Bồ-tát, vô kể bậc Thanh-văn, cho đến tất cả Thánh, Hiền. Đài quang-minh sáng chiếu, sang cõi vô-biên trong đất Phật vô-hạn, nhận dùng làm việc Phật, hun-đúc cả chúng-sinh, đều mở lòng Bồ-đề !

(Cúng dâng xong, giốc tâm quy về mệnh, lễ Tam-Bảo mười-phương, vô-thượng, một bái).

KHAI BẠCH (trưa)

Kính tâu : Mười phương Đại-giác, Tam thế Hùng Sư. Múa kiếm Tuệ nơi rừng tà, thổi gió từ nơi nhà cháy.

Trộm hay dáng son phủ đỉnh núi, ngày sáng ăn sau non. Tiếng ốc đầu thành buồn-bã, ngoài rèm chày đá thiết-tha. Thuyền cá về bến tiếng hát muện, chim hôm vỗ cánh nhẹ về rừng. Nhẹ-nhàng cò nhận sà bãi cát, ngọn liễu ve hót giọng nữ non. Đồng hoang lửa đóm lập lòe, vầng trăng trời rộng chiếu nghiêng nghiêng. Cửa phen vừa đóng gà lên chuông, fim lối trâu về đèn chừa lên. Khách đi vút ngựa như tên bắn, thuyền về chèo gập tựa thoi đưa.

Thương kẻ hôn-mê, lại vào đường tối, ban ngày sáng còn chưa thấy nẻo, đến tối đêm sao biết đường về. Bọn ấy như người mù mắt, cảnh này ắt phải khờ mê đường.

Này các Phật-tử. Nên nghĩ đến vô thường, phút chốc, chớ tham phù thế sa-hoa. Nên kịp lời mũi trâu về, đừng để phóng tâm đi mất. Ai nấy chú ý vào trong, chớ nên tìm cảnh bên ngoài. Nếu phải tri-âm mau mau tiến bước.

Nhưng bọn chúng con, kính tưởng lúc này làm lễ buổi ngày lặn.

尊法諸菩薩，無邊聲聞衆；及一切聖賢，以起光明臺
過於無邊界，無邊佛土中，受用作佛事，普薰諸衆生
皆發菩提心。

（供養已，志心皈命禮十方無上三寶）。（一拜）

啟 白

敬啟，十方大覺，三世雄師，揮慧劍於邪林，曳慈風
於火宅，竊聞丹霞冠嶺，白日含山，城頭而畫角韻悲
，簾外之寒砧聲切，曲浦而漁舟唱晚，投林而鳥翮飛
輕微芒鴈驚落平沙，蕭索蟬蛩鳴禁柳，野闊而莢光數
點，天高而免魄半鈞，柴扉初掩鷄棲時，燈火未來牛
下徑，徑客揚鞭忙似箭，歸舟鼓棹急如梭，深憫昏徒
重遭暗道，清晝裏尚不知去處，黃昏後轉忘却自家底
草如不具眼人，這景必歸迷路漢，諸佛子，當念無常
迅速，勿貪浮世奢華，切須暮鼻牽回，莫要縱心放去
，各自回光內照，毋令遂境外求，若是知音，正好進
步，但某甲等，謹想斯時，以爲日沒之禮。

（啟白已，志心皈命禮十方，無上三寶）（一拜）

(Khải bạch xong, chí tâm quy về mệnh, lễ Tam bảo mười phương, vô thượng)(một bái).

SÁM-HỐI NGHIỆP CĂN MŨI

Quyết tâm sám-hối ! Chúng con k ề từ bao nhiêu kiếp, vô thủy vô lượng đến nay, bỏ mất gốc tâm, không biết đường chính, xuống ba 'ối khổ vì sáu căn lăm. Nếu không sám - hối điều trước thì khó mà vớt lại về sau. Nghiệp giác căn mũi là : thường ham mùi lạ trăm thứ, chan hòa, chẳng ưa hương thật, nắm vị thanh-tao. Chỉ thích cầu tìm lan xông sạ ướp. Hương giới-định hun nào từng cảm thấy. Nhang khói lư trầm, trước bàn thờ Phật, cúi đầu đón lấy, tạt khói thơm ngát. Cứ theo tục trần. Long-thần ngạo-mạn. Chỉ mê mùi tà, không biết chán ghét. Quyển-luyến má đào môi hạnh, lời kéo không rời. Cây Giác, hoa Tâm, lời về không đoái. Hoặc đến phố-phường, hoặc vào nhà bếp, thấy giò thềm nướng, hôi tanh thêm ăn. Chẳng e thói bần chẳng kỹ đắng-cay. Đam-mê không ngớt, như lợn rúc phân. Hoặc đổ nước mũi, hoặc chày nhựa vàng, vầy cật vãi thêm, làm bần đất sạch. Say-sưa ngủ bậy, cửa Phật phòng Tăng, mũi thở hơi nồng, hun kính xông tượng. Sen ngát hóa trộm, ngữi thơm hóa dâm. Chẳng biết, chẳng tỉnh đều do nghiệp mũi. Những tội như thế, không bện không bờ. Khi sắp bỏ mạng, chịu khổ ba đường. Trả hăng sa kiếp, mới lại được sinh. Vì có được sinh, lại báo bệnh mũi. Nếu không sám hối, làm sao tiêu trừ ? Nay trước điện Phật, thầy xin sám-hối !

(Sám-hối rồi, chí tâm qui mệnh, lễ mười phương Tam-Bảo, vô thượng, một bái.)

懺悔鼻根罪

(再拈香胡跪白云)

志心懺悔，臣某等，自從無始無量劫來，失却本心，罔知正道墮三塗苦。由六根非，若不懺前，難追悔後，鼻根業者，常貪異氣，百和靈氣，不受真香，五芬清淨，蘭甄麝散，惟務尋求，戒變定薰，何曾嗅覺，沉燒檀爇，於佛像前。引首偷馨，拂煙納氣，隨他塵試，慢彼龍神，唯好逆聞，累無厭倦，桃顏杏臉，拽去肯離。覺樹心花，暮回不顧，或臨市肆，或入庖廚，就穢思滄，慕羶覓食，不嫌腥臭，不思葷辛，曉著無休，如豬溷廁，或收寒涕，或迸黃膠拭柱投堦，污于淨地或因醉卧，佛殿僧堂，兩孔息流，薰經衝像，嗅蓮為盜聞氣成搖，不覺不知，由於鼻業。如斯等罪，无量无边，捨命之時，三塗受苦，經塵沙劫，方得受生，縱得受生，還遭墜報，若不懺悔，何以消除，今對佛前，悉皆懺悔。

懺悔已志心皈命禮十方无上三寶。(一拜)

CHÍ TÂM KHUYÊN MỜI (quí thấp nhang)

Khuyên mời mười phương, Ba đời Phật,
 Cùng các Bồ-Tát, Thánh, Hiền, Sư.
 Mở lòng Từ-Bi vô-lượng tâm,
 Cùng dắt chúng-sinh chứng bến Giác.

CHÍ TÂM TÙY-HỖ (Vui theo) (quí thấp nhang)

Con nay vui-vẻ tin theo Phật.
 Hôm mai thành-kính sám lỗi xưa,
 Bạc thang mười nấc, nguyện xin leo.
 Chân tâm Bồ-Đề cố tiến bước.

(Tùy-hỷ rồi, chí tâm qui mệnh, lễ Tam-Bảo mười phương
 tối-thượng một bái).

CHÍ TÂM HƯƠNG VỀ (hồi hương) — (quí thấp nhang)

Chúng con hội tâm quay về Thánh.
 Ân cần đầu cúi lễ Từ-Tôn,
 Nguyện đem công đức tới chúng sinh.
 Với mầm nhân tốt thành Chính-Giác.

(Hồi hương xong, chí tâm qui theo mệnh, lễ Tam-bảo, mười
 phương vô thượng một bái).

CHÍ TÂM PHÁT-NGUYỆN (12 điều)

Một nguyện trừ bỏ khí tà loạn
 Hai nguyện thn vào hương Tuệ thơm
 Ba nguyện đóng cửa phép vô lậu

志 心 勤 請

勸請十方三世佛。 及請菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。 同證衆生登彼岸。

勸請已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 隨 喜

我今隨佛生歡喜。 昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。 菩提真心無退轉。

隨喜已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 迴 向

(亦須拈香)

我等迴心歸聖衆。 慇懃頭地禮慈尊。

願將功德及衆生。 憑此勝因成正覺。

迴向已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 發 願

一願出祛邪氣亂。 二願納入慧香薰。

三願閉成無漏孔。 四願喘散有緣塵。

Bốn nguyện thờ duyên trần bụi tan.
 Năm nguyện dắt về đường Tam bảo.
 Sáu nguyện hát ra làng Tứ-sinh
 Bảy nguyện chường phiền não tắt trừ,
 Tám nguyện ngủi lấy hoa giác mới.
 Chín nguyện thông luôn các phép mầu.
 Mười nguyện năm nhân nông mãi hết lối.
 Mười một nguyện dắt vào chơi bề tính « không ».
 Mười hai nguyện thoát khỏi bến mơ-mòng.

(Phát nguyện xong, chí tâm qui mệnh, lễ mười phương Tam-Bảo tối-cao một bái. Hoặc tụng kinh một vòng, niệm Phật xong, nên cúi đầu lễ Đức Phật A-Di-Đà mười lễ hoặc bốn mươi tám lễ Đức Quan-Thế-Âm, Thế-Chí, Đại-Hải Thanh-tĩnh mỗi hiệu ba lễ xong, phát lời nguyện Tây phương Vãng, cúi lễ ba lần tự qui.)

KỆ VÔ THƯỜNG LÚC NÀY (trời lặn).

Cảnh bức núi tây mờ,
 Bao giờ tiếc ngày giờ.
 Chỉ hay theo ý ngựa,
 Đã dừng tâm vượn chưa ?
 Trời lặn rồi lại mọc,
 Thân nôi chìm đáy mà.
 Già đến khôn với ngu,
 Chết đi nay như xưa.
 Tránh sao được vô thường

五願暮回三寶道。	六願嚏去四生鄰。
七願息除煩惱障。	八願嗅著覺花新。
九願常通諸法種。	十願永塞五辛因。
十一願牽來游性海。	十二願拽出離迷津。

發願已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

(或誦經旋繞念佛已宜頂禮阿彌陀佛十拜或四十八拜觀音，勢至，清淨大海衆，各三拜已，發願西方文，頂禮三自皈)。

此 時 無 常 偈

景逼西山暮。	何時惜寸陰。
唯能奔馬意。	那肯住猿心。
日出還將沒。	身浮又復沉。
老來愚與智。	死去古和今。
不免无常到。	難逃大限林。
各各行正道。	勿使入邪林。

Trốn đâu đại hạn kia.
 Ai nấy làm đạo chính,
 Chớ lạc vào rừng tà.

KỆ KHUYÊN NGƯỜI ĐỜI BUỒI HOÀNG HÔN.

Bóng ngả vườn dâu tối,
 Non tây trời đã chìm.
 Ngày sáng khó cầm lại,
 Già, bệnh dễ đến tìm.
 Giờ chết luyến chẳng được,
 Kỳ hẹn ai thề ghim.
 Các người mở to mắt,
 Mè tan chớ để tâm.

KỆ TÁM MỠI KHỜ

Sinh ra làm tứ cho hình-thề,
 Già đến tám mươi trí hôn-mê.
 Bệnh xâm Tứ-Đại đau khôn nhần,
 Chết xuống Ba-Đường Nghiệp nặng nề.
 Gặp gỡ ghét hờn vô cùng hận,
 Ái-ân khôn-xiết khờ biệt-ly.
 Muôn cầu chẳng được thêm phiền-muộn,
 Ngũ-Ấm tranh-dành cháy lại ghê.

(Khi mới vào đạo-trường, giữ chú -nghiêm-tĩnh, xong mới lễ Tam-Bảo, hoặc ba bái, chín bái hay là mười lăm bái tùy ý.)

Nam-mô hết hư-không, khắp giới pháp Phật-Đà Da-tôn
 nhất thiết thường trụ mười phương ba thế !

Nam-mô hết hư-không, khắp giới pháp, Đạt-ma-Da-tạng,
 nhất-thiết thường trụ mười phương ba thế !

Nam mô hết hư-không, khắp giới Pháp, Tăng-Già Da-chúng
 nhất-thiết, thường-trụ mười phương, ba thế !

黃昏勸衆偈

景送桑榆暮。	山西日已沉。
光陰難久駐。	老病易相侵。
死至誰能應。	期來熟可禁。
諸人須著眼。	昏散勿開心。

入苦偈

生至成人形役役。	老将及老意蒙蒙。
病侵四大痛難忍。	死入三塗業易逢。
恩愛別離哀不盡。	怨憎會遇恨無窮。
千求不得增煩惱。	五陰相爭熾威雄。

(初入道場持咒嚴淨已，方禮三寶，或三拜，或九拜，或十五拜，隨宜)。

南無盡虛空遍法界，十方三世一切常住佛陀耶尊。

南無盡虛空遍法界，十方三世一切常住達摩耶藏。

南無盡虛空遍法界，十方三世一切常住僧伽耶衆。

DÂNG HƯƠNG BUỒI SĂM TỐI

(Chủ lễ thắp hương qui bạch)

Phục đi ! Lửa đóm trên không, đèn chài ánh nước, trước đàn đủ mặt trai tăng, trong lư mới đốt tín hương. Hương này không rơi ở núi, chẳng giống nước trầm. Hà dễ thần long gây được, mà phải Bồ tát chứa tàng. Rừng Nguru-đầu địa-vị không hai, Bụi Kê thiệt suy-tôn bậc nhất. Kiêm Tuệ cắt, dao Giới vót xuất chúnĩ thanh-kỳ, nước Định rửa, đốt bằng lửa Muội, phưng phức hương thơm. Há chỉ trong đàn ngàò ngạt, xa gần các xứ thấy mùi Một làn khói bay, nhiều đời nghiệp sạch.

Nay gặp sấm tối, đốt hương cúng dâng.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Đáy nước rừng Thiên thơm phức phức.

Vun trồng rừng Tuệ đã lâu đời,

Dao Giới vót nên hình vôi vọi.

Lò tâm thành tín cúng dâng hoài !

KỆ DÂNG HOA

Hoa Tâm sáng lạn lúc vừa khai,

Thơm ngát mưa nhuần đượm khắp trời.

Đóa đóa cảnh cảnh dâng trước Phật.

Đời đời gió Nghiệp thổi không rời,

Dâng hương hoa xong, đọc lời chúc rằng :

Nguyện mây hương hoa. tràn đầy khắp cõi mười phương cúng dường hết thầy các Phật, Tôn-Pháp, chư Bồ-Tát, các Thanh-văn

初夜祝香

(主者拈香胡跪白云)

伏以螢火點空，漁燈照水，壇上齋臨淨侶，爐中初發信香，是香也，產不落山，種非沉水，豈預神龍門出，抵緣菩薩指藏，牛頭林裏擅無雙，雞舌叢中推第一，慧劍伐而成刀削，聳出清奇，定水洗而昧火焚，鬱來馥郁，豈止當場親納，盡來普處遙聞，一縷氣通，多生業盡，以今初夜，焚香供養。

獻香偈

沉水禪林香馥郁
戒刀削就聳山形

旃檀慧苑蓄栽培
熱向心爐長供養

獻花偈

心地開時誇爛熳
枝枝朵朵獻佛前

諸天兩處讓芬芳
億劫業風吹不落

獻香已祝云

願此香花雲，遍滿十方界，供養一切佛。尊法請菩薩。
。無量聲聞眾。

vô kè, cùng Thánh Hiền đề gọi dạy đài quang minh, qua sang cõi vô-biên, nhận dùng làm Phật-Sự, hun khắp chúng-sinh đặng cùng phát tâm Bồ-Đề.

Cúng dường xong, chí tâm qui mệnh, lễ mười phương Tam bảo vô thượng. (một bái.)

KHẢI-BẠCH

(Lại thắp hương qui tâu :)

Kính bầy mười phương Đại-giác, Hùng-sư ba cõi, mở rộng đèn tuệ các Phật, khắp soi các nhà quần-chúng sinh-linh. Trộm nghe tiếng ốc trên lầu lên tiếng, trống canh vừa truyền, nhà nhà đèn đuốc sáng trưng, nẻo-nẻo sấp nển cháy rực. Ngoài bãi ngựa hay dừng tiếng hí, ao trong cá bạc hết tung-tăng. Là mặt nước đom-đóm lập-loè, ăn đầu non trắng dần lặn. Lầu anh-vũ bạn bè mê say tứ-sắc, đài phượng-hoàng đắm-đuối cuộc trăng hoa. Hoặc ngậm trăng vịnh gió, hoặc thổi sáo gầy đàn. Ai nấy đắm-dắm duyên trước mắt, người người quên hết việc thân sau.

Này các Phật-tử : Hãy tỉnh tiền-trình khó bước, đừng ham ôm gối ngủ say. Lên giường chưa chắc sẽ xuống giường, tối nay nào biết tối mai. Cửa nghĩa thứ nhất nên thẳng đi vào, con đường ba ác chó chân tới. Quay đầu nhận tỏ quê-hương, mở mắt chó ham đời trần-mộng. Bọn chúng con nay kính tưởng giờ này lấy làm giờ lễ buổi chập tối.

Khải bạch xong, chí tâm qui mệnh, lễ Tam-Bảo mười phương tối-cao, (một bái.)

。及一切聖賢。以起光明臺。過於無邊界。無邊佛土中。受用作佛事。普薰諸衆生。皆發菩提心。供養己。志心皈命禮十方無上三寶。（一拜）

啟 白

敬啟，十方大覺，三世雄師，廣開諸佛慧燈，普照羣生暗室，竊聞樓笳初咽，禁鼓方傳，家家之蠟燭搖光。處處之龍腦吐馥，寶馬停嘶於紫陌，金麟罷躍於清池，依稀水面度螢光，隱約山頭啣兔魄，鳳凰臺畔，昏七嗜酒貪歡，鸚鵡樓前，惜七迷花取樂，或嘲風詠月，或弄笛舞琴，人人須著眼前緣，箇箇都忘身後事，諸佛子，須省前程難進去，勿懷高枕打眠來，上床難保下床，今夜豈知來夜，第一義門須直入，於三惡道莫親行，回頭認入自家鄉，閉眼勿甘浮世夢，但某甲等，謹想斯時以為初夜之禮。

啟白己，志心皈命禮十方無上三寶。（一拜）

SÁM-HỐI CĂN TỘI CỦA LƯỠI

(lại châm hương, qui tâu.)

Chí tâm sám-hối! Chúng con từ vô-thủy vô-lượng kiếp đến nay, quên mất bản-tâm, chẳng biết đường chính. Xuống ba đường khổ vì sáu căn sai. Nếu không sớm sám-hối trước, thì khó mà hối lại về sau.

Nghiệp-căn của lưỡi là : Tham đủ mọi mùi, thích phân xấu tốt ; ném trọn từng thứ, tỏ rõ béo gầy. Tàn hại sinh-vật, nuôi sừng thân mình. Nấu, nướng loài bay loài lặn, mò chiên loài chạy loài bơi. Tanh, hôi béo miêng, hành, tỏi sòng ruột. Ăn rồi xét lại, có nó mõi đầu, hoặc tới đàn trai, cầu Thần lễ Phật. Cố chịu nhịn đói, đợi cho việc xong. Sáng sớm ăn chay cơm ít nước nhiều. Giống hệt người đau, gắng nuốt thuốc, cháo. Mắt đầy mỡ thịt, cười nói hân-hoan, khuyên uống nài ăn. Nóng tới, lạnh lui, bày tiệc đãi khách. Gả vợ dựng chồng, giết hại súc vật, đều vì tác lưỡi. Nói dối bày truyện, thêu-dệt bịa thêm, chửi cả Tam-Bảo, nguyên-rủa mẹ cha, ngạo-mạn Thánh-hiền, báng vua, dối cha, dèm-pha người khác, che đậy tội mình, bình-luận xưa nay, khen đây chê đấy. Khoe-khoang giàu có, si-nhục người nghèo, sua đuôi Tắng-ni, đánh chửi tôi-tớ. Lời chê thuốc độc, nịnh hót như đàn, tô-điêm diêm lằm, lấy hư làm thật, oán-trách nặng ret, si-và non sông, nói đùa phòng Tăng, ồn-ào niệm-Phật. Những tội như thế, vô-lượng vô-biên như cát sa-mạc, tính sao cho xiết. Đến ngày chết đi xuống ngục lỗi lưỡi, cây sắt kéo dài, nước đồng rót mõi. Hết báo địa-ngục, muốn kiếp mới sinh. Dù được làm người lại bị cầm báo. Nếu không sám-hối làm sao tiêu trừ ?

Nay đứng trước Phật, xin sám-hối hết. (Sám-hối xong, chí tâm qui mệnh, lễ mười phương Tam-Bảo tối-cao, một bái)

懺 悔 舌 根 罪

(再拈香胡跪白云)

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。忘却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。舌根業者。貪諸味味。好辨精粗。嘗盡頭頭。暗知肥瘦。傷殘物命。度養自家。炮炙飛潛。烹煎遊走。甜膾裹口。葱蒜熏腸。喫了索來。未曾永飽。或臨齋醮禮佛祈神。忍受飢虛。待於事畢。晨朝素膳。飯少水多。真似病人。彊餐藥粥。腦脂滿目。談笑欣欣。酒勸食行。暖來冷退。筵賓待客。嫁女婚男。殺害衆生。皆由三寸。妄言構作。綺語織成。兩舌橫生。惡口興起。罵詈三寶。呪咀二親。調聖欺賢。謗君誣父。道他長短。掩己是非。評論古今。抑揚彼此。矜誇豪富。凌辱貧窮。擯退僧尼。責呵僮僕。謔言若毒。巧語如簧。文過飾非。道虛爲實。怨谷寒暑。咳唾江河。戲論僧房。喧奴佛念。如斯等罪。無量無邊。論彼塵沙。算之莫盡。命終之日。拔舌自投。鐵犁長耕。鎔銅永灌。地獄報盡。萬劫方生。縱得爲人。還遭啞報。若不懺悔。何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。

懺悔已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 勸 請

(亦須拈香)

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。同證衆生登彼岸。

勸請已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 隨 喜

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。菩提真心無退轉。

隨喜已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 迴 向

我等回心歸聖衆。慇懃投地禮慈尊。

願將功德及羣生。憑此勝因成正覺。

志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 發 願

一願飽餐無上味。二願吐却世間腥。

三願辯才除衆惑。四願樂說度羣生。

五願轉時無盡藏。六願吸盡法流傾。

CHÍ TÂM KHUYÊN MỜI !

(Quý châm hương)

Khuyên mời mười phương Tam-Thế-Phật,
 Cùng các Bồ-Tát, Thánh, Hiền, Sư,
 Mở rộng Từ-bi, vô-lượng Tâm,
 Cùng đất chúng-sinh chứng bến Giác !

CHÍ TÂM TÙY-HÝ (vui theo)

(Quý châm hương)

Con nay vui-về tin theo Phật,
 Hôm mai thành-kính sám lỗi xưa.
 Bạc thang mười nấc nguyện xin leo,
 Chân-tâm Bồ-Đề cố tiến bước.

CHÍ TÂM HỒI HƯƠNG (quay về)

(quý châm hương)

Chúng con hồi tâm quy về Thánh,
 Ân cần đầu cúi lễ Từ-Tôn.
 Nguyện đem công-đức tới chúng-sinh.
 Với mầm nhân tốt thành chính giác.

(Hồi hương xong, chí tâm qui về mệnh, lễ Tam Bảo mười phương, vô thượng, một bái).

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

(lại quý, thấp hương)

Một nguyện ăn no vị tối-cao,
 Hai nguyện nhà hết tanh hôi đời.
 Ba nguyện diệt trừ hết mê-hoặc.
 Bốn nguyện thích nói độ chúng-sinh,
 Năm nguyện chuyền về chưa không hết.

七願早回大愚吐。

八願速共臨濟聲。

九願廣長與佛覆。

十願清淨等天成。

十一願世間無暗啞。

十二願地獄畢犁耕。

發願已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

(或誦經旋繞念佛已，宜頂禮阿彌陀佛十拜。觀音，
勢至，清淨大海衆，各三拜已。發願西方文。頂禮三
自皈。)

此 時 無 常 偈

日色沒時臨夜色。

昏衢擾擾又重增。

徒知外點他家燭。

不肯回燃自己燈。

隱隱金烏山已入。

瞳瞳玉兔海初騰。

死生代謝渾如此。

何不歸依佛法僧。

(再禮三寶如初。)

Sáu nguyện thu hết dòng Phật-Pháp.
 Bảy nguyện sớm về Đại Ngu bồ.
 Tám nguyện mau cùng tiếng Lâm-Tế.
 Chín nguyện rộng dài cùng Phật che.
 Mười nguyện sạch trong ví như Trời.
 Mười một nguyện thế-gian hết cam, ngọ.
 Mười hai nguyện địa-ngục hết tội trâu cày.

Phát nguyện xong, dốc lòng qui mệnh, lễ mười-phương, vô-hượng, Tam-Bảo, (một bái.)

(Hoặc tụng kinh vòng quanh niệm Phật rồi nên cúi đầu lễ đức A-Di-Đà, mười bái hoặc bốn mươi tám bái, Quan-Âm, Thế-Chí, các Đại-hải trong sạch, mỗi đàng ba bái xong rồi phát-nguyện Văn Tây-Phương, cúi lễ ba lần tự qui.)

KỆ VÔ-THƯỜNG LÚC SẴM TỐI

Mặt trời vừa lặn tối nhá-nhèm,
 Bốitrối đường đi lại tối thêm.
 Đốt đuốc chăm-lo nhà người rạng.
 Đèn nhà mình sao chẳng tự xem.
 Quạ lửa non Tây đà chìm hẳn,
 Biển Đông lóng-lánh ánh cung thiềm.
 Tứ-sinh thay đổi tuần-hoàn mãi.
 Tam-Bảo qui về hết cảnh đêm.

半 夜 祝 香

(主者拈香胡跪白云)

伏以三更漏轉，萬籟聲沉，六和緇侶會嚴壇，一辨寶香周法界，是香也，陰陽結聚，天地生成，栽培非一世之功，守護是百神之力，根株拔萃，久背法雨霑濡，體質高標，長賴慈雲庇蔭，異種莫將凡木比，清芬不許俗人知，拈起金爐，片片纒焚於火面，結成寶蓋，層層直透於雲頭，庸陳對聖之儀，聊表通凡之信，以今半夜，焚香供養。

獻 香 偈

沉水禪林香馥郁。

旃檀慧苑舊栽培。

戒刀削就聳山形。

蕪向心爐長供養。

獻 花 偈

心地開時誇爛熳。

晴天雨處讓芬芳。

枝七朵七獻佛前。

億劫業風吹不落。

(獻香已祝云)

LỄ DĂNG HƯƠNG NỬA ĐÊM

(Nhà chủ thắp hương qui tâu)

Phục dĩ :

Canh ba vừa chuyễn, muôn tiếng chìm yên. Lục-hòa Tăng-lữ họp đàn nghiệm, một nén hương thơm tràn giới Pháp.

Hương này, âm-dương đúc-kết. Trời-đất tạo nên. Vun trồng một đời công nào đủ, giữ-gìn do sức của trăm thần. Gốc cành tươi tốt từ lâu mưa Pháp thấm-nhuần. Thề-chất thanh-cao vốn được mây lành che-phủ. Vốn lạ chẳng cây gì sánh kịp, hương thơm kẻ tục dễ ai hay. Lư vàng vừa đốt, nén-nén bốc trên ngọn lửa. Kết thành tàn báu, tầng-tầng thẳng tiếp với mây xanh. Xin bày nghi-lễ trước Thánh-thần, chút tỏ lòng tin kẻ tục. Nay buổi nửa đêm, thắp hương cúng dâng.

KỆ DĂNG HƯƠNG.

Đáy nước rừng Thiên thơm phúc-phước,
Vun trồng vườn Tuệ đã lâu đời.
Dao Giới vót nên hình vòi-vòi,
Lò Tâm thành-tín cúng-dâng hoài.

KỆ DĂNG HOA.

Hoa Tâm sáng-lạn lúc vừa khai.
Thơm-ngát mưa nhuần đượm khắp trời.
Đóa-đóa, cảnh-cảnh dâng trước Phật,
Đời-đời gió Nghiệp thổi không rời.

(Dâng hương xong, đọc lời chúc :)

願此香花雲，遍滿十方界，供養一切佛尊法諸菩薩，無量聲聞衆，及一切聖賢，以起光明臺，過於無邊界，無邊佛土中，受用作佛事，普薰諸衆生，皆發菩提心。供養已。志心皈命禮十方無上三寶。（一拜）

啟 白

敬啟，十方大覺，三世雄師，舒金字以接羣生，放玉毫而輝衆刹，竊聞時應交子，夜旣云中，銀缸之燈火將爛，紫陌之塵埃俱肅，幾陣風雲生萬里，一輪皎月浸三更，依稀而林竹篩金，隱曠而庭花弄玉，怨鶴杳聲於蕙帳，哀猿長嘯於松間，迢迢漢河斗參橫，寂寂郊原神鬼哭，子規啼切，蝴蝶夢甘，幻身孤寓一林中，遊夢遠奔千里外，甘被睡魔常擾擾，爭知智燭永煌煌，神舍外魄蕩魂飛，鬼窟中睛藏眼閉，惟多貪於睡思，豈識味於真如，應知一枕待天明，營甚百年臨命盡，諸佛子，當念四蛇逼迫，毋忘二鼠吞侵，輪迴三界早晚休，繚繞四生何日了，當步往生之路攀引出之車那處牢開，今宵撞破，但某甲等，謹想斯時，以爲中夜之禮。

啟白已，志心皈命禮十方無上三寶。（一拜）

Nguyệt Mây hương-hoa tràn đầy khắp cõi mười-phương, cúng dâng hết thầy các Phật, Tôn-Pháp, chư Bồ-Tát, các Thanh-Văn vô số, cúng hết thầy Thánh Hiền, đề gọi lên đài quang-minh, qua sang cõi vô-biên trong đất Phật vô-hạn, nhận dùng làm Phật-sự, hun-đúc khắp chúng-sinh, đặng cùng Phát-tâm Bồ Đề!

(Cúng dâng xong, chí tâm qui về mệnh, lễ Tam-Bảo, mười-phương, vô-thượng, một bái).

KHAI-BẠCH.

Kính tàu : Đại-giác mười phương, Hùng-sur ba cõi, ruỗi tay vàng tiếp-dẫn chúng-sinh, phóng tia sáng soi chiếu các cõi.

Trộm nghe, thoi vừa sang Tý, đêm đã nửa đêm. Ngọn đèn dọi bạc sắp tàn, đường tia bụi-trần đều sạch. Mấy trận gió mây xa muôn-dặm, một vầng trăng sáng chiếu canh ba. Lơ-thơ rừng trúc lọt ánh vàng, lấp-lánh sân-hoa đùa với ngọc. Hạc oán nín hơi trong trướng huệ, vườn thương kêu rít cửa không ngoài. Xa-xa sao gác sông Ngân-Hán, văng-vẳng đồng hoang quý thần sâu. Quốc kêu thảm-thiết, bướm mộng mê-man. Thân ảo lẽ-loi trong rừng tạm, mộng hồn vơ-vẩn ngàn dặm xa. Đành cho ma ngủ luôn quấy-nhiều, nào hay đước trí vờn bưng-bưng. Ngoài nhà thần-phách lạc hồn bay, trong hang quý người vui mắt nhắm. Chỉ ham-mê ngủ kỹ, biết đâu là vị Chân-như. Nên biết một giấc chờ trời sáng, lo chỉ trăm tuổi mệnh về trời.

Hỡi các Phật-tử, nên nghĩ Tứ-Đại bức-bách, chớ quên ngày tháng nuốt mòn. Luân-hồi ba giới đến bao thôi, luân-quần sống chết ngày nào dứt. Gắng bước lên lối vãng sinh, nên bám vào xe tiếp-dẫn. Cửa ngục nơi nào, đêm nay phá vỡ. Chúng con kính tưởng giờ này, lạy làm lễ nửa đêm.

懺 悔 身 根 罪

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後身根業者。父精母血，假合成形，五臟百神，共相結聚，執爲我體，忘却法身，殺盜媼生，遂成三業，殺生業者，常行酷虐，不起慈仁，殘害四生，豈知一體，悞傷故殺，自作教他，或造符師以行禳禱，或爲鴆毒，以害生靈，惟務忍人，不懷憫物，或焚山藪，或竭溪源，設網張羅，飛鷹走狗，見聞隨喜念起想行，舉動運爲，無非是罪偷盜業者見他財寶，竊起私心，擊鎖開封，探囊祛篋，見佛常住，貪計滋生，奪作家貨，不驚神怒，匪但金玉，而致重愆，及至草針，亦成盜業，邪媼業者，心迷聲色，眼著鉛華不顧廉貞，曲生私慾，或於淨地佛院僧堂，近事女男，共相調笑，弄花擲果，踏足拊肩，鑽穴踰牆，皆成媼業，如

Tâu xong, giốc lòng qui mệnh, lễ Tam-Bảo mười-phương. vô-thượng, (một bái)

SÁM-HỐI NGHIỆP CĂN CỦA THÂN.

Thấp hương quỳ tâu :

Giốc lòng sám-hối, bọn chúng con từ bao nhiêu kiếp, vô-thù vô lượng đến nay, bỏ mất bản-tâm, chẳng biết đường chính, xuống ba lối khổ, vì sáu căn sai. Nếu trước không sám-hối, sau khó ăn-năn. Căn nghiệp của thân là : Tinh cha, máu mẹ, hợp giả nên hình, năm tạng trăm hài, cùng nhau kết lại Chấp vào thề mình, quên mất thân Pháp, sinh dâm, sát, trộm, mới thành ba nghiệp.

Nghiệp sát-sinh là : thường làm tàn-ác, không lòng nhân-từ, giết hại chúng-sinh, nào hay một thề. Lầm hại cố giết, tự làm sai người, hoặc vẽ bùa bèn để làm trù-yèm. Hoặc chế thuốc độc để hại sinh-linh. Chỉ cốt hại người, không thương tiếc vật. Hoặc đốt núi rừng, hoặc cạy khe suối, giăng chài, giăng lưới, thả cắt sục chớ. Thẳng nghe mừng vui, nghĩ đến tưởng làm, cử-động vận-hành, đều là tội lỗi.

Nghiệp trộm-cắp là : Thấy của cải người, liền nôi lòng riêng đập khóa mở ngăn, sờ bao mò túi. Thấy Phật thường trụ, lòng tham nấy sinh, cướp làm của riêng, không sợ thần giận. Không những vàng ngọc mới phạm tội tà, đến như kim cỏ cũng thành nghiệp trộm.

Nghiệp tà-dâm là : Lòng mê sắc tiếng, mắt đắm phấn-son, chẳng đoái liêm trinh, bụng sinh tư-dục. Hoặc nơi tịnh-khiết. điện Phật, phòng sư, gần-gũi gái trai, cùng nhau đùa-cợt, tung hoa ném

斯等罪，無量無邊，及至命終，入于地獄男抱銅柱，女卧鐵床，萬劫方生，還遭罪報，若不懺悔，何以消除，今對佛前悉皆懺悔。

(懺悔已，志心皈命禮十方，無上三寶) (一拜)

志 心 勸 請

(跪拈香)

勸請十方三世佛。 及諸菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。 同證衆生登彼岸。

勸請已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 隨 喜

(跪拈香)

我今隨佛生歡喜。 昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。 菩提真心無退轉。

隨喜已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

quả, sáo chân, vổ vai, khoét ngạch leo tường, đều thành dâm nghiệp.

Các tội-lỗi ấy, không bến, không bờ. Đến khi chết đi, sa xuống địa ngục, trai ôm cột đồng, gái nằm chông sắt. Muốn kiếp tái-sinh lại gặp tội báo. Nếu không sám-hối, sao được tiêu-trừ. Nay trước mặt Phật, xin sám-hối hết.

Sám-hối rồi, giốc lòng qui về mệnh, lễ Tam-Bảo, mười-phương vô-thượng, (một vái)

GIỐC LÒNG KHUYÊN MỜI

(qui châm hương)

Khuyên mời mười phương Tam-Thế-Phật,

Cùng chư Bồ-Tát, Thánh, Hiền, Sư.

Mở lòng Từ-bi vô-lượng Tâm,

Cùng đất chúng-sinh chứng bến Giác,

(Khuyên mời xong, giốc lòng qui về mệnh, lễ mười phương vô-thượng, Tam-Bảo, (một bái).

GIỐC LÒNG VUI THEO

(Qui châm hương).

Con ray vui vì từ theo Phật.

Hôm sớm thành-kính sám lỗi xưa.

Bậc thang nười rốc rốc (trên sào leo,

Chân tâm Bồ-Đề không lùi bước.

(Tùy-hỷ rồi, giốc lòng qui về mệnh, lễ Tam-Bảo, mười phương vô-thượng, (một bái).

志 心 迴 向

(跪 拈 香)

我等迴心皈聖衆。 慇懃頭地禮慈尊。

願將功德及羣生。 憑此勝因成正覺。

迴向已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

(跪 拈 香)

一願命根速成慧。 二願體相變為真。

三願投崖求大法。 四願赴火悟深因。

五願焚軀酬佛力。 六願敲髓報師恩。

七願求頭終不惜。 八願取目亦為親。

九願塗香無有喜。 十願割肉不生嗔。

十一願生生無著愛。 十二願世世離囂塵。

發願已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

GIỐC LÒNG HƯƠNG VỀ.

(Qui châm hương)

Chúng con hồi tâm quy về Thánh.
 Ân-cần đầu cúi lễ Từ-Tôn.
 Nguyện đem công-đức tới chúng-sinh,
 Với mồm nhân tốt thành chính giác.

(Hồi hương rồi. giốc lòng qui về mệnh, lễ Tam-Bảo mười-phương, vô-thượng, (một bái).

GIỐC LÒNG PHÁT-NGUYỆN.

(Qui châm hương)

Một nguyện căn mệnh mau thành tuệ-giác,
 Hai nguyện thề tướng, biến ra chân tướng.
 Ba nguyện gieo đầu núi cầu tìm pháp lớn.
 Bốn nguyện phó vào lửa giác-ngộ nhân sâu.
 Năm nguyện đốt thân xác báo đền ơn Phật.
 Sáu nguyện đập não tủy đền-đáp ơn thầy.
 Bảy nguyện xin đầu cho cũng không tiếc,
 Tám nguyện khoét mắt mù vẫn thân yêu.
 Chín nguyện nhồi sấp thơm không lấy làm vui,
 Mười nguyện bị cắt thịt mà lòng chẳng giận.
 Mười một nguyện đời-đời không chấp ái,
 Mười hai nguyện kiếp-kiếp xa bụi-trần,

Phát nguyện xong, giốc lòng qui mệnh, lễ mười-phương, vô-thượng, Tam-Bảo, (một vái).

此 時 無 常 倘 (半夜)

萬籟聲沉後。	三更鼓動初。
子規啼切切。	蝴蝶夢遠遠。
甘混槐中蟻。	翻爲水上魚。
不能看月起。	惟愛戀花居。
迷失家千里。	猶貪睡一餘。
不知身是幻。	蒙昧遇居諸。

(又禮三寶如初)

KỆ VÔ-THƯỜNG LÚC NÀY (nửa đêm)

Muôn tiếng chìm lặng rồi,
Canh ba trống dồn hồi.
Quốc kêu tiếng tha-thiết,
Mộng bướm còn miệt-mài,
Kiến cuộn trong cây hờ,
Cá ngoi mặt nước bơi.
Không hay xem trăng mọc,
Chỉ đắm yêu hoa thối.
Lạc nhà xa ngàn dặm,
Còn tham giấc ngủ hoài.
Không biết thân này ảo,
Mê-man trọn một đời.

(Lại lễ Tam-Bảo như lúc đầu),

後 夜 祝 香

(主者拈香胡跪白云)

伏以。斗杓北轉。河漢西傾。枕邊之蝶夢猶甜。樓上之角聲將斷。必蒨衆卒來梵席。薄伽前豫獻信香。是香也。種從月裏移來。根向山中蟠據。標姿不俗。體質無塵。遠卑吳國之雀頭。高冠桂林之龜甲。熱處豈容噴火。飄時却藉慈風。殊非凡品下馨。直是上方異味。細細駐遊絲而裊瑞。葱葱鬱佳氣以成祥。氤氳寶座之前。縹緲珠簾之外。回頭尋識。光明當處自然生。親面聞熏。寂滅由茲親證得。以今後夜。焚香供養。

獻 香 偈

沉水禪林香額郁
戒刀削就峩山形

旃檀慧苑舊栽培
熱向心爐長供養

獻 花 偈

心地開時誇爛熳
枝枝朵朵獻佛前

請天雨處讓芬芳
億劫業風吹不落

獻香已祝云

LỄ DÂNG HƯƠNG BUỔI HẾT ĐÊM.

(Chủ lễ châm hương, qùy tâu :)

Phục dĩ : sao Đầu chuyền Bắc, sông Hán về Tây, giắc mộng bên gối còn nồng, tiếng ốc canh trên lầu sắp dứt. Tăng chúng tới họp trước pháp đàn trước Thố-tôn tín hương dâng cúng.

Hương này trông tự cung trăng đem xuống, rẽ hướng vào núi vòng quanh, dáng cao khác tục thể-chất không phạm, xa vượt trước đầu nước Ngô, ở trên giá quán rừng quế. Đốt lên đẹp tạt lửa giận, xông bay nhờ ngọn gió từ. Nào phải hương phạm mùi tục, thực là vị lạ cao-siêu. Nhẹ nhàng như sợi tơ cuốn bay, ngào-ngạt khí-ngát báo diêm lành. Nghi-ngút trước ngôi bảo-tọa, mờ-mờ ngoài bức rèm châu. Quay đầu cầu biết, quang-minh nơi ấy tự-nhiên sinh. Nhìn mặt thấy mùi, tịch-diệt bởi đây thân chứng được.

. Nay buổi hết đêm, thấp hương dâng cúng.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Đáy nước rừng Thiên thơm phức-phức,
Vun trồng vườn Tuệ đặng lâu dài.
Dao Giới vót nên hình vôi-vọi,
Lò Tâm thành-tín cúng dâng hoài !

KỆ DÂNG HOA

Hoa tâm khí nở sáng ngời,
Khắp trời mưa móc tốt tươi đầu bì.
Cành hoa dâng Đức Từ-Bi.
Đời-đời gió Nghiệp khó bề chuyền lay.
Dâng hoa hương xong, đọc lời chúc :

願此香花雲。遍滿十方界。供養一切佛。
尊法諸菩薩，無邊聲聞衆，及一切聖賢，以起光明臺
過於無邊界，無邊佛土中，受用作佛事，普薰諸衆生
皆發菩提心。

(供養己，志心皈命禮十方無上三寶)。(一拜)

啟 白

(再拈香胡跪白云)

敬啟十方大覺。三世雄師。注甘露而濟羣飢。握神珠
而投諸暗。竊聞虬催既五。雞唱方三。飛筵之榻影消
殘。銀漢之星躔滅沒。蝴蝶醜回於世夢。捕牢撞破於
天陰。淡蟾半入碧山頭。紅日未生滄海面。古壁頻催
蛩韻。御街初動馬蹄。城頭縹繞淡寒煙。天外霏微迷
曉露。適羽客朝真之際。當緇流行道之時。千家萬室
門未開。一夜六時功已就。忙忙世路。擾擾羣生。雖
驚當夜伏枕眠。未醒終身開眼睡。諸佛子。苦縱終宵
請欲樂。便教徹曉一心昏。致此羈縻一生。由於昏散
二字。爲你直開一線道。將來留與作家看。當知人命
難常。勿放此時蹉過。管取眼前淨土。認來心裏彌陀
。若能快下承當。便得箇中顯現。但某甲等。謹想斯
時以爲後夜之禮。

啟白己志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

Nguyện mây hương hoa này, tràn đầy mười phương trời, cúng dâng hết chư Phật, Tôn-Pháp, chư Bồ-Tát, vô kể bậc Thanh-Văn cho đến tất cả Thánh Hiền. Đài quang-minh sáng chiếu sang cõi vô-biên, trong đất Phật vô-hạn, nhận dùng làm việc Phật hun đúc cơ chúng-sinh, đều mở tâm Bồ-Đề.

Cúng dâng xong, quyết tâm qui mệnh, lễ Tam-Bảo vô-thượng, mười phương, (một bái).

KHAI-BẠCH.

(Lại thắp hương, qui bạch rằng :)

Kính mở Đại-Giác Mười-phương, Hùng-sư ba đời, rót cam-lộ cứu chúng cơ-cầu, giờ ngọc thần soi nơi tâm-tối.

Trộm nghe sâu kêu năm rạo, gà gáy ba hồi, ánh đuốc tiệp đời-mỏi tàn-lụi, bóng sao Ngân-Hà cũng lặn rồi. Giác mộng lại trở về cõi-mộng, tiếng chuông phá vỡ nẻo âm-u. Vầng trăng ngậm nửa đầu non biếc, bề xanh chưa ửng áng mặt trời. Tiếng sáo tường cò kêu đồn, vó ngựa đường dài mới động. Đầu thành mờ-mịt khói nhạt bay, ngoài trời phất-phới sương sớm tỏa. Chính là lúc đạo-sĩ châu Chân, và là thời sư tăng hành Đạo. Nhà nhà muôn cửa còn đóng kín. Một đêm sáu buổi đã thành-công Đường thế mặt-mù, chúng-sinh bối-rối. Tuy sợ đương đêm ôm gối ngủ, trọn đời mở mắt chừa tình cho.

Này Phật-tử ơi ! Nếu cứ suốt đêm vui thỏa dục, trọn ngày sáng bạch trí còn mê. Đến nỗi nô-lệ một đời, đều do hôn-mê vô vắn. Vì người thẳng mở một đường chính, đề lại về sau ngẫm-nghi xem. Nên biết mệnh người không thường, chớ đề lúc này

罪 根 意 悔 懺

志心懺悔，臣某等，自從無始無量劫來，忘却本心，罔和正道，墮三塗苦，由六根非，若不懺前，難追悔後，意根業者，攀緣念慮，無暫時休，繫著情塵，封心執相，如蠶作璽，再縛再纏，如蛾赴燈，自燒自爛，昏迷不覺，顛倒妄生，惱亂寸心，皆由三毒，慳貧罪者，陰謀狡妬，恡惜蒙求，本十利千猶爲未足，財如川積，心如漏卮，隨灌隨空，故言未滿，粟紅貫腐，不濟羣寒，綺疊羅堆，何曾振貸，得人數百，未說爲多，損己一文，翻成大耗，上自珍寶，下至絲麻，庫實藏盈，未嘗布施，諸種種事，晝度夜思，役思勞神，晝後貪業，嗔怒罪者，貪根爲本，嗔火自焚，怒目厲聲，焚知損氣，非惟俗輩，乃至僧流，經論干戈，

lầm bước. Hãy tìm Tình-thờ ngay trước mắt, nhận thấy Di-Đà tại nơi tâm. Nếu hay mau chịu đảm-đang, liền được hiển-hiện luôn đó.

Vậy bọn chúng con kính tưởng giờ này làm lễ hết đêm.

(Khải-bạch rồi, quyết tâm qui mệnh, lễ Tam-Bảo, vô-thương mười-phương, (một bái).

SÁM-HỐI NGHIỆP CĂN CỦA Ý.

Tháp nhang, qui bạch :

Giốc tâm sám-hối ! Chúng con nay kể từ bao nhiêu kiếp vô thủy vô lượng đến nay, bỏ mất gốc tâm, không biết đạo chính, xuống ba lối khổ do sáu gốc lầm. Nếu không sám-hối lỗi trước, khó mà ăn-năn tội sau.

Gốc tội nghiệp của ý là : Nghi tưởng liên-miên, không một khắc dừng, buộc vào tình tục, vui tâm trong tướng, như tâm kết kén, càng dẹt càng dày, như ngài sa đèn, tự thiêu tự đốt. Hồn mê chẳng tỉnh, nghiêng-ngửa lâm sinh, trí loạn tắc lòng, đều do ba độc. Tội tham lận ấy, ghen-ghét mưu ngầm, vơ-vét tiếc bòn, vốn một lợi mười vẫn còn chưa đủ. Của như nước chứa, lòng tựa chén giò, rót vào chảy hết, nên bảo chưa vừa. Thóc ủa tiền mục, chẳng cứu người nghèo, là lượt từng chõng nào từng giúp đỡ. Được người cả trăm vẫn cho là ít, mất đi một chữ đã tưởng hại to. Trên từ ngọc báu, dưới đến tơ gai, kho đụn chất đầy chưa từng bố-thí. Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo, thân tâm vất-vả đều do tham nghiệp.

Tội sân giận là : Gốc ở tính tham, lửa giận bùng cháy, mắt trợn hét gào, tổn-thương hòa-khí. Chẳng phải bọn tục, cả đến Tăng,

互相攻擊，毀及師長，罵至爺娘，忍草姜黃，毒焰猛熾，發言傷物，吐語害人，不念佛慈，不遵律禁，談禪似聖，對境如愚，雖作空門，未成無我，如木生火，火發自燒，如此前愆，皆由嗔業，愚癡罪者，性根頑鈍，意識昏蒙，不別尊卑，不分善惡，殺熊斷臂，斫樹傷身，罵佛招殃，唾天濕面，忘恩忘德，背義背仁，不省不思，皆愚癡業，如斯等罪，最重最深，及至命終墮于地獄，經億千劫，方得受生，縱得受生，還遭頑報，若不懺悔，何以消除。今對佛前。悉皆懺悔。懺悔已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 勤 請
(跪拈香)

勸請十方三世佛。 及請菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。 同證衆生登彼岸。

勸請已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

Ni. Bàn- cãi đánh-đấm, cùng nhau đánh lộn, chê cả sư-trưởng, bói-móc mẹ cha, héo cò, úa cành, lừa bịp bùng cháy. Nói ra thương vật, mở miệng hại người. Không nghĩ Từ-bi, không theo luật cấm. Nói thân nói thánh, tới cảnh thì ngu. Tuy đến cửa Phật, khư-khư chấp ngã. Như cây sinh lửa, lửa cháy cây thiêu. Những lỗi trước ấy, đều do Sân-nghiệp.

Ngu-si tội ấy : là tính gốc độn, ý-thức tối-tăm, không phân khinh-trọng, thiện-ác lẫn-lộn, giết gấu gãy tay, chặt cây đau xác. Báng Phật nên sai, nhờ trời ướt mặt. Quên ơn, quên đức, bội nghĩa bội-nhân. Không xét không nghĩ, đều do Si-nghiệp. Những tội như thế, rất nặng rất sâu. Đến khi chết đều rơi vào địa ngục. Trải ức ngàn kiếp, mới được tái-sinh. Một khi tái sinh lại gặp ngoan báo. Nếu không sám-hối, làm sao tiêu-trừ.

Nay đứng trước Phật thầy xin sám-hối.

Sám-hối xong, quyết tâm qui mệnh, lễ Tam-Bảo, mười-phương vô-thượng (một vái.)

GIỐC LÒNG KHUYÊN MỜI ! (quỳ thấp hương)

Khuyên mời Mười-phương, Ba đời Phật,

Cùng chư Bồ-Tát, Thánh, Hiền, Sư.

Mở rộng Từ-bi, Vô-lượng Tâm,

Cùng dắt chúng-sinh chứng bến Giác.

Khuyên mời rồi, giốc lòng qui mệnh, lễ Mười-phương, Vô-thượng, Tam-Bảo. (một vái).

志 心 隨 喜

(跪拈香)

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。菩提真心無退轉。

隨喜已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 迴 向

(跪拈香)

我等迴心歸聖衆。慇懃頭地禮慈尊。

志將功德及羣生。憑此勝因成正覺。

願迴向己心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

志 心 發 願

(再跪拈香)

一願靈源常湛寂。二願藏識絕攀緣。

三願疑團俱破碎。四願定月永團圓。

五願法塵忘起滅。六願愛網離拘牽。

七願思惟行十地。八願諦聽捨三天。

九願心猿休掉臂。十願意馬息揚鞭。

十一願寬懷諸佛教。十二願適興祖師禪。

發願已志心皈命禮十方無上三寶。(一拜)

GIỐC LÒNG VUI THEO (quỳ thấp nhang)

Con nay vui-vẻ tin theo Phật,
 Hôm sớm thành-kính sám lỗi xưa.
 Bạc thang Mười nấc nguyện xin leo,
 Chân Tâm Bỏ-đỡ không lùi bước.

Tùy-hỷ rồi, giốc lòng qui mệnh, lễ Mười-phương, Vô-thượng,
 Tam-Bảo. (một bái)

GIỐC LÒNG HƯƠNG VỀ. (quỳ thấp hương)

Chúng con hồi tâm quy về Thánh,
 Ân-cần đầu cúi lễ Từ-Tôn.
 Nguyện đem công-đức tới chúng-sinh,
 Với mầm nhân tốt thành Chính Giác.

Hồi hương rồi, giốc lòng qui mệnh, lễ Mười-phương, vô-thượng,
 Tam-Bảo. (một bái).

GIỐC LÒNG PHÁT NGUYỆN. (lại quỳ thấp nhang)

Một nguyện Nguồn-Linh luôn sâu-thẳm,
 Hai nguyện Tạng-thức hết lần duyên.
 Ba nguyện Mỗi-Ngờ đều phá sạch,
 Bốn nguyện Trăng Định mãi đầy tròn.
 Năm nguyện Bụi Pháp lắng chìm nôi,
 Sáu nguyện Lưới ái hết triền-miên,
 Bảy nguyện Nghĩ làm trọn mười bậc,
 Tám nguyện Nghe Đạo bỏ tam thiên.
 Chín nguyện Tâm vượn hết sớ-soạng,
 Mười nguyện ý ngựa khỏi roi kềm.
 Mười một nguyện vui lòng theo Phật-giáo,
 Mười hai nguyện hứng thú Tò Sư-Thiền.

(1) Tam-Thiên: Siva - Vishnu - Brama

(或誦經旋繞念佛已宜頂禮阿彌陀佛十拜或四十八拜
觀音，勢至，清淨大海衆，各三拜已，發願西方文，
頂禮三自皈)。

此 時 無 常 偈

法鼓擊回浮世夢。	梵鐘撞破大家聲。
猶貪北首眠甜黑。	不管東顏日照紅。
長夜漫漫時有旦。	冥途默默路難通。
今朝若不勤行道。	他日那逢黃面公。

太 宗 皇 帝 勸 衆 偈

生老病死	理之常然	欲求解脫	解縛牽纏
迷而求佛	惑而求禪	禪也不求	杜口忘言

太宗皇帝御製課虛集卷下完

(Phát-nguyện xong, giốc lòng, qui theo mệnh, lễ Tam-Bảo, Vô-thượng, mười-phương. (một bái)

Hoặc tụng xong một vòng kính niệm Phật, nên đính lễ A-Di-Đà Phật mười bái hoặc bốn mươi tám bái, Quan-Âm, Thế-Chí, các Đại-hải Thanh-tĩnh, mỗi vị ba vái, xong phát nguyện văn Tây-phương, đính lễ ba lần tự quy !)

- **KỆ VÔ-THƯỜNG BUỒI NÀY.** (hết đêm)

Đời mộng-ảo trống chùa cảnh-tĩnh,
 Chuông Chí-tôn reo khắp nhà-nhà.
 Còn ham giấc ngủ ngon mãi-miết,
 Chẳng quản vãng đồng ánh chói-lòa.
 Giãng-giấc đêm dài còn có sáng,
 Mịt-mờ lối qui khó lẫn ra.
 Nay không gắng-gỏi tu-hành đạo,
 Ngày khác làm sao thấy Phật-Đà.

**KỆ KHUYÊN QUẦN-CHÚNG CỦA THÁI-TÔNG
 HOÀNG ĐẾ**

Sống, già, bệnh, chết,
 Là lý thường-nhiên,
 Muốn tìm giải thoát,
 Gỡ trói buộc liền;
 Mê mà cầu Phật;
 Ngờ nên cầu Thiên;
 Thiên đâu cầu được,
 Ngậm miệng ngồi yên.

Thái-Tông hoàng-đế làm sách Khoa-Hư, quyền dưới hết.

跋 · 後

夫語默動靜皆是佛法，飲食寤寐皆是佛法，污尿放屎皆是佛法，有權有實有照有用，餘皆方便度人，而李陳諸家談說，非是古佛再來，非是釋迦宗旨，故云：禮佛者敬佛之德，念佛者感佛之恩，持戒者行佛之行，看經者明佛之理，坐禪者透佛之境，參禪者合佛之心，說法者滿佛之願。

故我佛世尊欲令一切衆生開示悟入，速成正覺，而衆生迷昧本心執著自己五蘊色身而棄本逐末，不覺不知，迷昧正因，昇沈六道，如蟻循環，何期得脫？而設立方便誘引多門，因此留下法要以哺後兒孫，故古德云：爲鼠常留飯，憐蛾不點燈。

又云：迷之則生死始。悟之則輪回息矣！

DỊCH LỜI BẠT CUỐI CÙNG

* * * * *

Ồi ! nói hay lạng, động hay tĩnh đều là phép Phật. Uống, ăn, thức, ngủ đều là phép Phật. Đi ia, đi đái đều là phép Phật, có quyền-biến, có thực-thề, có chiếu có dụng, ngoài ra đều là phương-tiện đề độ cho người đời, mà triều Lý triều Trần các học-phái bàn-luận chẳng phải về vấn-đề Phật xưa sống lại, chẳng phải về tôn-chỉ của Thích-Ca. Cho nên bảo :

Lễ Phật là tôn-kính đức-tính của Phật.

Niệm Phật là cảm ơn cái ân-huệ của Phật.

Giữ giới là thực-hành đức-hạnh của Phật.

Xem kinh sách là tỏ rõ chân-lý Phật.

Ngồi thiền là đạt đến cảnh-giới Phật.

Tham-thiền là hợp nhất vào tâm Phật.

Thuyết pháp là thỏa-mãn ý-nguyện của Phật.

Cho nên Thế-Tôn Phật của chúng ta muốn cho hết thầy chúng-sinh mở thấy cửa vào giác-ngộ, sớm thành được chính-giác. Nhưng chúng-sinh mê-muội mất bản-tâm, chấp giữ lấy cái sắc thân ngũ-uần của mình mà đi bỏ gốc theo đuôi ngọn-ngành, không giác-tỉnh không hiểu biết, mê-muội nguyên-nhân tính thật, nổi chìm trong sáu đường, khác nào như đàn kiến xoay quanh vòng tròn, biết bao giờ mới giải-thoát được. Ngài thiết-lập ra nhiều môn phương-tiện đề dạy bảo dẫn-dắt, nhân thế mới để lại giáo-lý chính-yếu mớm cho con cháu đời sau. Cho nên Cồ-Đức có nói : « Vì thương chuột nên thường dành cơm, vì thương con thiêu-thân nên không thắp đèn ». Lại nói : « Mê thì bắt đầu có sống chết, giác-ngộ rồi thì hết luân-hồi vậy ». /.

KHÓA HỮ LỤC CỦA TRẦN THÁI
TÔNG BẢN DỊCH CỦA NGUYỄN
ĐĂNG THỰC KHUÔNG VIỆT ẮN
HÀNH LẦN THỨ NHẤT IN TẠI
NHÀ IN THĂNG LONG SỐ 20 CHỢ
TRƯƠNG MINH GIẢNG SAIGON

Giấy phép số 3253 BTT/PHNT, ngày 19-9-72



1201000006707